

NHIỀU TÁC GIẢ



Thiên

BẮT
DUNG GIAN

CÔ HẦU CẬN

Agatha Christie



ô Helier nói:

— Này bác sĩ Lloyd. Thế bác sĩ có biết một câu chuyện kinh dị nào không nhỉ?

Cô mỉm cười với vị bác sĩ - nụ cười hàng đêm vẫn làm mê hoặc biết bao khán giả ở nhà hát. Jane Helier đôi khi được gọi là người phụ nữ xinh đẹp nhất nước Anh, những kẻ ganh tị với nghề nghiệp của cô vẫn thường kháo nhau rằng:

— Dĩ nhiên Jane đâu có phải là một nghệ sĩ. Ắ mà diễn xuất cái nổi gì - bà hiểu ý tôi chứ. Ắ chỉ nhờ cặp mắt của mình mà thôi!

Và “cặp mắt” này đang đắm đuối nhìn vị bác sĩ đứng tuổi tóc hoa râm vẫn còn độc thân, suốt năm năm qua, vẫn lo chữa trị cho những người bệnh trong ngôi làng Mary Mead này.

Bất giác, vị bác sĩ kéo chiếc áo gilê xuống (có vẻ như chật chội khó chịu) và cố moi móc thật nhanh trong trí óc mình, để đừng làm thất vọng con người đáng yêu kia đang đặt hết tin tưởng vào mình.

Và Jane mơ màng.

— Tôi cảm thấy sẽ được thích thú đắm mình vào câu chuyện tội ác tối nay đây.

Đại tá Bantry, chủ nhà nói:

— Tuyệt, tuyệt, tuyệt quá đi chứ. - Rồi ông cất giọng cười ồn ào, bộc tuếch của cánh nhà binh.

— Dolly nhỉ?

Vợ ông, nghĩ ngay đến những tình trạng cấp bách của cuộc sống xã hội (kế hoạch du lịch vùng biên giới mùa xuân của mình) nhiệt tình đồng ý.

Bà nói với giọng hăm hở nhưng hơi lơ đãng.

— Dĩ nhiên là tuyệt rồi, em cũng nghĩ thế đây.

Cô Marple nói:

— Thế sao? - Và cặp mắt bà thoáng vẻ long lanh.

Bác sĩ Lloyd nói:

— Như cô biết đấy, cô Helier ạ, chúng ta thật không biết gì nhiều về những câu chuyện kinh dị - và lại càng ít biết gì hơn về những câu chuyện tội ác ở làng Mary Mead này.

— Ông làm tôi bất ngờ thật đấy. - Ông Henry Clithering nói vào. Người cựu nhân viên đặc vụ của Scotland Yard này quay qua cô Marple.

— Bạn bè tôi luôn cho biết là cái làng Mary Mead này chính là cái hang ổ tội phạm và tệ đoan dữ dội lắm đấy.

Cô Marple phản đối:

—Ồ, ông Henry à! - Má bà bỗng ửng hồng.

— Tôi bảo đảm là chưa hề bao giờ nói đến bất kỳ điều gì đại loại như vậy cả. Điều duy nhất mà tôi đã từng nói là tâm địa con người trong một ngôi làng nhỏ cũng giống y như ở bất kỳ nơi nào khác, duy có điều là người ta sẽ có nhiều cơ hội và sự rảnh rỗi để thấy được nó ở những khu phố san sát nhau thôi.

Jane Helier nói, vẫn đang nhắm vào ông bác sĩ.

— Nhưng có phải lúc nào bác sĩ cũng ở đây đâu, bác sĩ vẫn luôn ngao du những chốn xa lạ khắp cả ta và thế giới - những nơi mà có những sự cố xảy ra!

Bác sĩ Lloyd trả lời trong khi vẫn đang cố nghĩ ra một chuyện gì đó một cách vô vọng.

— Dĩ nhiên là vậy rồi. Đúng, đương nhiên... Đúng là... A! Tôi nghĩ ra rồi!

Ông lấy lại bình tĩnh sau một cái thở phào nhẹ nhõm.

— Cách nay vài năm - thế mà tôi hầu như quên khuấy đi mất. Tuy nhiên thực ra sự việc đã xảy ra lạ lắm - dĩ nhiên là rất lạ. Và cuộc gặp gỡ cuối cùng đã khiến tôi nắm giữ được đầu mối của sự việc cũng thật kỳ quặc.

Cô Helier kéo chiếc ghế của mình xích lại gần phía ông bác

sĩ, tôi thêm chút son môi rồi ngóng cổ chờ đợi. Những người khác cũng hướng về phía ông bác sĩ với vẻ mặt quan tâm.

Ông bác sĩ mở đầu câu chuyện:

— Tôi không biết có vị nào ở đây biết đến những hòn đảo chim Hoàng Yến hay không.

Jane Helier lên tiếng:

— Hẳn là mấy hòn đảo này phải tuyệt vời lắm. Chúng ở vùng Nam hải chứ gì? Hay là ở Địa Trung Hải?

Ông đại tá nói:

— Tôi đã ghé vào đó trên đường đến Nam Phi, đảo Tenerife là một cảnh tuyệt đẹp với cảnh mặt trời lặn ở đó.

— Sự việc mà tôi đang kể đây đã xảy ra trên đảo Đại Yến, chứ không phải trên Tenerife. Chuyện xảy ra cách nay cũng lâu lắm rồi. Đạo ấy tôi bị suy nhược sức khỏe và bắt buộc phải ngưng làm việc ở Anh để ra nước ngoài. Tôi đã hành nghề ở Las Palmas, là thị trấn của đảo Đại Yến. Trong nhiều năm trời, tôi đã rất thích thú được hưởng cuộc sống thanh thoát ở đó. Thời tiết thật mát mẻ lại có cả nắng ấm, thật tuyệt vời khi được lướt sóng (tôi lại rất say mê môn này) và cuộc sống trên biển cả của cảng đã lôi cuốn tôi. Những con tàu từ khắp nơi trên thế giới đều ghé lại Las Palmas. Mỗi sáng tôi vẫn thường thả bộ dọc theo con đê chắn sóng mãi mãi còn hơn bất kỳ một thành viên của phái đẹp nào bị cuốn hút trong khu phố tràn ngập những cửa hàng nón.

— Như tôi đã kể, các con tàu từ khắp nơi trên thế giới đều ghé vào Las Palmas. Đôi khi chúng lưu lại vài ba giờ, có lúc một hai ngày. Tại khách sạn lớn nhất ở đây là Metropole, quý vị có thể thấy thiên hạ thuộc đủ mọi sắc dân và quốc tịch - những con người lênh đênh hồ hải. Ngay cả những người đi đến Tenerife cũng thường ghé lại đây và lưu lại vài ba ngày trước khi đến đó.

— Câu chuyện của tôi bắt đầu ở đó, trong cái khách sạn Metropole này, vào một tối thứ năm của một ngày tháng Giêng. Tối đó, có một buổi khiêu vũ và tôi cùng với một anh bạn đang

ngồi tại một cái bàn nhỏ để ngắm cảnh thiên hạ đang dập dìu nhảy múa. Chỉ lác đác vài ba người Anh và những người thuộc các quốc tịch khác, còn đa số khách nhảy đều là người Tây Ban Nha; và khi ban nhạc chơi một bản tangô, chỉ còn khoảng năm hay sáu cặp khách nhảy người Tây Ban Nha còn lại trên sàn nhảy. Họ đều nhảy rất đẹp và chúng tôi vừa xem vừa trầm trồ tán thưởng. Có một phụ nữ đã khiến chúng tôi phải hết lòng tán thưởng. Với dáng người cao, đẹp và những đường cong mỹ miều, cô ta đi lại uyển chuyển như một con beo cái đã được thuần hóa. Có một điều gì nguy hiểm ở cô ta. Tôi đã nói thật nhiều về điều này với anh bạn và anh ta cũng đồng ý như vậy.

Anh ta nói: “Những phụ nữ loại này nhất định là phải có một cuộc đời truân chuyên thôi. Họ khó mà có được một cuộc sống êm ả”.

— Tôi hứa theo: “Sắc đẹp có lẽ là một tài sản nguy hiểm thật đấy”.

Anh bạn đề quyết. “Không chỉ sắc đẹp mà thôi đâu. Còn có một cái gì khác nữa đấy. Hãy thử nhìn lại cô ta đi. Nhất định phải có chuyện xảy ra với người phụ nữ đó, hoặc có chuyện do chính cô ta gây ra cho mà xem. Tôi đã bảo mà, cuộc đời sẽ không suôn sẻ với cô ta đâu. Cậu chỉ cần nhìn cô ta là biết ngay”.

— Anh ta ngừng nói rồi điểm xuyết bằng một nụ cười: “Chỉ nhìn hai người phụ nữ ở đằng kia, thì cậu khắc biết rằng tuyệt nhiên sẽ không thể có gì xảy ra được cho bất kỳ người nào trong số hai người ấy! Họ được sinh ra để tồn tại một cách an toàn và êm ả”.

— Tôi dõi theo ánh mắt anh ta. Hai phụ nữ mà anh ta đang nói đến là hai du khách vừa mới đến - một con tàu Hòa Lan mới ghé cảng tối hôm đó, và hành khách vừa lục tục kéo đến khách sạn.

— Vừa mới nhìn họ tôi đã thấy ngay những gì anh bạn muốn nói. Họ là hai phụ nữ người Anh - đích thị là những lữ khách

người Anh trăm phần trăm mà bạn nhận ra ngay khi ở nước ngoài. Họ vào khoảng, bốn mươi. Một người trông xinh xắn và hơi - chỉ hơi - mũm mĩm; còn người kia có nước da đen và hơi - cũng chỉ hơi - khẳng khiu một chút. Trông họ e dè, ít nói và kín đáo trong những bộ đồ bằng vải tuyết được may thật khéo, và tuyệt không hề trang điểm một chút nào cả. Họ mang cái vẻ trầm lặng đặc trưng của những phụ nữ Anh con nhà nề nếp. Cả hai đều không có một nét gì nổi bật. Họ cũng giống như hàng ngàn những phụ nữ đồng hương của mình. Hẳn là họ sẽ xem những gì mà họ muốn xem với sự trợ giúp của tập sách hướng dẫn du lịch Baedeker, ngoài ra chẳng cần biết mọi thứ khác là gì cả. Họ sẽ sử dụng thư viện Anh và đi nhà thờ Anh giáo ở bất kỳ nơi nào mà họ gặp, rất có thể là một hay cả hai người đã phác họa một chút cảnh vật gì đó cũng nên. Đúng như lời anh bạn đã nói, chả có chút gì hào hứng hay đáng nói đã xảy ra cho hai người, mặc dù có thể là họ đã du hành cả nửa vòng trái đất. Nhìn họ xong, tôi quay lại nhìn người phụ nữ Tây Ban Nha có vóc dáng yêu kiều với cặp mắt nung nấu bao ước vọng đang khép hờ hững và tôi bỗng mỉm cười.

— Cửa đáng tội - Jane Helier buông một tiếng thở dài - Tuy nhiên tôi không cho là những người không biết tận dụng những những thứ đó là ngốc nghếch đâu. Người phụ nữ ở phố thời trang Bond Street của Luân Đôn - Valentine - mới thực là tuyệt diệu. Audrey Denman đã chạy đến với cô ta; và không biết quý vị có từng xem cô ta trong vở “Bậc thang đi xuống” không? Trong vai cô nữ sinh ở màn đầu cô ta quả là tuyệt vời. Và tuy là cô ta cũng đến năm mươi rồi. Nhưng thật ra tôi bỗng phát hiện là tuổi cô ta đã gần sáu mươi rồi đấy.

Bà Bantry thúc giục bác sĩ Lloyd:

— Ông kể tiếp đi. Tôi đang khoái câu chuyện của mấy ả khiêu vũ người Tây Ban Nha với vóc dáng mỹ miều rồi. Nó khiến tôi quên khuấy chuyện già nua và béo phì của mình đi đấy.

Bác sĩ Lloyd phải xin lỗi.

— Rất tiếc. Bà thấy đó, thực ra đây đâu phải là chuyện về mấy phụ nữ Tây Ban Nha đâu.

— Vậy sao?

— Đúng vậy. Khi mọi chuyện xảy ra, tôi và anh bạn mới biết là mình đã lầm. Chẳng có chút gì gọi là sôi nổi xảy ra với người đẹp Tây Ban Nha này cả. Cô đã lấy một anh thư ký làm ở một văn phòng vận tải, và đến lúc tôi rời đảo, cô ta đã có đến năm mặt con và thân hình thì cứ phì nộn ra.

Cô Marple bình luận:

— Thì cũng y như cô gái trong vở Israel Peters. Cái cô gái khi lên sân khấu có bộ giò thật đẹp đến độ cô đã được cho sắm vai chàng anh hùng trong thể loại kịch câm. Mọi người cứ cho rằng rồi ra cô nàng sẽ chẳng gặp được điều gì tốt lành cả đâu, thế mà cô nàng lại lấy được một tay nhà buôn viễn dương và có được cuộc sống thật tuyệt vời.

Ông Henry thì thào:

— Thì cũng như ngôi làng này chứ gì.

Ông bác sĩ tiếp tục:

— Không phải đâu, câu chuyện của tôi nói về hai phụ nữ người Anh cơ.

Cô Helier bật hỏi:

— Thế họ bị chuyện gì vậy?

— Đã có chuyện xảy ra với họ - vào ngay ngày hôm sau.

Bà Bantry đưa đẩy.

— Vậy sao?

— Chỉ vì tò mò, khi ra khỏi khách sạn tối hôm đó, tôi đã liếc vội vào sổ đăng ký của khách sạn. Thế là đủ để biết được tên của họ một cách dễ dàng. Mary Barton và Amy Durrant ở Little Paddocks, Caughton Weird, Bucks. Tôi thật không có chút may mắn nào về cái ý nghĩ rằng rồi đây mình sẽ sớm gặp lại chủ nhân của những cái tên này - trong những tình huống thật bi thảm.

— Ngày hôm sau, tôi sắp xếp để tham dự một buổi đi chơi ngoài trời với vài người bạn. Vừa dùng cơm trưa, chúng tôi vừa chạy xe băng qua đảo để đến một nơi gọi là (do đã quá lâu rồi, nên nếu tôi nhớ không lầm) Las Nieves, là một vịnh thật kín đáo mà chúng tôi có thể tắm được nếu cảm thấy hứng khởi. Chúng tôi đã thực hiện chương trình này thật chính xác, chỉ ngoại trừ bị trễ chút xíu vào lúc khởi hành, sao cho cả bọn có thể ngừng lại trên đường và tổ chức cắm trại, để rồi sau đó sẽ đi tới Las Nieves để tắm trước khi dùng trà.

— Khi đến gần bãi biển, chúng tôi thấy ngay một cảnh tượng cực kỳ nhốn nháo. Toàn bộ dân cư trong ngôi làng nhỏ dường như đều tụ tập cả trên bãi biển. Ngay khi trông thấy tôi, họ đổ xô lại phía xe hơi rồi bắt đầu kể lể một cách thật sôi nổi. Vì không rành tiếng Tây Ban Nha lắm, tôi đã phải mất mấy phút mới nghe ra, tuy nhiên cuối cùng tôi cũng nắm được câu chuyện mà họ kể.

— Hai phụ nữ Anh điên rồ đi tắm biển, một người bơi ra quá xa và bị nạn. Người kia bơi theo phía sau và cô đem người bị nạn vào bờ, nhưng đến lượt người sau này cũng bị đuối sức và cũng bị chìm nếu không được một người đàn ông chèo ghe ra vớt người cứu nạn lần kể bị nạn lên - nhưng đã không thể cứu được người bị nạn.

— Ngay khi hiểu rõ tình hình, tôi đã phải vệt đám đông để vội vã đi xuống phía bờ biển. Thoạt đầu tôi đã không nhận ra được hai người phụ nữ này. Người phụ nữ mập mạp bận bộ đồ tắm bằng vải thun đen với chiếc nón bơi bằng cao su màu lục chẳng có một nét gì giúp tôi nhận diện được khi cô ta ngược nhìn lên một cách lo lắng. Cô ta đang quỳ bên thi thể của bạn mình, cố gắng làm hô hấp nhân tạo với các thao tác không chuyên. Khi tôi cho cô ta biết tôi là một bác sĩ, thì cô ta thở phào nhẹ nhõm, và tôi đã bảo cô ta phải vào ngay một cái chòi để xoa bóp người và phơi khô quần áo. Một trong những phụ nữ trong nhóm của tôi đã cùng đi với cô ta. Tôi đã phải hì hục làm việc

để cứu sống cho cái thi thể của người phụ nữ bị chết đuối kia một cách hoà công. Sự sống rõ ràng đã tắt lịm, và cuối cùng tôi đành phải chào thua.

— Tôi đã quay vào cái chòi của một người dân chài và đành phải báo cái tin buồn thảm này. Người phụ nữ kia hiện giờ đã mặc bộ quần áo thường ngày của mình, và tôi bỗng nhận ngay ra cô ta là một trong hai người du khách đã đến đây tối hôm trước. Cô ta tiếp nhận tin buồn này một cách khá trầm lặng, và rõ ràng là nỗi khủng khiếp của toàn bộ sự việc này đã lấn át bất kỳ cảm xúc cá nhân mạnh mẽ nào của cô ta.

Cô ta nói: “Amy tội nghiệp, thật tội, tội cho Amy quá. Chị ấy cứ mong phải tắm ở đây cho bằng được. Và chị ấy bơi lội giỏi lắm đấy chứ. Tôi cũng không hiểu sao nữa. Thế bác sĩ có nghĩ ra có điều gì xảy ra không nhỉ?”

“Có thể là vọp bẻ. Cô có thể cho tôi biết chính xác những gì đã xảy ra không?”

“Cả hai chúng tôi đã bơi được một lúc - khoảng hai mươi phút thì phải. Sau đó tôi định bụng là bơi trở vào, nhưng Amy lại bảo là chị ấy muốn bơi ra một lần nữa. Và chị ấy bơi ra thật, rồi bỗng nhiên tôi nghe tiếng kêu của chị ấy và phát hiện là chị ấy đang kêu cứu. Tôi đã bơi ra thật nhanh hết sức mình. Khi ra đến nơi thì chị ấy vẫn còn đang nổi, có điều chị ấy lại cuống cuống vồ chặt lấy tôi thế là cả hai cùng bị chìm xuống. Nếu không có người đàn ông kia chèo ghe ra vớt có lẽ tôi cũng bị chết chìm luôn rồi”.

Tôi nói: “Đó là chuyện vẫn thường hay xảy ra thôi. Cứu người chết đuối đâu phải chuyện chơi”.

Cô Barton nói tiếp: “Khủng khiếp quá đi mất, chúng tôi chỉ mới đến đây hôm qua, và đang tận hưởng ánh nắng mặt trời và một chút thời gian nghỉ lễ của mình. Thế mà giờ đây - cái bi kịch khủng khiếp này lại ập đến”.

— Sau đó tôi đã hỏi cô ta những điều cụ thể về người phụ nữ đã chết, với lý do là tôi sẽ làm mọi chuyện để giúp cô ta, tuy

nhiên nhà cầm quyền Tây Ban Nha cũng sẽ yêu cầu phải cung cấp đầy đủ thông tin nữa. Chính điều này đã khiến cô ta sẵn sàng cung cấp đầy đủ thông tin cho tôi.

— Người phụ nữ xấu số, cô Amy Durrant, là người được thuê làm người hầu cận cho cô và đã đến làm cho cô khoảng năm tháng trước đó. Họ rất hợp ý với nhau, tuy nhiên cô Durrant đã cho biết rất ít về những người thân của mình. Cô đã bị mồ côi từ khi còn rất nhỏ và đã được một ông chú nuôi nấng, rồi sau đó đã tự tìm kế sinh nhai từ khi được hai mốt tuổi.

Ông bác sĩ hỏi tiếp:

— Và tất cả chỉ có thế thôi.

Ông ngừng một chút rồi lại nói tiếp, nhưng giọng nói lúc này biểu lộ sự dứt điểm.

— Và tất cả chỉ có thế thôi.

Jane Helier nói:

— Em chả hiểu gì cả. Chỉ có thế thôi à? Ý em muốn nói là, câu chuyện sao mà thảm quá, tuy nhiên nó lại không - phải rồi, nó chả có gì gọi là rùng rợn ly kỳ cả.

Ông Henry tiếp lời:

— Tôi cho là sau đó sẽ còn nhiều chuyện nữa đấy.

Bác sĩ Lloyd tiếp lời:

— Đúng vậy, sẽ còn nhiều chuyện tiếp theo đấy. Rồi quý vị thấy, ngay lúc đó có một chuyện rất kỳ quặc. Dĩ nhiên tôi đã hỏi những người đánh cá, v.v... nhiều câu hỏi về những gì họ đã thấy. Họ chính là những nhân chứng đã chứng kiến tận mắt sự việc. Và một chị phụ nữ đã kể lại sự việc khá nực cười. Lúc bấy giờ tôi không chút quan tâm gì đến chuyện này, nhưng sau đó tôi mới chợt nhớ đến nó. Quý vị biết không, chị ta cứ đề quyết là cô Durrant chẳng hề gặp chuyện nguy hiểm gì cả khi cô ta đang la lên. Còn cô kia đã bơi ra chỗ cô ta và theo lời chị phụ nữ này thì, đã cố tình nhấn đầu cô Durrant xuống nước. Như đã nói từ trước, tôi đã chẳng quan tâm gì đến chuyện này. Nó thật quái dị và có vẻ khác hẳn với những gì xảy ra trên bờ biển. Cô Barton có

lẽ đã cố gắng làm cho cô bạn của mình ngất đi, vì nhận thức rằng chuyện vô chạp trong cơn hoảng loạn của người bị nạn sẽ khiến cả hai cùng bị nhấn chìm. Quý vị thấy đó, theo lời kể của chị phụ nữ Tây Ban Nha, có vẻ như - đúng là, như thể cô Barton đã cố tình trấn nước cô bạn của mình vậy.

— Như tôi đã nói, vào lúc đó tôi hầu như không mảy may quan tâm đến chuyện này. Sau đó tôi mới sực nhớ lại. Cái khó khăn to lớn của chúng tôi là phải khám phá ra bất kỳ điều gì về người phụ nữ xấu số này, Amy Durrant. Dường như cô ta không có bất kỳ người thân nào cả. Cô Barton và tôi cùng nhau lục lọi tất cả đồ đạc của cô ta. Chúng tôi tìm thấy một địa chỉ và đã viết thư đến đó, tuy nhiên việc này chỉ cho biết đó là một căn phòng mà cô ta đã thuê để cất giữ đồ đạc mà thôi. Bà chủ nhà cũng chẳng biết gì, chỉ duy nhất gặp cô ta khi nhận phòng mà thôi. Vào lúc đó cô Durrant đã lưu ý là lúc nào cũng thích có một nơi chốn riêng biệt của mình để có thể trở về bất cứ lúc nào. Có một hai món đồ cổ nào đó và một số hình ảnh thời còn đi học, và một rương sách mua với giá son, nhưng không thấy món đồ cá nhân nào cả. Cô ta đã cho bà chủ nhà biết là cha mẹ mình đã chết ở Ấn Độ khi cô còn bé và đã được một ông chú hay cậu là mục sư nuôi nấng, tuy nhiên lại không cho biết rõ ông ta là chú hay cậu, do đó cũng không có hướng để tìm biết tên họ ông ta.

— Chính xác thì không phải là chuyện bí ẩn, mà chỉ là chuyện chưa được thỏa lòng mà thôi. Hiện nay có nhiều phụ nữ sống cô độc, kiêu hãnh và dè dặt, trong tình cảnh đó. Có hai tấm hình trong số đồ đạc của cô ta ở Las Palmas - đã khá cũ và phai mờ bị cắt xén cho vừa với khung hình, nên cũng không còn thấy tên của nhà nhiếp ảnh đã chụp tấm hình, và còn có một tấm hình chụp theo kiểu ghép có thể là hình của mẹ, hay có lẽ là hình của bà ngoại cô ta thì đúng hơn.

— Cô Barton còn có tên của hai người có liên hệ với cô Durrant. Một tên cô đã quên mất rồi, còn tên kia phải cố gắng

lắm cô mới nhớ ra. Đây là tên của một nữ chủ nhân hiện nay đã ở nước ngoài, mãi tận Úc châu. Người ta cũng đã gửi thư cho bà này. Dĩ nhiên, thư trả lời của bà ta phải mất một thời gian rất lâu mới tới được. Và tôi có thể nói rằng khi thư đến thì nó chẳng còn chút ích lợi gì cả. Bà ta cho biết cô Durrant đã làm việc cho bà như một người hầu cận và rất được việc và cũng là một phụ nữ rất duyên dáng, tuy nhiên bà ta không hề biết chút gì về những chuyện riêng tư hay bà con thân thích của cô ta.

— Vì thế, thật ra - chẳng có gì là bất thường cả, như tôi đã nói. Đó chính là hai điều cùng khiến tôi phải bức xúc khó chịu. Cái cô Amy Durrant này mà chẳng ai biết bất kỳ điều gì về nhân thân, và câu chuyện kỳ quặc của chị phụ nữ Tây Ban Nha. đúng vậy, và tôi sẽ còn bổ sung thêm một chuyện thứ ba nữa. Khi tôi mới cúi người xuống trên thi thể nạn nhân và cô Barton đang đi về phía những cái chòi, cô ta đã ngoái nhìn lại. Cô đã ngoái nhìn với một vẻ mặt mà tôi chỉ có thể mô tả là một sự bức xúc, xốn xang - một loại tâm trạng thống khổ mông lung đã hằn sâu trong tâm trí tôi.

— Lúc bấy giờ nó đã không hề gây cho tôi ấn tượng về bất kỳ một điều gì bất thường cả. Tôi chỉ cho đó là nỗi thống khổ khủng khiếp về người hầu cận của cô ta mà thôi. Tuy nhiên, bạn thấy đấy, sau này tôi mới nhận thấy rằng chúng chẳng ăn nhập gì đến những tâm trạng ấy cả. Chẳng có mối thâm tình chí cốt nào giữa hai người, thì làm gì có chuyện thống khổ khủng khiếp đến thế cơ chứ. Cô Barton chỉ ưa thích Amy Durrant và bị sốc vì cái chết của cô này - thế thôi.

— Tuy nhiên, sau đó tại sao lại có cái tâm trạng bức xúc, xốn xang đến mức khủng khiếp như vậy? Đó chính là câu hỏi cứ đeo đẳng theo tôi. Tôi thật không thể làm về cái dáng vẻ đó được. Và hầu như nghịch lại với ý chí của mình, một câu trả lời bắt đầu hình thành trong tâm trí tôi. Cứ giả như câu chuyện của chị phụ nữ Tây Ban Nha là thực; cứ giả như Mary Barton cố ý và đang tâm quyết nhấn chìm Amy Durrant dưới nước. Thì quả là

cô ta đã thành công trong việc trấn nước nạn nhân trong khi giả vờ như đang cứu nạn. Cô ta lại được một chiếc ghe đến cứu. Những chuyện này lại xảy ra trên một bãi biển quanh quẽ xa hẳn với các nơi khác. Và sau đó tôi lại xuất hiện - điều bất ngờ mà cô ta không hề dự kiến. Một vị bác sĩ! Mà lại là một ông bác sĩ người Anh nữa! Cô ta biết quá rõ là những người bị chìm dưới nước trong thời gian còn lâu hơn cả Amy Durrant thì vẫn có thể được cứu sống bằng phương pháp hô hấp nhân tạo. Tuy nhiên cô ta vẫn đành phải diễn xuất cho trọn vai trò của mình - phải bỏ đi để mặc cho tôi một mình với nạn nhân của cô ta. Và khi ngoái lại nhìn lần sau cùng, một vẻ bức xúc, xốn xang hết sức đã lộ hẳn trên mặt cô ta. Liệu Amy Durrant có sống lại rồi kể lại những gì cô ta biết hay không?

Jane Helier nói:

— Ôi chà! Em rợn cả người lên rồi đây.

— Nếu xét theo hướng này thì toàn bộ câu chuyện có vẻ như đã sặc mùi tử khí hơn rồi đấy, và con người của Amy Durrant lại càng trở nên bí ẩn hơn. Amy Durrant là ai? Tại sao cô ta chỉ là một người được thuê làm hầu cận lại bị chủ nhân của mình sát hại? Cô ta chỉ mới vào làm cho Mary Barton mới vài tháng trước đó thôi. Mary Barton đã dẫn cô ta ra nước ngoài, và chỉ một ngày sau khi lên đảo thì tấn thảm kịch đã xảy đến. Và cả hai đều là những phụ nữ Anh xinh xắn, khuôn phép và có học thức! Tôi cứ tự nhủ toàn bộ sự việc sao lại kỳ quặc như vậy. Tôi cũng đành thúc thủ cùng với trí tưởng tượng của mình.

Cô Helier thắc mắc:

— Thế sau đó anh không làm bất kỳ điều gì nữa à?

— Thưa cô nương yêu quý, thế tôi có thể làm được gì nào? Chẳng có chứng cứ nào cả. Đa số các nhân chứng tận mắt chứng kiến đều kể lại sự việc giống như cô Barton thế thôi. Tôi đã xây dựng những điều ngờ vực của mình dựa trên một sự biểu lộ thoáng qua có thể do tôi đã tưởng tượng ra cũng nên. Điều duy nhất mà tôi có thể làm thì tôi đã làm là xem xét việc điều tra mở

rộng nhất về những người thân của Amy Durrant. Thậm chí trong lần trở về Luân Đôn sau đó tôi đã đến gặp bà chủ nhà cho cô ta mượn phòng, và chỉ thu lượm được những kết quả như tôi đã kể cho quý vị nghe rồi đây.

Cô Marple tiếp lời:

— Nhưng ông đã cảm thấy có một điều gì không ổn rồi chứ.

Bác sĩ Lloyd gật đầu đồng ý.

— Đến giữa chừng tôi cảm thấy tự hồ thẹn về ý nghĩ này. Tôi là ai mà lại nỡ đi nghi ngờ một phụ nữ Anh xinh đẹp, hòa nhã như vậy về một tội ác gớm ghiếc và tàn nhẫn ấy được chứ? Tôi đã cố gắng đối xử hết sức thân ái với cô ta trong suốt thời gian cô ta lưu lại trên đảo. Tôi đã giúp đỡ cô ta trong việc tiếp xúc với nhà chức trách địa phương. Với cương vị một người dân Anh tôi đã cố gắng hết mình để làm mọi chuyện giúp đỡ cho một người đồng hương ở một đất nước xa lạ; tuy nhiên tôi đã tin là cô ta đã biết rằng tôi đang nghi ngờ và không ưa gì cô ta.

Cô Marple thắc mắc:

— Thế cô ta đã ở lại đó bao lâu?

— Tôi cho là khoảng hai tuần. Cô Durrant đã được chôn ở đó, và phải đến mười ngày sau cô ta mới đáp tàu trở về Anh. Cú sốc này đã khiến cô ta bối rối đến độ không thể nào ở lại đó đến hết mùa đông như dự tính. Đó là những gì mà cô ta đã cho biết.

Cô Marple lại hỏi tiếp:

— Xem chừng điều đó đã làm cho cô ta bồn loạn phải không?

Vị bác sĩ do dự.

Sau đó ông ta thận trọng đáp lại:

— À, tôi không rõ là nó ảnh hưởng đến diện mạo của cô ta.

Cô Marple lại hỏi:

— Chẳng hạn, cô ta đã chẳng phát phì lên đó sao?

— Bà biết không - điều bà nói gây cho tôi tò mò đấy. Bây giờ tôi mới chợt nhớ ra, quả là bà đã nói đúng. Cô ta - đúng vậy, dường như là cô ta đang lên ký thật.

Jane Helier vừa nói vừa rùng mình.

— Ghê quá. Cứ như thế - như thế con người ấy cứ phát phì lên bằng máu của nạn nhân của mình vậy.

Bác sĩ Lloyd kể tiếp:

— Nhưng tuy vậy, một mặt, vào lúc đó tôi có thể đang đối xử bất công với cô ta. Hẳn là cô ta đã nói một điều gì đó trước khi ra đi, nhằm vào một hướng hoàn toàn khác biệt. Theo tôi, có lẽ là vấn đề lương tâm đang tác động rất ư chậm chạp - một lúc nào đó đã thức tỉnh trước sự tàn ác, dã man của hành động đã phạm.

— Chính vào buổi tối trước khi rời khỏi những hòn đảo Hoàng Yến này. Cô ta đã mời tôi đến gặp cô ta, và đã nồng nhiệt cảm ơn tôi về tất cả những gì đã làm để giúp đỡ cô ta. Và dĩ nhiên là tôi đã khiêm tốn cho rằng mình chỉ làm những gì đương nhiên phải làm trong tình huống như vậy, và vân vân. Sau đó, cả hai cùng im lặng một lúc, rồi bỗng nhiên cô ta hỏi tôi một câu.

Cô ta hỏi: “Ông có nghĩ rằng một người có bao giờ được xem là đúng khi khuynh đảo luật pháp trong tay mình hay không?”

— Tôi đã trả lời rằng đây là một câu hỏi khá hóc búa, tuy nhiên nói chung, tôi cho là không được. Luật là luật, chúng ta phải tuân thủ luật pháp.

— Ngay cả khi nó bất lực nữa?

— Tôi thật không rõ ý cô muốn nói gì.

— Thật khó giải thích thật đấy; tuy nhiên một người có thể làm một điều gì đó bị xem là rõ ràng sai trái - nghĩa là bị xem là một tội ác, ngay cả vì một lý do thật tốt lành và được việc đi nữa.

— Tôi trả lời ngắn gọn là có thể một vài tên tội phạm đã nghĩ thế khi gặp cơ hội ra tay, và cô ta bỗng co rúm người lại.

Cô ta thì thào: “Thế thì thật khủng khiếp, khủng khiếp quá”.

— Và sau đó cô ta đổi giọng, nhờ tôi cho cô ta một chút thuốc men gì đó để cô ta có thể ngủ được. Cô ta đã không thể ngon giấc được từ lúc - cô bỗng ngáp ngừng - từ lúc bị cơn sốc đầy

kinh hoàng đó.

“Cô có chắc là vì chuyện đó không? Có gì mà cô phải lo lắng chứ? Đầu óc cô có bị vướng mắc gì không?”

“Đầu óc tôi à? Có gì vướng mắc trong đầu óc tôi ấy à?”

Giọng cô ta bỗng xẵng ra và đầy nghi hoặc.

Tôi đáp thật nhẹ nhàng: “Lo lắng đôi khi cũng là lý do gây mất ngủ”.

Cô ta có vẻ như đang ngẫm nghĩ trong giây lát.

“Có phải bác sĩ muốn nói là lo lắng về tương lai, hay lo lắng về quá khứ, điều nào không thể thay đổi được chứ gì?”

“Cả hai”.

“Chỉ có điều là lo lắng về quá khứ thì chả có gì là tốt lành. Không thể xoay chuyển được đâu -Ồ! Chả tích sự gì đâu! Đừng suy nghĩ làm gì cho mệt. Cứ bỏ quách nó đi, đừng suy nghĩ nữa”.

— Tôi cho cô ta uống một liều thuốc ngủ nhẹ rồi chào từ biệt. Khi ra về, tôi đã cứ thắc mắc rất nhiều về những lời mà cô ta đã nói ra. “Không thể xoay chuyển được đâu” Mà là cái gì? Hay là ai? mới được chứ.

— Tôi nghĩ rằng lần gặp hỏi cuối cùng này đã chuẩn bị lèo lái tôi theo một đường hướng về những gì sẽ xảy ra sau này. Dĩ nhiên là tôi không hề biết trước, nhưng khi nó xảy ra, tôi đã không bị bất ngờ. Vì, như quý vị thấy đó, cô Mary Barton luôn luôn gây cho tôi ấn tượng cô ta là một phụ nữ có ý thức - không phải là một tội phạm dê hèn, mà là một phụ nữ có những lý lẽ vững chắc, biết hành động theo những lý lẽ này, và sẽ không hề nhân nhượng một khi đã tin tưởng vào chúng. Tôi nghĩ rằng trong lần trò chuyện sau cùng này cô ta bắt đầu nghi ngờ các lý lẽ của chính mình. Tôi biết những lời lẽ của cô ta đã gọi cho tôi thấy rằng cô ta đang cảm thấy những khởi đầu yếu ớt của tâm trạng bức xúc - sự cắn rứt của lương tâm.

— Sự việc xảy ra ở Cornwall, tại một vùng sông nước không rộng lớn lắm, khá vắng vẻ vào mùa mà sự việc xảy ra trong

năm đó. Ất hẳn là vào - để xem nào - cuối tháng ba. Tôi biết được sự việc trên báo chí. Một phụ nữ đang trọ tại một khách sạn nhỏ tại đó - một cô có tên là Barton. Cô ta có tính cách rất kỳ quặc. Tất cả mọi người đều nhận thấy thế. Ban đêm cô ta cứ vừa đi đi lại lại trong phòng, vừa lẩm bẩm một mình, khiến những người ở phòng đối diện không thể ngủ được. Một ngày kia cô ta đã đến gặp cha xứ và cho biết là muốn cho ông ta biết một vấn đề hết sức hệ trọng. Cô cho biết cô đã phạm một tội ác. Sau đó, thay vì tiếp tục câu chuyện, cô ta bỗng đứng phắt dậy và nói là sẽ đến gặp vị linh mục vào một ngày khác. Ông cha xứ cho rằng cô ta thuộc loại người mắc bệnh tâm thần nhẹ, nên không cho việc tự thú của cô ta là điều nghiêm chỉnh.

— Vào ngay buổi sáng hôm đó người ta khám phá ra là cô ta đã biến mất khỏi phòng trọ, để lại tờ giấy cho nhân viên điều tra về những cái chết bất thường như sau:

“Hôm qua tôi đã cố gắng nói chuyện với cha xứ, để xưng ra tất cả mọi chuyện, nhưng lại không được phép. Chị ấy đã không cho tôi được làm như vậy. Tôi chỉ còn một cách duy nhất để sửa đổi mà thôi - là mạng đổi mạng; và mạng sống của tôi cũng phải giống y như mạng sống của chị ấy. Tôi cùng phải bị trầm mình dưới biển sâu. Tôi tin là mình đã làm đúng. Giờ đây tôi mới thấy là không phải vậy. Nếu muốn được Amy tha thứ, hẳn tôi phải đến với chị ấy. Sẽ không ai phải chịu trách nhiệm về cái chết của tôi - Mary Barton”.

— Người ta tìm thấy quần áo của cô ta trên bờ của một cái vịnh nhỏ khuất nẻo gần đó, và dường như đã rõ là cô ta đã cởi bỏ quần áo ở đó và quyết bơi ra vùng biển nơi có dòng hải lưu nguy hiểm, có thể cuốn trôi người ta xuống vùng biển sâu.

— Người ta vẫn chưa tìm được xác cô ta, thế là sau một thời gian, người mất tích được xem như đã chết. Cô ta là một phụ nữ giàu có, tài sản của cô ta lên đến hàng trăm ngàn bảng Anh. Vì chết trong khi không để lại di chúc nên tất cả tài sản sẽ thuộc về những người thân có quan hệ gần nhất của cô ta - một gia đình

của người bà con ở Úc. Báo chí đã ám chỉ đến thảm kịch ở những hòn đảo Hoàng Yến, đưa ra giả thuyết là cái chết của cô Durrant đã khiến cô ta rối trí. Dựa vào cuộc điều tra về cái chết bất thường này, theo lệ thường nó được tuyên bằng một án văn gọi là Tự tử trong cơn điên loạn nhất thời.

— Và thế là tấn thảm kịch Amy Durrant và Mary Barton đã hạ màn.

Câu chuyện đã ngưng một hồi lâu thế mà sau đó cô Jane Helier vẫn còn há hốc miệng chờ đợi.

— À, nhưng bác sĩ không được ngưng lại ở đây đâu nhé - đây chỉ mới là phần hứng thú nhất của câu chuyện thôi. Kể tiếp đi chứ.

— Thế cô không thấy, đây đâu phải là câu chuyện dài nhiều tập, cô Helier à. Đây chính là cuộc đời thực đấy chứ; mà chuyện đời thực kết thúc lúc nào thì tùy nó chứ.

Cô Jane đáp lại:

— Nhưng tôi lại muốn nó tiếp tục nữa kìa. Tôi muốn biết nó ra sao nữa cơ.

Ông Henry lên tiếng giải thích:

— Đây là lúc ta phải vận dụng trí tưởng tượng của mình đấy, cô Helier à. Tại sao cô Mary Barton lại giết người bầu bạn với mình? Đó là vấn đề mà bác sĩ Lloyd đặt ra cho chúng ta đấy chứ.

Cô Helier đáp lại:

— Ô, vâng, cô ta có thể giết nạn nhân vì nhiều lý do. Tôi muốn nói là - ơ... mà tôi cũng không biết sao nữa. Cô ta có thể bị loạn thần kinh, hoặc giả cô ta nổi ghen chẳng hạn, mặc dù bác sĩ Lloyd không đề cập gì đến người đàn ông nào, nhưng biết đâu được, đây là chuyện thuyền bè sông nước mà - đúng rồi, quý vị có nghe người ta hay nói những gì gì đó về chuyện tàu bè và những chuyến du hành bốn bể không?

Cô Helier ngừng lại để thở, và đám thính giả của cô bỗng có cảm tưởng rằng cái dáng vẻ bên ngoài của cái đầu đầy duyên dáng của Jane quả là vượt trội hẳn so với những gì chứa đựng

bên trong.

Bà Bantry nói:

— Tôi có nhiều dự đoán lắm chứ, nhưng giả như chỉ được chọn một mà thôi. Thế thì, tôi sẽ cho rằng cha của cô Barton đã làm ra toàn bộ tiền bạc của mình bằng việc làm cho cha của cô Durrant phải phá sản, vì vậy cô Amy mới quyết tâm báo thù. Ô, không, thế thì không đúng rồi. Thật là ngao ngán! Tại sao một bà chủ giàu sụ lại đi thanh toán một cô hầu cận tầm thường như thế chứ? Thế thì tôi biết rồi. Cô Barton có một cậu em trai đang phải lòng cô Amy Durrant. Và cô Barton chờ dịp ra tay. Cô Amy bắt đầu bước vào cuộc sống xã hội. Cô Barton nhận cô ta làm người nữ hầu cận cho mình rồi đưa cô ta tới nhóm đảo Hoàng Yến và thực hiện việc báo thù. Như thế thì sao, có được không?

Ông Henry lên tiếng:

— Tuyệt lắm. Chỉ có điều là ta không biết rằng cô Barton có một cậu em trai hay không.

Bà Bantry đáp:

— Ta phải suy diễn rằng nếu không có em trai thì cô ta sẽ chẳng có động cơ nào để hành động cả. Vì vậy ắt hẳn cô ta phải có một cậu em trai chứ. Ông có thấy thế không, Watson (!)?

Ông chồng đáp lại:

— Hay lắm đó, Dolly. Chỉ có điều, nó chỉ là một sự suy đoán mà thôi.

Bà Bantry nói:

— Đương nhiên là thế rồi. Tất cả những gì chúng ta có thể làm được là - suy đoán thế thôi. Chúng ta đâu đã có chút manh mối nào đâu. Nào, mình cũng thử đưa ra dự đoán của mình xem nào.

— Tôi thì có biết gì đâu mà nói. Tuy nhiên tôi cho là cũng có chút gì đó trong sự gợi ý của cô Helier về chuyện hai người đã bị chia rẽ vì một người đàn ông. Xem này, Dolly, đó có thể là một ông cha xứ cao ráo nào đó. Cả hai đã thuê áo choàng hay

một món gì đó cho ông ta, và ông ta đã mặc chiếc áo thêu của Durrant trước. Theo đó, thì sự việc cứ đại loại diễn ra như vậy. Thử xem nào, cuối cùng cô ta đã bỏ đi để đến với một vị cha xứ. Hai người phụ nữ này đã điên lên vì một ông tu sĩ bảnh bao. Hẳn là quý vị đã chẳng nghe biết bao nhiêu chuyện như vậy rồi còn gì.

Ông Henry nói:

— Tôi cho là tôi phải giải thích cặn kẽ hơn chút nữa, cho dù phải công nhận đó chỉ là một giả thuyết mà thôi. Tôi cho là cô Barton vẫn luôn bị những cơn rối loạn tâm thần. Nhiều lần hơn là ta tưởng. Chứng tâm cuồng của cô ta ngày càng nặng hơn và cô ta bắt đầu tin rằng mình có bốn phận phải trừ khử một vài người ra khỏi cõi đời này - có thể gọi là những phụ nữ bất hạnh. Người ta không biết gì nhiều về quá khứ của cô Durrant. Vì vậy rất có thể là cô ta đã có một quá khứ - một quá khứ “bất hạnh”. Cô Barton biết được điều này và quyết định phải trừ khử nó. Sau đó, cái chính nghĩa của hành động của cô ta đã bắt đầu làm cô ta phải điên đầu và cô ta đã bị lương tâm cắn rứt. Kết cục của cô ta đã chứng tỏ là cô ta hoàn toàn mất cân bằng. Giờ đây, cô có đồng ý với tôi không nào, cô Marple.

Cô Marple vừa đáp lại vừa mỉm cười tỏ ý tỏ ý cáo lỗi:

— Chắc là không rồi, ngài Henry ạ! Tôi cho là cái kết thúc của cô ta lại chứng tỏ cô ta là một phụ nữ rất khôn khéo và mưu mẹo.

Cô Jane Helier khẽ hét lên ngắt ngang lời cô Marple.

— Ô! Em thật ngốc quá. Để em đoán tiếp nữa nhé? Dĩ nhiên phải như vậy. Hăm dọa! Cô hầu cận này đã hăm dọa cô ta. Có điều em không biết tại sao cô Marple lại bảo là cô ta rất khôn khéo trong việc tự sát cơ chứ. Em thật chẳng hiểu ra sao cả.

Ông Henry chột nói:

— A! Quý vị thấy chưa, cô Marple đã biết một vụ giống y như vậy ở Mary Mead đây mà.

Cô Marple đáp lại bằng giọng trách móc:

— Ông lúc nào cũng chỉ ngạo tôi thôi, ngài Henry ạ, tôi phải thú thực là nó đã nhắc tôi, chỉ một chút thôi, nhớ đến bà cụ Trout. Quý vị biết không, bà ta đã rút tiền dưỡng lão của ba bà cụ đã qua đời, ở những xã khác nhau.

Ông Henry nói:

— Xem ra đây là một tội phạm tinh vi và quỷ quyết nhất đấy. Nhưng dường như tôi thấy là nó chả soi sáng gì thêm cho vấn đề hiện thời của chúng ta cả.

— Dĩ nhiên là không rồi. Với ông - thì nó chả nghĩa lý gì. Nhưng đối với một số gia đình bản cùng, thì món tiền cấp dưỡng tuổi già này lại là một nguồn lợi to tát cho lũ trẻ. Tôi biết những người ngoại cuộc thật khó mà hiểu thấu được chuyện này. Tuy nhiên thực tình những gì tôi muốn nói là toàn bộ sự việc xoay quanh một bà cụ cũng giống như bất kỳ bà cụ nào khác.

Ngài Henry, vừa bị xỏ một câu, chỉ biết - Ủ hứ?

— Tôi lúc nào cũng diễn giải mọi chuyện một cách tệ hại. Những gì mà tôi muốn nói là khi bác sĩ Lloyd mới mô tả hai phụ nữ lần đầu, ông ta đã không biết rõ người nào ra người nào, còn tôi lại không cho là bất kỳ người nào khác trong khách sạn đã thực hiện chuyện đó. Dĩ nhiên, sau một hay vài ngày, nhưng lại chính vào cái ngày kế đó, một trong hai người đã bị chết đuối, và nếu như người còn sống lại nói rằng mình chính là cô Barton, thì tôi sẽ không bao giờ ngỡ là sự việc đã xảy ra cho nạn nhân mà cô ta có thể mạo nhận.

Ông Henry chậm rãi nói:

— Cô nghĩ là -Ồ! Tôi rõ rồi.

— Đó là điều đương nhiên duy nhất mà ta phải nghĩ đến. Chả là bà Bantry thân mến vừa bắt đầu nghĩ đến mới đây đó sao. Tại sao cô chủ nhân giàu có lại đi sát hại cô hầu cận tầm thường của mình? Rất nhiều khả năng ngược lại như vậy mới đúng. Tôi muốn nói - đó chính là hướng diễn biến của những gì đã xảy ra.

Ông Henry tỏ ý ngạc nhiên.

— Thế sao? Cô làm tôi bất ngờ quá.

Cô Marple nói tiếp:

— Nhưng đương nhiên cô ta phải mặc quần áo của cô Barton chứ, và có lẽ là hơi chật đối với cô ta, khiến cho vóc dáng của cô ta trông cứ như hơi phát phì một chút. Đó chính là lý do đã khiến tôi nêu ra câu hỏi ấy. Quý ông thì cứ chắc mẩm là người phụ nữ đó đã phát phì, chứ không nghĩ là do cô ta mặc quần áo có cỡ nhỏ hơn - mặc dù đúng ra chả cần phải mặc như thế làm gì.

Bà Bantry hỏi:

— Nhưng giả như cô Amy Durrant đã giết cô Barton, thì cô ta đã được gì nào? Cô ta đâu có mãi mãi giữ kín được chuyện lừa dối này.

Cô Marple vạch rõ:

— Cô ta chỉ cần giữ kín chuyện này trong khoảng một tháng sau đó. Và trong khoảng thời gian này, tôi đoán chừng là cô ta đã đi du lịch, tránh hẳn bất kỳ người nào có thể biết cô ta. Đó chính là những gì tôi muốn nói khi cho rằng một phụ nữ ở lứa tuổi nào đó thì trông cũng tựa tựa như một phụ nữ khác thế thôi. Tôi không cho là người ta lại lưu ý đến một tấm ảnh khác trên sổ thông hành của cô ta bao giờ cả - hẳn là quý vị đã rõ chuyện sổ thông hành ra sao rồi chứ gì. Sau đó đến tháng Ba, cô ta đã đi đến cái nơi thuộc xứ Cornwall đó rồi bắt đầu những hành động kỳ quặc để mọi người chú ý đến bản thân cô ta, sao cho khi thiên hạ phát hiện được quần áo của cô ta trên bãi biển và đọc được những dòng chữ cuối cùng của cô ta thì họ sẽ không hề nghĩ đến một kết luận rất ư bình thường.

Ngài Henry thắc mắc:

— Kết luận nào?

Cô Marple quả quyết.

— Không ai hết. Đó chính là cái điều cứ sờ sờ trước mặt quý vị, nếu như không có cả một lô hỏa mù đánh lạc hướng - kể cả chuyện gợi ý đến trò gian lận và nổi ray rút lương tâm. Không

có ai hết. Đó chính là sự kiện có ý nghĩa đích thực.

Bà Bantry lên tiếng:

— Cô muốn nói - có phải cô muốn nói là không hề có chuyện cần rút lương tâm nào sao? Nghĩa là - là cô ta đã không trảm mình sao?

Cô Marple khẳng định.

— Không, cô ta đã không hề làm thế! Đây cũng là cái chiêu như của bà Trout mà thôi. Bà Trout rất giỏi về cái mảnh hỏa mù này, nhưng tôi đã nắm chóp được ba cái trò này của bà ta. Và tôi có thể nhìn thấu tâm can của cái cô Barton đang bị lương tâm day dứt đấy nhé. Trảm mình ư? Nếu tôi đoán không lầm thì, đã bay biến qua Úc cũng nên.

Bác sĩ Lloyd lên tiếng:

— Đúng quá, cô Marple ạ. Chắc chắn là cô giỏi đoán thật đấy. Đến bây giờ, chuyện đó vẫn còn khiến tôi phải ngạc nhiên. Tại sao thế nhỉ, ngày hôm đó ở Melbourne, chỉ cần phẩy nhẹ tôi một cái là cô đã có thể nốc ao được tôi ngay.

— Cái điều mà ông gọi là buổi gặp gỡ cuối cùng chứ gì?

Bác sĩ Lloyd gật đầu.

— Đúng vậy, vận may đã đến với cô Barton khá là truân chuyên - hay là cô Amy Durrant cũng được, tùy ý quý vị. Đã có thời gian tôi làm y sĩ cho một con tàu, và đã cập bến ở Melbourne, người đầu tiên mà tôi gặp khi thả bộ xuống phố lại chính là người phụ nữ mà tôi nghĩ là đã bị chết đuối ở Cornwall rồi. Thấy rằng màn kịch đã hạ màn từ lâu nên tôi không còn bận tâm gì nữa, thế là cô ta đã đánh một quả liều - thổ lộ câu chuyện bí ẩn của mình. Tôi cứ ngỡ đây là một phụ nữ thật kỳ quặc, hoàn toàn không có lương tri. Cô ta là chị cả của một gia đình gồm chín người, toàn bộ gia đình đều đói rách đến xơ xác. Họ đã từng viết thư kêu nài sự cứu giúp của người bà con giàu có ở Luân Đôn là cô Barton và đã bị quyết liệt từ chối, vì cô này đã có chuyện xích mích với cha của họ. Tiền bạc cần kíp đến độ mòn mỏi, vì ba đứa em út sức khỏe thật yếu và cần chạy chữa

thuốc men rất tốn kém. Sau đó và ngay tại nơi đó Amy Barton đã rắp tâm thực hiện kế hoạch giết người không góm tay của mình. Cô ta đã đến Anh quốc, độ nhật bằng nghề nuôi trẻ. Cô ta đã kiếm được chân hầu cận cho cô Barton, với tên tự xưng là Amy Durrant. Cô ta đã mượn một căn phòng và đặt một số đồ đạc vào đó cho có vẻ một nơi riêng tư của mình. Kế hoạch trấn nước là một ý đồ ngẫu hứng. Cô ta đã chờ dịp để thực hiện kế hoạch này. Sau đó cô ta đã dàn dựng màn cuối của vở kịch rồi trở về Úc, và đúng lúc cô và các em được thừa kế tiền bạc của cô Barton với tư cách những người thân gần nhất.

Ngài Henry nói:

— Một tội ác thật táo bạo và hoàn chỉnh. Tội ác hầu như hoàn chỉnh thật đấy. Nếu cô Barton bị chết trên nhóm đảo Hoàng Yến, thì sự nghi ngờ có thể nhắm vào Amy Durrant và mối quan hệ với gia đình Barton có thể đã bị khám phá; tuy nhiên việc thay đổi nhân thân và tội ác song trùng, nếu như quý vị muốn gọi thế, đã có tác dụng loại bỏ được chuyện này. Đúng là, gần như một tội ác tuyệt hảo.

Bà Bantry thắc mắc.

— Thế cô ta có bị gì không? Còn ông đã xử lý chuyện này như thế nào, hả bác sĩ Lloyd?

— Tôi đã lâm vào một tình thế thật trở trêu, bà Bantry ạ. Lúc bấy giờ tôi có rất ít chứng cứ về mặt pháp lý. Vả lại, theo con mắt chuyên môn của một y sĩ, thì có một số dấu hiệu cho thấy người phụ nữ này sẽ chẳng sống được bao lâu trên cõi đời này nữa, cho dù bề ngoài của cô ta có vẻ mạnh khỏe, tràn trề sinh lực. Tôi đã cùng về nhà với cô ta để được gặp những thành viên còn lại của gia đình cô ta - một gia đình đáng thém muốn, hết lòng với người chị cả của mình và không may may có một ý nghĩ gì về việc cô ta đã nhúng tay vào một tội ác. Tại sao lại nỡ đem sự sầu khổ đến cho họ trong khi tôi lại chẳng có một chút gì để làm chứng cứ. Không có bất kỳ ai nghe được chuyện bí mật của người phụ nữ này đã được tiết lộ cho tôi. Tôi cứ phó

mặc cho con tạo xoay vần. Cô Amy Barton này đã chết sáu tháng sau khi gặp lại tôi. Tôi vẫn thường tự hỏi là liệu cô có được vui vẻ và vẫn không tỏ ra ăn năn hối lỗi cho đến lúc lìa đời hay không.

Bà Bantry bật nói:

— Chắc chắn là không rồi.

Cô Marple nói:

— Tôi đoán chừng bà Trout cũng vậy.

Cô Jane Helier khẽ rùng mình.

Cô nói:

— Ái chà. Rùng rợn quá đi mất. Đến giờ mà em vẫn chưa hiểu là ai bị chết đuối nữa. Còn bà Trout này thì ăn nhập với câu chuyện như thế nào?

Cô Marple giải thích:

— Chả ăn nhập gì đâu. Bà ta chỉ là một người - không phải là người đẹp đẽ gì - ở trong làng ấy mà.

Cô Jane kêu lên:

— Ồ!

Rồi cô thở dài.

— Ở trong làng à. Trong làng thì chả bao giờ có chuyện quái gì xảy ra đâu nhỉ? Nếu sống trong làng, thì chắc chắn là em chả có gì phải bận tâm, lo lắng cả.

MỘT VỤ BÀO CHỮA

Graham Greene

Đó là một cuộc xử án vụ sát nhân lạ lùng nhất mà tôi từng tham dự. Trên những hàng tít của báo chí người ta gọi nó là vụ sát nhân ở quận Beckham, mặc dù con đường Northwood, nơi mà bà cụ đã bị đập chết, đúng ra lại không thuộc quận Beckham. Đây không phải là một vụ án có chứng cứ gián tiếp mà trong đó bạn cảm nhận được sự bức xúc của bồi thẩm đoàn - vì những sai sót vẫn mắc phải - giống như các mái vòm giảm âm chặn bớt những tiếng ồn của tòa án. Không, kẻ sát nhân này chỉ bị phát hiện cùng với xác chết, ngoài ra người ta đã chẳng hề phát hiện được chứng cứ nào khác: không người nào có mặt khi vị luật sư công tố lược lại hồ sơ vụ án lại tin rằng gã đàn ông đang ngồi ở hàng ghế bị cáo kia có được bất kỳ cơ may nào thoát khỏi tội lỗi.

Hắn ta có vóc dáng mập lùn với cặp mắt ốc nhồi đỏ ngầu. Dường như toàn bộ cơ bắp của hắn đều tập trung vào cặp đùi. Đúng vậy, một thân chủ xấu xí, một con người mà cho dù đang vội vã đến đâu thì bạn vẫn không thể quên được - và đó chính là một điểm quan trọng mà vì vị luật sư công tố đã đề nghị cho mời bốn nhân chứng đã không hề quên được hắn ta, đã từng thấy hắn đang hối hả ra khỏi ngôi biệt thự nhỏ màu đỏ nằm trên đường Northwood. Lúc đó đồng hồ vừa điểm hai giờ sáng.

Bà Salmon đã không tài nào ngủ được: bà nghe thấy tiếng sập cửa và nghĩ rằng đó là tiếng sập cổng nhà mình. Vì vậy bà ta đi ra phía cửa sổ và đã trông thấy Adams (tên của anh ta) đang đứng ở bậc tam cấp nhà bà Parker. Hắn chỉ mới vừa đi ra và còn đang đeo găng tay. Hắn còn cầm một cái búa trong tay và bà đã thấy hắn bỏ chiếc búa vào bụi nguyệt quế kế bên cổng trước của ngôi nhà. Tuy nhiên, trước khi bỏ đi, hắn đã ngược

nhìn lên - ngay cửa sổ nhà bà ta. Bản năng phát hiện nguy hiểm mách bảo con người khi bị theo dõi đã khiến hấn chường mặt ra dưới ánh đèn đường ngay trước cái nhìn chòng chọc của bà ta - cặp mắt hấn ngập tràn sự kinh hãi, e sợ thú tính, hết như ánh mắt của một con vật khi thấy bạn giơ chiếc roi lên. Sau phiên tòa tôi đã nói chuyện với bà Salmon, bà ta bỗng dưng cảm thấy kinh sợ sau bản án đầy bất ngờ. Tôi hồi tưởng lại tất cả những điều mà các nhân chứng đã khai - Henry MacDougall, đang lái xe từ Benfleet về nhà rất khuya và suýt đụng phải Adams ở góc đường Northwood. Adams đang đi bộ ngay giữa lòng đường phẳng phiu. Và bà cụ Wheeler, ở sát bên nhà bà Parker, tại nhà số 12, đã phải thức dậy vì một tiếng động - như tiếng ghế gãy - qua bức vách tường mỏng như giấy của căn biệt thự, và cũng nhìn qua cửa sổ như bà Salmon, bà đã thấy phần lưng của Adams và, khi hấn quay lại, đã thấy cả đôi mắt ốc nhồi của hấn. Tuy nhiên, trên đại lộ Nguyệt Quế, hấn còn bị một nhân chứng khác nhìn thấy - cơ may thoát khỏi tội lỗi của hấn thật vô phương; hấn như thế đã phạm trọng tội ngay giữa thanh thiên bạch nhật vậy.

Vị luật sư biện hộ đã nói:

— Tôi hiểu rằng việc bào chữa này phải viện dẫn đến việc nhận lầm nhân thân tội phạm. Vợ của Adams sẽ nói với anh rằng anh ta vẫn ở bên chị ta lúc hai giờ sáng ngày 14 tháng hai, tuy nhiên sau khi anh nghe các nhân chứng đã khai trước tòa và đã quan sát cẩn thận các nét đặc biệt của bị can, thì tôi không cho rằng quan tòa không thể sẵn sàng chấp nhận cho cái khả năng về sự nhận lầm được.

Bạn sẽ cho là, thế là vụ án coi như đã xong, chỉ còn mỗi chuyện treo cổ nữa thôi.

Sau khi chứng cứ chính thức đã được những nhân viên cảnh sát khám phá qua cái xác đưa ra và vị bác sĩ giải phẫu đã xét nghiệm nó xong, thì bà Salmon đã được mời tới. Bà là nhân chứng lý tưởng nhất với cái giọng Tô Cách Lan nhẹ nhàng và

cách trình bày chân thực, thận trọng và hiền từ.

Vị luật sư công tố cứ từ tốn gợi dần câu chuyện. Còn bà ta nói năng thật quả quyết. Bà ta không hề mang chút ác ý, và cũng không ngại việc phải ra đứng ngay tại tòa Hình sự Trung ương với một vị thẩm phán áo đỏ sẽ chăm chú lắng nghe cùng với đám phóng viên sẽ ghi chép những lời khai của mình. Dạ được, trả lời xong bà ta đã đi xuống tầng dưới và gọi điện đến báo cảnh sát.

— Và bà có trông thấy người đàn ông ở đây trong phòng xử này hay không?

Bà ta nhìn thẳng vào cái gã to béo đang ngồi ở hàng ghế bị cáo, đang nhìn chòng chọc vào bà ta bằng cặp mắt lồi như chó Bắc Kinh một cách vô cảm.

Bà ta đáp:

— Dạ phải, chính là anh ta.

— Bà có chắc không?

Bà ta đáp gọn:

— Thưa ông, tôi không thể lầm được.

Tất cả mọi chuyện coi như êm xuôi.

— Cảm ơn bà Salmon.

Vị luật sư bào chữa đứng lên để thẩm vấn nhân chứng. Nếu bạn đã từng đi làm nhiều phóng sự về các vụ xét xử án sát nhân như tôi đây, thì bạn sẽ biết trước những trình tự công việc mà ông ta sẽ tiến hành. Còn tôi đã đứng, cho đến lúc này.

— Bà Salmon, vào lúc này bà cần phải nhớ rằng mạng sống của một con người có thể tùy thuộc vào chứng cứ của bà đấy.

— Thưa luật sư, tôi hiểu rõ điều này.

— Thế thị giác của bà có tốt không?

— Thưa luật sư, tôi chưa bao giờ phải đeo kính cả.

— Bà đã năm mươi lăm tuổi phải không?

— Thưa luật sư, năm mươi sáu tuổi chứ.

— Và có phải người đàn ông mà bà đã trông thấy thì ở bên kia đường không?

— Đúng vậy, thưa luật sư.

— Và lúc đó chỉ mới hai giờ sáng. Chắc bà phải có cặp mắt đặc biệt lắm, phải không bà Salmon?

— Không phải vậy đâu, thưa luật sư. Chỉ có ánh trăng thôi, và khi người đó ngược nhìn lên, anh ta đã bị ánh đèn chiếu hắt lên mặt.

— Và dù gì đi nữa bà vẫn chắc chắn rằng người đàn ông mà bà đã thấy là bị can chứ?

Tôi đã không tài nào hiểu nổi là ông ta đang nhắm vào điều gì nữa. Ông ta đã không thể nào dự kiến được bất kỳ câu trả lời nào khác hơn cái câu mà ông ta nhận được.

— Dù gì đi nữa thì tôi vẫn chắc chắn, thưa luật sư. Đó là một khuôn mặt không dễ gì quên được.

Vị luật sư nhìn quanh phòng xử một lúc. Sau đó mới nói:

— Bà Salmon, xin bà hãy vui lòng quan sát những người có mặt trong phòng xử này lại lần nữa xem? Không, đó không phải là bị can đâu. Ông Adams, xin mời ông đứng lên.

Và ngay cuối phòng xử lù lù một vóc dáng mập lùn cùng với đôi chân cuộn cuộn cơ bắp và cặp mắt ốc nhồi, giống y như hình ảnh người đàn ông đang ngồi trên hàng ghế bị cáo. Thậm chí anh ta còn ăn mặc giống y như gã kia - cũng bộ đồ vết màu lam chật ních và chiếc cà vạt sọc.

— Bà Salmon, bây giờ bà cần suy nghĩ cho thật kỹ. Bà có thể thề rằng người đàn ông mà bà thấy đã bỏ cây búa vào vườn của bà Parker chính là bị can này - và không phải là người này, tức là anh em song sinh của bị can hay không?

Dĩ nhiên là bà ta đã không thể thề hứa gì được. Bà ta hết nhìn người này đến người kia mà chẳng nói được lời nào cả.

Chính cái gã cục súc đó đang ngồi lù lù trên hàng ghế bị can, và cũng lại chính là hắn đang đứng sừng sững ở cuối phòng xử kia và cả hai đang chăm chăm nhìn bà Salmon. Bà ta đã phải lắc đầu.

Những gì mà tôi nhìn thấy sau đó là kết cục của vụ án.

Không một nhân chứng nào đã chuẩn bị sẵn để dám thề rằng đó chính là bị can mà mình đã trông thấy. Thế còn gã anh em kia? Hắn cũng ở trong tình trạng ngoại phạm nữa; lúc đó hắn đang ở cùng với vợ hắn.

Và vì vậy gã đàn ông này đã được tha bổng vì thiếu chứng cứ buộc tội. Tuy nhiên, nếu hắn đã giết người chứ không phải là gã anh em kia của hắn, thì tôi không biết là liệu hắn có bị trừng phạt hay không. Cái ngày bất thường đó cũng có một kết thúc thật dị thường. Tôi đã theo sau bà Salmon để ra khỏi tòa án và chúng tôi đã phải chen chúc trong đám đông đang chờ đợi, dĩ nhiên là để được trông thấy mặt hai gã anh em sinh đôi này. Cảnh sát đã phải cố gắng giải tán đám đông, tuy nhiên họ chỉ đủ sức để giữ cho xe cộ lưu thông được trên lòng đường mà thôi. Sau đó tôi mới biết rằng họ đã cố gắng để cho hai gã song sinh này rời khỏi bằng ngã sau, nhưng cũng không xong. Một trong hai gã sinh đôi - mà chả ai biết là gã nào - nói rằng, "Tôi được trắng án rồi chứ gì?" Thế rồi cả hai cùng ào ào tiến ra ngã trước. Sau đó sự cố đã xảy ra. Mặc dù chỉ cách đó chưa đầy hai mét, tôi cũng chẳng biết sao nữa. Đám đông cứ ào ào chuyển động và cả hai gã song sinh cũng bị dón đẩy ra đường ngay trước đầu một chiếc xe buýt.

Hắn đã kêu ré lên như một con thỏ và thế là hết; hắn đã chết, sọ hắn bị bể nát như sọ của bà Parker. Ông trời đã quả báo chăng? Ước gì tôi biết được chuyện này. Gã song sinh kia vừa bước đến bên cái xác và nhìn trừng trừng vào bà Salmon. Hắn đang khóc, nhưng hắn là tên sát nhân hay kẻ vô tội thì sẽ không ai có thể nói rõ được điều đó. Tuy nhiên giả như bạn là bà Salmon, thì liệu đêm về bạn có ngủ được hay không?

MỘT TƯƠNG LAI RẠNG RỠ

Ruth Rendell

Anh nói:

— Sáu là đủ rồi. Vậy là ta sẽ có sáu thùng đựng trà, còn thì một cái rương. Nếu ngày mai ông giao được, thì tôi sẽ lo sắp xếp đồ đạc và có lễ thứ tư ông cho người đến chở đi được rồi.

Anh ta ghi chép mọi thứ trên một mảnh giấy. Anh nói:

— Thôi được rồi. Khoảng giờ cơm trưa ngày mai nhé.

Cô vẫn ngồi bất động trong chiếc ghế lớn có tay dựa bằng gỗ sồi kê ở tận cuối phòng. Anh quay hẳn người lại nhìn cô và nhả nở cười, như thể mọi việc đã êm xuôi.

Anh nói:

— Xuôi rớt cả. Họ làm việc được lắm.

Cô lên tiếng:

— Em không thể nào tin nổi là anh lại thực sự làm chuyện đó được. Ngay cả khi nghe tiếng anh trên điện thoại. Em cũng không nghĩ là chuyện đó lại có thể xảy ra được. Anh lại quyết gói ghém toàn bộ những thứ này để gửi đi cho cô ả đó à.

Họ lại sắp sửa cãi nhau về tất cả mọi chuyện nữa rồi. Dĩ nhiên phải vậy thôi. Chuyện cãi cọ này chỉ chấm dứt khi anh tổng xuất được mọi thứ và cả chính bán thân anh nữa, rời khỏi Luân Đôn và cô nàng mới mong mọi chuyện tốt lành được. Và anh không định tranh cãi hay biện minh dài dòng làm gì. Nghĩ rằng các quán rượu còn mở cửa cả tiếng nữa và mình có thể ra ngoài kiếm chút gì nhấm nháp được, nên anh đốt một điếu thuốc và chờ đợi cô nàng khởi sự.

Cô nói:

— Em thật không tài nào hiểu nổi tại sao anh lại đến đây cơ chứ.

Anh không trả lời. Anh vẫn đang cầm hộp thuốc, và bây giờ

mới đóng nắp lại, cảm nhận cái lạnh từ chất mã não truyền vào các ngón tay của mình.

Cô nói trắng ra mọi chuyện.

— Chỉ để lấy ba cái thứ đồ đặc của anh thôi à? Maurice, bộ anh chỉ trở về đây vì chuyện đó thôi sao?

Anh trả lời bằng giọng đều đều.

— Thì đó là đồ đặc của anh mà.

— Anh sẽ gửi nó cho ai đó chứ gì. Dám chừng anh còn viết thư cho em rồi nhờ em làm chuyện đó nữa không chừng.

Anh đáp:

— Anh chả bao giờ viết thư cả đâu.

Cô bắt đầu cự mình. Cô khẽ run rẩy đưa tay lên bịt miệng. Vừa thở hổn hển, cô gắng hết sức để giữ cho giọng nói được ổn định.

— Anh làm như em không biết vậy. Anh ở bên Úc một năm, cả một năm trời, và không hề viết thư cho em lấy một lần.

— Anh đã gọi điện rồi mà.

— Đúng, hai lần. Lần đầu để bảo là anh yêu em, nhớ em, rồi đang mong mỗi trở về với em, và hỏi là liệu em có chờ anh hay không và không được có kẻ nào khác ở đó đấy nhé? Còn lần thứ hai, cách nay một tuần, bảo là anh sẽ đến đây vào thứ bảy và hỏi liệu là - liệu là có thể cho anh ở trọ lại được hay không. Trời ơi, em đã chung sống với anh suốt hai năm nay, chúng mình đã thực sự lấy nhau rồi, thế mà anh còn gọi điện mà hỏi là em có thể cho anh trọ lại được không như thế à!

Anh nói:

— Lại chuyện lời với lẽ. Thế còn em, em đã nói năng như thế nào đã?

— Chỉ có một chuyện thôi, khi em đề cập đến Patricia. À, đúng rồi, em có nói đến cô ả. Em có quá lời về chuyện ấy, nhưng đó chuyện tâm lý chung của con người thôi mà. Anh có biết là em đã nghĩ gì khi anh nói là anh sẽ về không? Em đã nghĩ là, bây giờ mình cần phải biết rõ là sao anh lại kỳ cục như vậy chứ,

thật quá hững hờ, không viết thư, gọi điện hay không làm gì để liên lạc với mình cả. Nhưng đó là Maurice, đó là người yêu của mình cơ mà, rồi anh sẽ trở về với mình, hai đứa sẽ lấy nhau và mình sẽ thật hạnh phúc!

— Anh đã nói với em về chuyện Patricia rồi mà.

— Nhưng chỉ nói sau khi anh đã ăn nằm với em lần đầu.

Anh nhăn mặt. Đó quả là một sai lầm. Dĩ nhiên anh chàng đã không có ý định chạm đến cô vượt quá mức nụ hôn chào đón. Nhưng cô rất hấp dẫn, còn anh thì lại bị cô mê hoặc và dường như cô nàng chỉ chờ đợi điều đó - rồi thì, đúng là cái chuyện quái quỷ ấy. Đàn bà chẳng bao giờ hiểu nổi đàn ông và chuyện tình dục cả. Và chỉ có độc một cái giường, chứ gì? Lẽ ra đã xảy ra cái cảnh chết tiệt vào cái đêm đầu tiên đó nếu như anh đề nghị ngủ trên chiếc sofa ngay tại nơi này.

Cô nói:

— Anh đã ngủ với em. Anh nồng nàn lắm, cũng y như trước đây, thế mà sáng hôm sau anh đã bảo em là: anh sẽ được phép làm thường trú ở Úc, anh sẽ có được công việc ổn định, anh sẽ gặp được cô gái mà anh muốn lấy làm vợ. Anh cũng nói y như vậy vào bữa điểm tâm. Anh đã bao giờ bị đập vào mặt chưa, hả Maurice? Có bao giờ những giấc mơ của anh bị chà đạp chưa?

— Tốt hơn là em hãy chờ thêm một thời gian nữa đi? Còn chuyện bị đập vào mặt thì - Anh đưa tay lên xoa gò má của mình - Hẳn là do cú đâm của em chứ còn ai nữa.

Cô chột rùng mình. Cô đứng lên và bắt đầu bước thật chậm chạp và khó khăn. Cô dừng lại bên một cái bàn nhỏ.

— Ước gì đến gần được anh, sao em muốn giết anh quá!

Trên bàn có một pho tượng tàu nhỏ, một con dao rọc giấy bằng đồng, một lọ đựng viết bằng mã não cùng bộ với cái gạt tàn thuốc. Cô nói:

— Tất cả những thứ này. Vì anh mà em đã chăm sóc tất cả. Em đã trân trọng giữ gìn chúng. Thế mà bây giờ anh lại đem tất cả chuyển đi cho cô ả. Những thứ mà chúng ta đã cùng sống

chung. Em vẫn thường ngắm chúng rồi nghĩ là, Maurice đã mua khi chúng ta đến với nhau - ôi, trời ơi, em thật không thể tin nổi nữa. Cứ gởi quách cho ả đi!

Anh gật đầu, chăm chăm nhìn cô. Anh nói:

— Em có thể cứ giữ lấy món đồ to lớn ấy đi. Nhất là em cứ việc sử dụng cái ghế sofa. Anh đã cố ngủ trên đó hai đêm và không bao giờ muốn thấy cái món đồ chết tiệt ấy nữa đâu.

Cô cầm lấy pho tượng nhỏ rồi ném vào anh ta. Pho tượng đã không trúng đích vì anh ta đã hụp đầu xuống tránh khiến nó đập mạnh vào tường, suýt trúng vào bức tranh có đóng khung trên tường. Anh chỉ nói vắn tắt, “Phải nhớ đó là tranh của Lowry đó. Tôi phải tốn nhiều tiền cho bức tranh đó đấy nhé”.

Cô vật mình lên chiếc sofa rồi bật khóc thốn thức. Cô dùng hai tay dấm thùm thụp vào các tấm nệm. Anh vẫn không có vẻ gì động lòng vì cảnh đó - không mấy may xúc động. Một khi đã gói ghém những thứ này rồi, anh sẽ biến đi để còn tận hưởng ba tuần du hí ở Âu châu. Một người đàn ông tự do, tha hồ tận hưởng cảnh đẹp, thú vui và gái đẹp, được ăn chơi thả giàn trước khi bước vào cuộc sống đầy trách nhiệm của hôn nhân. Sau đó trở về với Patricia, một gia đình, một mái nhà, một công việc và trách nhiệm. Đó là một tương lai rạng rỡ mà người phụ nữ tâm cuồng này sẽ không phá bĩnh gì được.

Anh nói:

— Im đi, Betsy, làm ơn làm phúc im đi có được không.

Anh lắc mạnh vai cô nàng, rồi đi ra khỏi nhà vì lúc đó đã mười một giờ rồi và anh ta cần phải đi kiếm chút gì nhấm nháp.

Betsy tự pha cà phê cho mình rồi đi rửa cặp mắt sưng húp. Cô đi quanh phòng, ngắm nhìn những món đồ trang trí và những quyển sách, những chiếc ly, những chiếc bình và những chiếc đèn, mà ngày mai anh ta sẽ mang đi khỏi tầm tay của cô. Cô chẳng màng gì đến chuyện mất chúng, bản thân những món đồ đó, mà chỉ quan tâm đến sự trống vắng còn lại, và cái nhận

thức rằng tất cả những món đồ này rồi sẽ thuộc về Patricia.

Đến đêm cô thức dậy, đi tìm chiếc bóp của anh ta, rút tấm hình của Patricia ra, rồi xé tan nát. Tuy nhiên cô vẫn nhớ rõ khuôn mặt của ả, vừa xinh xắn, khắc khổ lại vừa mang vẻ tham lam, và cô nghĩ đến lúc cặp mắt sáng ngời này mở to ra khi cô ả mở những thùng đựng trà, đôi tay kẻ cướp sục sạo tìm kiếm thêm những của báu ở trong rương. Có lẽ ả sẽ thực hiện những điều này trước khi Maurice về đến nơi, rồi bày biện những chiếc đèn, ly tách cùng với những món đồ trang trí trong nhà để làm vừa lòng anh ta khi anh ta trở về.

Dĩ nhiên là anh ta sẽ cưới cô ả. Betsy nghĩ, mình cho là ả sẽ nghĩ rằng anh ta sẽ trung thành với ả lắm, giống y như mình vậy. Bây giờ thì mình đã biết rõ hơn rồi. Cái đồ điên khùng ngốc nghếch đáng thương kia, ả đâu có biết hắn đã làm gì vào giây phút đầu tiên khi được sống khỏi tay của ả, hay làm gì biết được những gì hắn làm ở Pháp và ở Ý. Đó chính là một món quà cưới tuyệt đẹp dành cho ả cùng với toàn bộ những món đồ cổ xinh xắn trong rương chứ gì?

Phải rồi, tại sao không chứ? Tại sao lại không quây cái đám cưới này trước khi nó bắt đầu nhỉ? Bằng một lá thư. Một lá thư sẽ được giấu trong, “để xem nào, giấu trong hũ đựng gừng màu xanh trắng”. Cô ngồi xuống viết bức thư. Patricia mền - mủ đầu như vậy nghe nó thộn làm sao ấy, cho dù là để bắt đầu một lá thư cho kẻ thù của mình đi nữa.

Patricia thân mến: mình không biết Maurice đã nói điều gì với bạn về mình, nhưng chúng mình vẫn đang sống ở đây như đôi tình nhân từ khi anh ấy đến. Nói trắng ra, mình muốn nói rằng chúng mình vẫn làm tình, vẫn ngủ với nhau đấy. Maurice không thể trung thành với bất kỳ ai được đâu. Nếu bạn không tin mình, thì hãy tự hỏi xem, nếu anh ấy không ham muốn mình, thì anh ấy đâu có trọ ở khách sạn làm gì. Chỉ có thể thôi - mền - rồi cô ta ký tên và cảm thấy khỏe hơn một chút, đủ khỏe và vững vàng để đi tắm và dùng bữa cơm trưa.

Sáu thùng đựng trà và một cái rương đã được chở tới vào ngày hôm sau. Các thùng đựng trà còn bốc mùi trà và còn sót lại vài chiếc lá trà ở dưới đáy. Chiếc rương được làm bằng thứ kim loại giả bạc và những chiếc móc cài bằng kim loại giả vàng. Đó là một vật dụng khá đẹp, dài mét rưỡi, cao chín tấc, ngang sáu tấc, và nắp được đập khít khao như thể được hàn kín vậy.

Maurice đã bắt đầu đóng gói đồ đạc lúc hai giờ. Anh ta đã dùng khăn giấy và giấy báo để lót. Anh ta đã chắt chiu những thùng đựng trà bằng những dụng cụ nhà bếp, ly tách, đĩa và dao kéo, cùng với sách vở và quần áo mà anh đã bỏ lại đây một năm trước. Thật thận trọng, và cùng với niềm vui thật mãnh liệt nào đó, anh tránh đựng đến mọi thứ mà Betsy có thể khẳng định nhận là của mình như - những thứ rẻ mạt, những chiếc muống nĩa bằng i-nốc, đồ gốm Woolworth, những tấm trải màu sắc diêm dúa, màu đỏ, cam và ô liu, mà anh ta luôn cảm thấy là gốm giả. Anh và Patricia sẽ ngủ trên những tấm trải giường trắng nốp.

Betsy đã chẳng giúp gì cho anh ta cả. Cô vừa chăm chú theo dõi vừa hút thuốc liên tục. Anh ta lật nắp của những thùng đựng trà lên rồi dùng sơn trắng viết địa chỉ ở Úc của mình lên từng nắp thùng một. Tuy nhiên, anh đã không viết tên mình, mà lại viết tên của Patricia. Việc này tuy không nhằm châm chọc gì Betsy nhưng anh ta lại cảm thấy vui khi nó đã khiến cho cô nàng phải nổi đóa lên.

Đã lâu anh ta không về căn hộ này cho đến buổi sáng hôm đó, nên dĩ nhiên là không còn chìa khóa nữa. Betsy đã không chịu cho anh ta vào, cứ để mặc anh ta ở dưới đường, khiến anh ta cứ phải ngồi mãi trên chiếc xe mà anh ta đã thuê được cho mãi đến bảy giờ. Trông cô ta như thể cũng chẳng ngủ nghỉ gì được vậy. Anh ta viết chữ cô Patricia Gordon thật nhanh và khéo léo.

Betsy nói:

— Đừng có quên cái hũ đựng gừng đấy. Em chả thềm nó đâu.

— Hũ đó để trong rương mà.

Cô Patricia Gordon, 23 đại lộ Burwood Park, Kew, Victoria, Úc 3103.

Tất cả những thứ xinh xắn cho cả vào rương. Anh định dùng nó làm món quà đặc biệt dành cho Patricia.

Bức tranh của Lowry được đem xuống rồi được bọc lót thật cẩn thận. Sau đó anh ta mới bọc các thứ như cái gạt tàn bằng mã não cùng với cái lọ đựng viết, chén bằng thạch cao tuyết hoa, con dao rọc giấy bằng đồng thau, những chiếc tách tàu tí hon, những chiếc ly rượu cao. Trời ơi, còn pho tượng tàu nhỏ... anh ta lại phải mở nắp rương ra.

Betsy la lớn:

— Tôi mong là hải quan sẽ mở rương! Tôi mong cho họ tịch thu và đập bể ba cái thứ này đi! Đêm nào tôi cũng cầu nguyện cho nó rơi tòm xuống biển trước khi tới được đó!

Anh ta bảo:

— Biển thì tôi đành phải chịu thôi. Còn hải quan à - Anh ta mỉm cười - Patricia đang làm việc cho hải quan mà, cô ấy là nhân viên hải quan đấy chứ - anh đã chẳng cho em biết rồi là gì? Anh còn đang phân vân không biết họ có dám liếc vào trong hay không nữa là.

Anh ta viết một cái nhãn rồi dán lên cạnh rương. Cô Patricia Gordon, 23 đại lộ Burwood Park, Kew...

— Còn bây giờ anh phải ra ngoài để kiếm một cái ổ khóa đây. Chìa khóa đâu, cho anh mượn nào. Nếu lần này em còn để anh ở ngoài nữa thì anh sẽ gọi cảnh sát đấy. Nên nhớ là anh vẫn còn đứng tên thuê căn hộ này đấy nhé.

Cô đành đưa cho anh ta xâu chìa khóa. Khi anh ta đã đi rồi cô mới đặt lá thư của mình vào hũ đựng gừng. Cô mong là anh ta sẽ đóng rương lại ngay, thế nhưng anh ta đã không làm vậy. Anh ta vẫn để rương mở, với cái nắp lật ra sau, còn ổ khóa thì treo lủng lẳng trên cái móc giả vàng.

Anh ta nói:

— Có gì ăn không vậy?

— Đi mà kiếm ba cái thức ăn trời đánh của anh đi! Đi kiếm cái con đàn bà nào khác mà bảo nó cho ăn!

Anh đã thích cái thái độ tức giận và dữ dằn của cô ta; đó chính là tình yêu của cô ta mà anh cảm thấy sợ. Anh ta đã trở về vào giữa đêm khuya để mò mẫm tìm kiếm căn hộ trong đêm tối, và anh ta đã nằm trên chiếc ghế sofa với những thùng trà dựng đứng chung quanh như một hàng rào bảo vệ. Màu sơn trắng hiện lờ mờ trong đêm tối. Cô Patricia Gordon...

Lúc bảy giờ Betsy mới bước vào. Cô không mở đèn. Cô cầm theo một ngọn nến để trên một cái đĩa, luồn lách giữa những chiếc thùng trà rồi đặt ngọn nến trên chiếc rương. Cô ta mặc chiếc váy ngủ trắng mà dưới ánh nến lung linh, nó khiến cô ta trông giống như một bóng ma, hay như bà Rochester điên loạn lang thang trong tác phẩm Jane Eyre, hoặc như người đàn bà áo trắng trong tiểu thuyết cùng tên.

— Maurice à.

— Đi đi Betsy, anh mệt lắm.

— Em năn nỉ anh mà Maurice. Em xin lỗi về những gì em đã nói, em xin lỗi là đã nhốt anh ở ngoài.

— Được rồi, anh cũng xin lỗi em nữa. Đúng là loạn thật đấy, và có lẽ anh không nên xử sự như vậy mới đúng. Nhưng tốt nhất cho anh là phải đi thôi cùng với những món đồ của mình cho nó dứt khoát hẳn đi. Có đúng không nào? Còn bây giờ xin em làm ơn làm phước đi ra giùm để anh ngủ một chút có được không nào?

Những điều xảy ra sau đó là những gì mà anh đâu thèm kiếm chác thêm làm gì. Nó chẳng ngăn cản được ý định của anh. Đàn ông thật chả hiểu quái gì về đàn bà và chuyện tình dục cả. Cô nàng đã nhào xuống người anh một cách giận dữ và cực mịch. Cô banh áo của anh ta ra rồi bắt đầu hôn lấy hôn để lên cổ lên ngực, ôm lấy đầu anh, áp chặt môi mình vào môi anh ta, nằm

đề lên người rồi kẹp chặt hai chân anh ta lại bằng hai đầu gối của mình.

Anh đã xô cô ta một cái thật mạnh. Anh đá cô ra xa, khiến cô nàng bị té và đập đầu vào cạnh rương. Ngọn nến rơi xuống, chập chờn rồi tắt ngấm chỉ còn lại là một vũng sáp. Anh đã chúi toáng lên trong bóng tối. Anh mở đèn trong khi cô nàng đang lồm cồm nhồm dậy, ôm cái đầu đang rướm máu.

Anh ta bảo:

— Ôi dào, làm ơn làm phước ra ngoài giùm đi mà.

Và anh khiêng cô ta ra ngoài rồi đóng sầm cửa lại.

Sáng ra, cô đi vào phòng với một vết bầm trên trán. Anh ta còn ngủ, bộ quần áo vẫn còn nguyên trên người, với hình ảnh con đại bàng xòe rộng cánh trên lưng áo. Cô rùng mình khi trông thấy cảnh này. Cô bắt đầu bữa điểm tâm nhưng không thể ăn gì được cả. Cà phê làm cô mắc nghẹn và một cái rùng mình truyền khắp cơ thể khiến cô có cảm giác buồn nôn đến khủng khiếp. Khi cô đến chỗ anh ta, cô thấy anh chàng đang ngồi xem chiếc vé máy bay trên ghế sofa.

Anh nói tỉnh khô như chưa hề có chuyện gì xảy ra:

— Họ sẽ đến lấy hàng lúc mười giờ, tốt nhất là đừng để trễ. Anh phải có mặt ở phi trường ngay giữa trưa đây.

Cô nhún vai. Cô đã chịu đựng hết mức rồi và nghĩ rằng anh ta không được quyền gây tổn thương cho mình thêm nữa.

Cô nói như kẻ thất thần:

— Tốt hơn là anh nên đóng rương lại đi chứ.

Cặp mắt anh ta hơi lóe sáng.

— Đúng lúc rồi đấy. Mà anh còn phải nhét một lá thư vào nữa chứ.

Cô cúi đầu nhìn xuống anh ta, vết bầm đau và sưng tấy.

— Anh có bao giờ viết thư bao giờ đâu mà nói.

— Chỉ viết tắt vài dòng thôi. Chứ ai lại đi tặng quà mà không kèm theo vài dòng nhắn gửi đâu, phải không?

Anh ta nhắc hũ gừng ra khỏi rương, thậm chí không thêm

liếc nhìn mà chỉ nhón lá thư của cô ta lên rồi vắt ngay xuống sàn nhà. Thật lạ lùng và cố tình cho Betsy trông thấy, anh ta viết nguệch ngoạc lên một tờ giấy: Dành trọn cho em, Patricia yêu quý, mãi mãi đến muôn đời.

Cô nói:

— Sao tôi thù anh quá đi.

— Có em làm anh muốn điên lên thì có.

Anh ta lấy một cây đèn đứng thật to ra khỏi rương rồi đặt nó lên nền nhà. Anh đút gọn mảnh giấy vào hũ đựng gừng, bọc nó lại, nhét nó vào giữa những tấm khăn và những miếng đệm lót cho các vật dễ vỡ. “Đêm qua anh đâu có dùng từ hận thù này để chỉ cái chuyện em cứ lẻo đẻo theo anh đâu”.

Cô không trả lời tiếng nào cả. Có lẽ anh ta sẽ để một vật nặng như cây đèn đó vào trong một cái thùng trà, có lẽ anh ta sẽ mở một trong những thùng đó ra bây giờ đây. Anh ta quay lại để kiểm cái đèn. Nó không còn ở đó nữa. Cô ta đã cầm nó bằng cả hai tay.

— Anh đang cần cái đó, làm ơn đi mà.

— Đã bao giờ anh bị đập vào mặt chưa, hả Maurice?

Cô ta nín thở, giơ cây đèn lên rồi dùng hết sức mình đập vào trán anh ta. Anh ta loạng choạng còn cô vẫn cứ đập tới tấp, lên mặt lên đầu anh ta. Anh ta hét lên một tiếng, bắt đầu khụy xuống với đôi bàn tay đầy máu đang ôm lấy khuôn mặt. Sau đó vận hết sức bình sinh cô đã nện cho anh ta một cú thật mạnh và anh ta đã đổ quỵ xuống, ngã lăn ra và cuối cùng nằm bất động không kêu được tiếng nào nữa.

Máu đã đổ khá nhiều, mặc dù nó đã ngưng chảy rất mau. Cô đứng đó vừa nhìn anh ta vừa khóc nức nở. Liệu cô cứ khóc suốt như thế chẳng? Người cô dính đầy máu. Cô xé quần áo đang mặc rồi chất đống chung quanh mình. Cô quỳ bên anh ta một lúc, trên người không còn chút vải che thân nào và vừa khóc vừa lắc lư cái xác, gọi tên anh ta, và cắn những ngón tay của mình đang dính đầy máu của anh ta.

Nhưng bản năng sinh tồn mới chính là bản năng chính yếu. Còn mạnh hơn cả tình yêu hay nỗi sầu khổ, hận thù hay hối tiếc. Đã chín giờ rồi và chỉ còn một tiếng nữa đám nhân viên vận chuyển sẽ đến. Betsy đi kiếm nước đựng trong một cái xô, rồi bột giặt, giẻ lau và một miếng bột xốp. Công việc lau rửa khắp phòng đầy cực nhọc đã khiến cô ngừng khóc, tim cô hết sôi động và những ý nghĩ trong trí não cô ngủ yên. Cô không còn suy nghĩ điều gì cả, làm việc như điên, tâm trí cô hoàn toàn trống rỗng.

Khi các xô nước có màu đỏ đỏ được nối tiếp nhau đổ xuống bồn rửa chén và tấm thảm trải nhà đã ướt sũng nhưng lại sạch sẽ, cái đèn được rửa sạch, lau khô và chùi bóng, thì cô mới ném quần áo của mình vào giỏ quần áo trong phòng tắm rồi mới đi tắm. Cô đã ăn mặc thật tươi tắn và chải lại mái tóc. Đã mười giờ thiếu mười rồi. Mọi thứ đã thật sạch sẽ và cô mở cửa sổ ra, tuy nhiên cái xác vẫn còn nằm lù lù ở đó bên đồng giấy báo đỏ lòm.

— Em yêu anh.

Cô nói thật to rồi siết chặt hai nắm tay lại.

— Em thù anh lắm.

Các nhân viên vận chuyển đến thật đúng giờ. Họ đã đến đó đúng mười giờ. Họ đã chuyển sáu thùng đựng trà và cái rương giả bạc có các móc khóa giả vàng xuống tầng dưới.

Khi họ lái xe tải đi khỏi, Betsy đang ngồi trên chiếc sofa. Cô đã nhìn cây đèn đứng, cái lọ đựng viết và cái gạt tàn bằng mã não, chiếc hũ đựng gừng, các chén bằng thạch cao tuyết hoa, những cái ly rượu cao, cái chặn giấy bằng đồng, những chiếc tách tàu tí hon và bức tranh của Lowry đang dựa trên tường nhà. Hiện giờ cô đã khá trầm tĩnh và thực ra đã không cần đến ly rượu mạnh mà cô đã rót sẵn cho mình.

Cô không mấy may nghĩ gì về quá khứ còn hiện tại thì dường như vẫn hiện hữu đó nhưng chỉ như một cội hư vô có thể cảm nhận được, một sự thinh lặng đến mịt mù đang vây

bọc chung quanh cô. Cô nghĩ đến tương lai, ba tháng sắp tới đây, và rồi trong khoảng tĩnh lặng đó cô đã bật ra một tiếng cười trầm đều lạnh lẽo. Cô Patricia Gordon, 23 đại lộ Burwood Park, Kew, Victoria, Úc 3101. Cái khuôn mặt đẹp, tham lam, khắc khổ, đôi bàn tay hăm hở mở ổ khóa rồi mở bật các móc cài giả vàng để tìm kiếm cái vật quý ở bên trong...

Và thú vị làm sao khi cái vật quý sẽ đến nơi trong ba tháng tới đây, một thứ độc nhất vô nhị mà Patricia chưa từng bao giờ gặp trong cả cuộc đời mình! Và để cô ả có thể nhận ra, thì ngay trên vật quý đó sẽ có một mảnh giấy với nét chữ quen thuộc: Dành trọn cho em, Patricia yêu quý, mãi mãi đến muôn đời.

PHÁT ĐẠN SÚNG SẴN

Angela Noel

Owen định mang đôi găng tay vào. Anh có một đôi găng tay bằng da nâu đã cũ, mà anh đã mang nó để đi lễ chủ nhật vào mùa đông. Tuy nhiên đôi tay nông dân của anh quả là vụng về trong việc đeo găng trong khi việc này lại đòi hỏi sự tinh tế.

Owen Parry dừng lại và ngó quanh với một cái cười khẩy. Tại sao lại phải phiền phức với ba cái găng tay này làm gì nhỉ? Vì đây là căn nhà chòi của mình mà, phải không nào? Rồi cảnh sát dự kiến là sẽ tìm ra những dấu vân tay của mình ở khắp nhà cho mà xem. Đây là hai cái ghế bằng gỗ, hiện đang được đặt đầu lưng lại và cách nhau một khoảng cách đã được tính toán thật kỹ lưỡng.

Khẩu súng săn cũng là của anh nữa. Dĩ nhiên là nó có mang dấu vân tay của anh rồi. Đây là hai chiếc ghế gỗ của anh. Bây giờ khẩu súng được đặt nằm vắt qua hai lưng ghế, được cột chặt bằng dây kẽm và dây thừng. Nó được chĩa ngay vào cửa chính duy nhất của nhà anh.

Khẩu súng đã được lên cò. Một sợi dây được tròng vào cò súng rồi nối vào tay nắm cửa. Khi cửa được đẩy vào, sợi dây sẽ bị giật mạnh. Và có bao giờ thằng em trai Huw của anh lại bỏ được cái tật mở toang mọi cánh cửa đâu?

Có lúc bao tử anh cứ sôi sục lên nhưng anh cố trấn tĩnh. Anh tự bảo, cần bật đèn sáng như một cách để lôi kéo sự chú ý rồi rời khỏi căn chòi qua một cửa sổ.

Thằng em của anh sẽ ghé đây trước buổi lễ chiều.

Owen đã vờ như rất nóng lòng trong khi thuyết phục thằng em đến đây: “Để gây lại đàn gia súc mới cho trang trại”.

Huw đã lẩm bẩm:

— Hả, gây đám gia súc mới sao. Mình có tính xa quá không

đấy?

Cả hai đã quá rầu rĩ vì cơn ác mộng lở mồm long móng của đám gia súc đã làm tan hoang cả trang trại. Theo lệnh buộc của địa phương, thì toàn bộ đàn gia súc của họ phải bị đem ra giết. Những con chó thông minh trung thành đẹp đẽ của họ cũng phải chịu chung số phận. Ngay cả con Beth mà họ yêu quý nhất cũng vậy.

Owen thở dài khi nghĩ đến con Beth, tuy nhiên khi nhớ đến nó anh lại quyết tâm hơn. Anh đã chịu đựng quá đủ rồi. Anh bắt đầu đi vào làng để tạo bằng chứng ngoại phạm cho mình.

Thậm chí vào lúc này đây, ở giữa những quả đồi hoang vắng do tấn thảm kịch gây ra. Anh vẫn cảm thấy nỗi đam mê đang cuộn dâng với nơi chốn này mà anh vẫn luôn luôn để tâm, với cái dáng cong cong đáng yêu của thung lũng, với những khúc uốn lượn của dòng sông rặng ngời ánh thép, với khu nhà ở của trang trại cùng với những dãy chuồng trại nằm san sát nhau.

Chẳng bao lâu tất cả sẽ thuộc về anh và chỉ mình anh mà thôi. Anh sẽ làm việc, coi sóc và cuộc sống lại bắt đầu. Những quả đồi sẽ ca hát cùng với những tiếng be be của đoàn gia súc khỏe mạnh và họ lại có được lũ chó như trước đây, chúng sẽ cùng nhau tràn xuống cánh đồng cỏ ven sông.

Mặc dù sẽ chẳng bao giờ có được một con chó nào khác giống như Beth nữa. Thậm chí ngày hôm nay, đang trên đường vào làng, Owen cứ ngỡ rằng mình vẫn còn nghe được tiếng sữa của nó, tiếng sữa vọng lại từ bãi nhốt cừu hoang vắng trên ngọn đồi sau căn nhà chòi của mình.

Đã cùng chung sức với thằng em trai của mình rồi! Điều đó cũng chưa đủ để Huw lấy được Rhiannon, cô gái mà cả hai cùng yêu, cô nàng Rhiannon xinh xắn, dễ cảm thông lại ngoan ngoãn dễ bảo. Hoặc chỉ có nước là Huw và cô vợ của anh ta ở trong ngôi nhà chính của trang trại, còn thì để cho Owen dời đến ở trong căn chòi ẩm mốc ở ven sông.

Điều tệ hại hơn cả là sau một hai năm đầu, Huw thậm chí đã

chẳng làm cho Rhiannon được hạnh phúc và cuộc hôn nhân của họ, không được hưởng phúc về đường con cái, đã bắt đầu héo úa dần.

Huw là một người có vóc dáng thật to lớn, rắn rỏi như đá với giọng nói trầm. Đối với anh ta, việc không có con là cả một sự đau buồn và khiến anh ta mất đi phẩm giá con người. Anh cứ cho rằng cả làng vẫn đang cười thầm mình sau những tấm rèm cửa.

— Xem cái thằng Huw Parry kia, làm chủ một nửa cái thung lũng cùng với thằng anh nó, thế mà lấy vợ có đến năm năm nay rồi mà vẫn không làm sao làm cho con vợ mang bầu được.

Và cô nàng Rhiannon buồn thảm còn biết chuyển tình cảm qua ai nữa ngoài ông anh chồng? Chả lẽ cô ta lại không biết, như bất kỳ người đàn bà nào phải biết, rằng anh ta vẫn luôn yêu mình đó sao?

Cô ta đã nói với anh:

— Owen à, anh quả là dòng sông vừa từ tốn lại vừa sâu lắng.

Hồi trẻ, cả hai cậu bé đã từng nô đùa, khiêu vũ và hôn cô nàng. Tuy nhiên họ đã không còn là những đứa trẻ nữa. Một ngày kia, Owen đã ôm cô em dâu vào trong vòng tay và giấc mơ mà anh từng âm thầm ấp ủ trong tất cả những năm tháng qua bỗng bùng dậy để biến thành hiện thực.

Tuy nhiên sự ra đời của Margo đưa đến sự thay đổi ở Huw đã khiến cả Owen và Rhiannon đều phải sống sờ. Dường như trải qua đêm trường tăm tối, anh lại trỗi dậy để ngẩng cao đầu với cuộc đời. Anh ta đã hoan hỉ ca ngợi tác phẩm của mình và tỏ ra rất tử tế với nhân vật thứ hai kia mà không hề biết đó mới chính là tác giả đích thực.

Lần thứ hai trong đời mình, Owen lại chứng kiến cảnh Rhiannon vượt khỏi tay mình để tách ra với Huw. Ngọn lửa lòng xưa cũ lại thêm nung nấu, âm ỉ và chỉ đợi dịp bùng phát trong anh. Ất hẳn một ngày nào đó nó sẽ bùng cháy thật dữ dội.

Việc tàn sát đàn gia súc rốt cục chính là dịp khơi dậy ngọn

lửa.

Chuyện đó đâu có nhất thiết phải xảy ra, như Owen đã chẳng từng nói đi nói lại như vậy đó sao? Nếu phát hiện một con cừu cái bị chảy nước dãi, người ta có thể loại bỏ nó một cách bí mật. Rồi sau đó họ có thể dùng khoảng bốn lít thuốc tẩy, ít nhất là họ phải thử cái đã, để bảo vệ cho đám gia súc còn lại không bị ảnh hưởng tai hại của thứ nước đã dùng để tẩy rửa bệnh lở mồm long móng đó.

Nhưng mà, ối dào, như vậy đâu có được! Là một anh chàng ngoan đạo kính Chúa hết mực, Huw nhất định phải đi báo chính quyền. Trẻ tuổi lại to con hơn, anh chàng đã hất Owen qua một bên rồi đi gọi điện. Cơ ác mộng cứ tuần tự diễn biến. Máy tay thanh tra đến nơi và thông qua bản án tử cho đàn cừu và cả lũ chó nữa.

— Tôi chắc là chú đã vừa lòng rồi chứ gì, Huw Parry.

Owen đã nói vậy và cảm thấy nổi oán giận cả đời không nguôi này đối với thằng em trai, đã từ một chuyện bé cởn con mà để xảy đến cơ sự nặng nề và khó mà kiểm soát được như vậy.

Owen đã cố gắng rủ rê Rhiannon lần cuối cùng. Huw đang đứng bên ngoài, rầu rĩ nhìn chăm chăm xuống dòng sông. Họ nghe tiếng Margo đâu đó ở trong vườn đang bù lu bù loa gọi tên con Beth đã biến đâu mất rồi.

Rhiannon vừa nhỏ nhẹ nói vừa dõi theo chồng từ cửa sổ nhà bếp.

— Huw không dám nói với con bé về việc đã phải bắn chết con Beth. Em sẽ không tài nào quên nổi cái dáng vẻ của anh ấy khi anh ấy dắt con Beth đi và nó vừa đi vừa vẫy chùm lông đuôi, vẫn răm rắp vâng lời cho đến phút cuối. Và Beth cũng vẫn luôn là con vật yêu quý của Margo nên anh ấy đã tan nát cả cõi lòng khi phải miễn cưỡng làm chuyện ấy.

Cánh tay của Owen quàng chặt qua vai của Rhiannon. Anh nói:

— Chúng ta không thể cứ tiếp tục mãi như thế này được đâu, em ạ. Em phải cho Huw biết sự thực. Hãy để cho chú ấy đi kiếm một trang trại nào khác. Chúng mình sẽ gây lại đàn gia súc khác ngay khi có thể được và chúng mình sẽ dựng nhà ở đây như một gia đình thực sự.

Anh thêm thường liếc nhìn những bức tường vững chắc khô ráo, sự rộng rãi và vững chắc của địa điểm này, thật khác hẳn với căn nhà chòi thảm hại của mình.

Tuy nhiên khi anh quay lại nhìn chăm chăm vào Rhiannon thì cái vẻ trống vắng của cô đã bóp chết niềm hy vọng của anh.

Cô nói:

— Anh có điên không hả, Owen Parry? Em sẽ nói chồng mình phải ra đi, sau tất cả những gì anh ấy đã phải chịu đựng, sau khi lãnh trọn sự tan hoang và nỗi đau khổ này ư? Em nở lòng nào lại đi cướp mất đất đai và đứa con của anh ấy ư?

Owen lên tiếng.

— Con ai mới được chứ?

Mặt Rhiannon tái nhợt đi.

— Chúa tha tội, anh ấy đối xử tốt cứ như bố đẻ ra con bé vậy.

Owen xòe rộng hai bàn tay.

— Lẽ ra cho đến tận hôm nay em đừng hòng gì có con với cái đâu, nếu không đến với anh.

Cô hất mái tóc dài xạm màu.

— Ôi, em biết anh đã tốt với em khi chuyện gia đình em đã không đi đến đâu chứ Owen. Rồi sau đó em đã cần đến anh. Còn bây giờ em và Huw đang thật hạnh phúc. Anh phải thấy được điều đó chứ. Anh ấy là con người lạ lắm. Anh ấy tôn sùng Margo lắm - còn em sẽ không để anh lấy mất con bé khỏi tay anh ấy đâu. Em sẽ chối bỏ mọi lời nói của anh và anh ấy sẽ chỉ tin em mà thôi.

Owen nắm lấy đôi vai mảnh mai của cô bằng đôi bàn tay răn rỏi của mình mà lắc. Mái tóc xạm màu của cô rơi lòa xòa trước mặt, cô hất cao đầu lên gượng chống lại anh ta.

Anh muốn hét vào mặt cô ta rằng:

— Cô đã chỉ lợi dụng tôi như con chốt thí mà thôi!

Nhưng anh đã cố gắng kìm hãm. Nếu một khi anh đã khiến cho Rhiannon chống lại anh, thì cuộc đời của anh sẽ chẳng còn ý nghĩa gì cả.

Anh bỏ đi, chán nản khi nhận thức ra những gì mình sẽ phải làm.

Đêm đó Owen đã khóc, thui thủi một mình trong căn chòi ẩm mốc của mình, còn nỗi sầu khổ cùng cực của anh lại dành cho Margo, con bé tinh nghịch mắt nâu của anh. Sẽ không bao giờ có một dàn đồng ca nào lại sánh bằng tiếng cười của con bé...

Một khi Huw còn sống thì Rhiannon vẫn là vợ của nó, còn Margo vẫn còn là con gái của nó. Họ đã khiến anh phải biết lựa chọn sao đây? Một người đàn ông chỉ có thể một ăn hai thua mà thôi.

Owen đã nghiền ngẫm cả tuần nay một âm mưu đang âm ỉ trong tâm trí của mình.

Có thể chính anh sẽ bóp cò súng - tuy nhiên anh biết rằng lòng can đảm của mình sẽ khiến mình phải thất bại. Huw chỉ cần nhìn anh bằng cặp mắt đen rực sáng của nó thì Owen đã cảm thấy bao nhuệ khí của mình sẽ bay biến hết cả. Rồi làm sao để thuyết phục mọi người rằng đó là một tai nạn được? Không được, chính Huw phải là người kéo cò mới đúng. Và chẳng phải là người ta sẽ nghĩ rằng việc tàn sát cả đàn gia súc, công trình của cả một đời người, sẽ khiến một người đi đến chỗ tự sát đó sao? Chẳng phải sau đó Huw cứ phải âu sầu vì chuyện mất mát này đó ư? Còn nơi nào tốt hơn nhà ông anh trai của mình để tránh chuyện vợ con tìm thấy xác của mình cơ chứ?

Từ đó đã nảy ra cái sáng kiến về cái bẫy này.

Cực chẳng đã, Huw mới đồng ý xuống căn chòi của Owen để bàn về chuyện trang trại vào trưa chủ nhật này. Huw sẽ hất tung cánh cửa và thế là mọi chuyện sẽ kết thúc. Thậm chí nó sẽ

không phải chịu đựng hay mảy may nghi ngờ gì cả? Owen nghĩ thầm, một cái giá quá rẻ để trả cho hạnh phúc của kẻ khác.

Owen sẽ từ nhà thờ trở về làng, nắm chắc là mình sẽ được hoàn toàn ở trong tình trạng ngoại phạm. Chỉ cần vài phút để ngụy tạo bằng chứng, xóa bỏ mọi dấu vết của các sợi thừng và kẽm, rồi đặt khẩu súng vào tay của người chết. Sau đó Owen sẽ hốt hoảng như một kẻ vô tội chạy đi gọi điện cho cảnh sát. Người phụ nữ mất chồng sẽ khóc trong vòng tay của anh.

Bây giờ tim của Owen mới đập thành thịch trong lồng ngực khi anh rời khỏi căn chòi của mình cùng khẩu súng, đang chực sẵn sau lưng.

Ngôi làng đang nằm im lìm dưới băng giá trong cái tĩnh lặng của trưa chủ nhật. Mặc dù rõ ràng là cái lạnh chả thấm tháp gì đối với bà Price, bán tạp hóa, từ bao giờ đến nay vẫn luôn ngồi ngay tại cửa nhà.

Bà ta nói với vẻ hứng thú.

— Rảnh rồi gồm nhỉ?

Owen dừng lại. Còn nhân chứng nào tốt hơn về chuyện anh lang thang đây đó vào trưa chủ nhật này cho bằng bà ta với đầu óc như một cái kho lẫm, chất đầy các hạt giống nghi ngờ và các hạt đậu đồn đại ngọt ngào cơ chứ?

Cuối cùng khi bà Price đã dứt những câu chuyện tán gẫu của mình, thì anh ghé vào nhà má Hughes và ân cần hỏi thăm về chứng thấp khớp của má. Má Hughes đã mời anh dùng chút trà.

Khi rời nhà má Hughes, Owen chỉ còn đủ thời gian để đến nhà thờ. Bước vào nơi tĩnh lặng này, anh đã để cánh cửa đóng ập lại đánh rầm một cái và ho lên một tiếng.

Sau đó, rõ ràng sự thiếu tôn kính của anh đã được bỏ qua, họ hỏi anh xem Huw đang ở đâu. Tất cả đều nói rằng:

— Không thể nhớ được lần cuối cùng Huw Parry đã không đến nhà thờ là lúc nào nữa.

Owen lắc đầu và thì thầm về chuyện thất chí.

Mặc dù trời lạnh, thế mà Owen vẫn đổ mồ hôi khi anh rời

khỏi con đường làng và chậm chạp đạp trên đám cỏ đóng băng như pha lê để trở về căn nhà chòi của mình.

Đến trước cửa nhà, anh đưa tay ra...

Khoan, đợi đã. Khẩu súng có thể vẫn còn lên cò, nếu vì lý do nào đó mà Huw đã không đến đây được thì sao. Thậm chí có chết chẳng nữa, anh cũng không tin thằng em trai của mình được. Anh bồn chồn ngó qua khung cửa sổ sáng đèn.

Tiếng hét của Owen đã xé tan cả màn đêm.

Anh nhẩy bổ vào căn chòi, cầm giỡn ra, cặp mắt trợn lên, đôi bàn tay nắm tóc. Anh há hốc miệng nhìn hai cái xác đầy máu me đang nằm sóng xoài trên sàn nhà.

Margo và con chó săn cừu Beth.

Anh thích vào con chó cái bằng mũi giày và xác nó đã cứng. Anh không tài nào chạm vào xác đứa bé được. Đứa con gái của anh đây mà. Anh lấy tay bịt mắt.

Trí óc của anh giờ đây là một con lốc xoáy đầy những nỗi kinh hoàng và hoang mang. Thế rồi sự thật bỗng lóe sáng ngay trước cặp mắt đang nhắm nghiền của anh.

Huw đã đánh lừa mọi người. Nó đã chẳng hề giết con chó cái đó theo lệnh của địa phương. Nó đã giấu con vật đi. Bỗng nhiên Owen nhớ đến tiếng chó sủa ma quái vọng lại từ bãi nhốt cừu. Dĩ nhiên! Thế rồi hôm nay ắt là nó đã sống ra được, có lẽ đã được Margo đang hứng thú vì đã tìm thấy và thả nó ra, và cả hai đã chạy xuống sườn đồi để báo cho bác Owen của bé biết được tin mừng này...

Anh chỉ cần ít phút để tháo bỏ các sợi dây thừng và kẽm, nạp đạn rồi bắn vào màng tang của mình.

Tiếng nổ đã làm con bé đang ngủ chợt thức giấc. Margo bắt đầu khóc, vì tiếng động chát chúa đã làm nó lại kinh hoàng thêm một lần nữa. Nó cứ chăm chăm nhìn vào Beth đang nằm bất động. Nó nhớ lại là đang cố đuổi kịp Beth và cảnh con chó cái này đang nhẩy bổ vào cánh cửa ngay trước mặt, rồi tiếng nổ đinh tai nhức óc và cảnh con vật ngã dúi xuống rên rĩ và co giật

như thế nào. Con bé đã nhảy bổ vào con vật, vuốt ve nó, cố nâng nó lên, khiến cả người nó nhòe nhoẹt toàn máu của con vật. Hẳn là nó đã gào khóc một mình cho đến khi ngủ thiếp đi trên nền nhà.

Bây giờ con bé vừa kêu la vừa bỏ chạy ra khỏi căn nhà chòi. Trên đường trở về nhà, đang loạng choạng bước đi dưới ánh trăng nó đã đâm sầm vào Huw.

— Ôi, Margo, Margo của bố, thế mà bố đã tìm kiếm con hai tiếng đồng hồ rồi!

Huw nhấc bổng con lên rồi mừng rỡ ôm con bé trở về nhà, thậm chí cảm ơn Chúa đã bảo vệ cho đứa con gái yêu quý của mình.

Lúc bấy giờ anh cho là đã quá trễ rồi để đến gặp Owen.

NGỌN SUỐI PHUN

Dorothy L. Sayers

ng Spiller nói với giọng mãn nguyện:

— Đúng, tôi phải nói rằng tôi khá thích cảnh suối phun. Nó sẽ điểm xuyết cho cảnh vật.

Ronalf Proudfoot tán thành.

— Theo phong cách của điện Versailles.

Ông Spiller liếc anh ta một cái thật sắc, như thể còn ngờ vực phải chăng đây chỉ là một sự mỉa mai, tuy nhiên khuôn mặt gầy gò của anh ta lại không biểu lộ chút vẻ châm biếm nào. Ông Spiller chẳng bao giờ cảm thấy hoàn toàn thoải mái khi anh chàng hôn phu của con gái mình có mặt, mặc dù thật hãnh diện về chuyện cô ta đã vớ được anh chàng này. (Đối với ông Spiller) Với tất cả những tính cách thiếu thân ái, Ronald Prudfoot quả là một người đàn ông tuyệt hảo, và Betty hoàn toàn bị say đắm vì anh ta.

Ông Spiller tiếp tục:

— Trong tâm trí tôi, suối phun chỉ cần độc một thứ thôi, nghĩa là, không gian rộng mở. Có thể cho rằng, để tạo được một khung cảnh khoáng khoáng, thì quý vị đừng sử dụng hiệu ứng của các bụi cây này ở cả bốn phía.

Bà Digby phản đối bằng giọng nhẹ nhàng:

—Ồ, tôi thật không rõ điều đó lắm đấy, ông Spiller ạ. Thế ông lại không cho rằng nó sẽ gây nên sự bất ngờ thật lôi cuốn sao? Ông đang đi thẳng trên lối đi không hề tưởng rằng sẽ có bất kỳ điều gì đằng sau cụm hoa tử đinh hương này, thế mà vừa đến góc vườn bỗng nó lại chột hiện ra thật bất ngờ. Tôi dám chắc rằng trưa nay khi ông dẫn tôi đi ngắm cảnh suối phun đó quả nó đã làm tôi phải sửng sốt đấy.

Ông Spiller thừa nhận.

— Đương nhiên là thế rồi.

Đây không phải là lần đầu, cái ý nghĩ đó đã chọt đến với ông là có một điều gì đó rất lôi cuốn ở tính cách ngời sáng của bà Digby. Bà ta còn có cả nét độc đáo nữa. Một người góa vợ và một kẻ góa chồng đang ở vào thời kỳ nhạy cảm của cuộc đời, cả đôi bên đều có chút tiền bạc, có thể sẽ chẳng mãn nguyện với việc sống thoải mái trong một căn nhà thật thú vị với cả một mẫu vườn và chút cảnh suối phun được đâu.

Bà Digby nói tiếp:

— Nó thật đẹp và lại được tách biệt bằng những cây đỗ quyên rậm rờ. Trông chúng mới đẹp làm sao, tất cả đều được tưới bằng những giọt nước phun - như những viên ngọc thần tiên - và còn những chiếc ghế mộc mạc dựa vào những cây bách xạm màu ở phía sau. Đích thực là phong cách Ý. Lại còn mùi tử đinh hương mới diệu vợi làm sao!

Ông Spiller biết rằng bách ở đây thực ra chỉ là những cây thủy tùng, nhưng không tiện chỉnh lời bà ta. Đây chỉ là một chút lơ đãng của đàn bà thôi mà. Ông ta hết nhìn những cụm bêri rồi đến khóm tử đinh hương ở hai bên những đóa hoa nước nở xòe ra bằng những cầu vồng lung linh phun tỏa thành muôn ngàn giọt kim cương lóng lánh.

Ông ta nói:

— Tôi đã không nghĩ gì đến dáng vẻ của những cây đỗ quyên hay những bụi bêri. Tôi chỉ mới nghĩ đến việc cắt bỏ đám bụi tử đinh hương to lớn kia mà thôi, để có được một toàn cảnh khoáng đạt từ phía ngôi nhà nhìn ra. Nhưng hẳn là quý bà mới là những người đưa ra phán quyết cuối cùng, có phải không - ơ - Ronald nhỉ? (Ông thật chẳng bao giờ có thể gọi được tên thánh của Prudfoot một cách tự nhiên cả). Phải bà thích cái bụi tử đinh hương cứ yên vị như thế này chứ gì, bà Digby. Thì thôi cứ để yên nó vậy.

Bà Spiller đáp:

— Ông thật nịnh đầm quá đấy chứ, nhưng ông không được

nghĩ là đã phải thay đổi kế hoạch vì tôi đầy nhé. Đúng ra tôi đâu có quyền gì xen vào chuyện khu vườn xinh xắn của ông.

Ông tiếp lời:

— Hà tất bà có quyền đấy chứ. Tôi đã phải gác lại toàn bộ sở thích của mình. Bà nói là phải dành đặc biệt cho đám tử đinh hương, thế là chúng trở nên thiêng liêng ngay.

Bà Digby vừa nói vừa lắc đầu.

— Thế thì sau này, tôi rất ngại phải đưa ra ý kiến về bất kỳ điều gì. Tuy nhiên dù ông có quyết định làm gì đi nữa, thì tôi vẫn chắc rằng nó sẽ phải đáng yêu lắm. Quả là một ý nghĩ tuyệt diệu khi nghĩ đến chuyện đặt một cái vòi phun ở đây. Nó khiến cho khu vườn nổi bật hẳn lên.

Ông Spiller nghĩ rằng kể ra bà ta cũng có phần đúng. Và dĩ nhiên, mặc dù cái giếng phun được tâng bốc bằng cái danh xưng là “hồ nước trang trí”, được tạo tác bằng một lòng chảo bằng cẩm thạch, được đặt giữa một cái hồ có kích thước khoảng gần 1 mét vuông, nó tạo nên quang cảnh thật lộng lẫy, với chùm tia nước nhẩy múa, cao khoảng năm mét, cao hơn những bụi cây nhỏ và hầu như còn vượt hẳn các cây tử đinh hương cao ngất kia nữa. Và tiếng nước phun ào ào, nó gợi cảm giác tươi mát sẽ làm êm tai người ta vào một ngày đầu hè dễ chịu như hôm nay.

Ông Gooch thắc mắc.

— Chắc là cũng có phần tốn kém đấy chứ?

Ông vẫn im lặng từ đầu đến giờ, và bà Digby cảm thấy rằng điều nhắc nhở này của lão ta đã thể hiện một quan điểm khá ti tiện về cuộc sống. Dĩ nhiên, ngay từ phút đầu gặp lão Gooch, bà đã cho là cái lão này này dứt khoát chỉ là một con người tầm thường mà thôi, và thắc mắc là lẽ ra hẳn ta nên có những lời lẽ thân tình hơn với chủ nhân mới phải.

Ông Spiller vội trả lời:

— Không, không. Chả tốn kém gì lắm đâu. Như ông thấy đấy, chỉ có từng ấy nước cứ được sử dụng đi sử dụng lại mãi thôi.

Thật khéo léo hết sức. Tôi tin rằng cái suốt phun ở công trường Trafalgar, Luân Đôn, cũng hoạt động theo cùng nguyên tắc này. Dĩ nhiên là tôi cũng phải có chút tôn kém cho việc lắp đặt nó, nhưng kể ra cũng đáng đồng tiền đấy chứ.

Bà Digby phụ họa:

— Phải đấy, đương nhiên phải vậy chứ.

Ông Gooch nói, với một tiếng cười vu vơ:

— Tôi vẫn luôn bảo rằng ông là người sung túc đấy chứ, ông Spiller. Chả là tôi vẫn mong được nương thân ở chỗ ông đấy sao. Một chỗ thật thoải mái, chính là nơi này này. Thật là ấm cúng.

Ông Spiller chỉ đáp lại thật ngắn gọn:

— Tôi có phải là triệu phú đâu.

Rồi ông tiếp với giọng vui vẻ hơn.

— Tuy nhiên, vào lúc này thì cũng hơi bết bát đấy. Dĩ nhiên là mình cũng cần tính kỹ một chút. Tôi sẽ cho tắt suốt phun vào ban đêm chẳng hạn để tránh bị rò rỉ và đỡ phí.

Ông Gooch châm chọc.

— Tôi tin chắc là ông sẽ phải làm thế thôi, thế mà ông đã từng chửi rủa những tên già keo kiệt bủn xỉn là sao vậy.

Thay vì phải trả lời cho câu châm chọc này, ông Spiller được cứu nguy bằng tiếng keng vọng lại từ xa.

Ông vội thông báo với giọng nói hơi rầu rầu.

— A! Đến giờ dùng bữa chiều rồi.

Đám khách đi theo con đường uốn lượn giữa các bờ giậu tử đinh hương, rồi bước lên bờ lề được lót bằng những viên đá lót không đều chạy dài, đi qua những luống cỏ và hai luống hoa hồng dại nhỏ, rồi tiến vào ngôi biệt thự lộng lẫy mà ông Spiller đã trân trọng đặt tên là “Hoan lạc”.

Đối với bà Digby thì dường như bầu không khí của bữa tiệc có hơi căng thẳng, dầu rằng Betty, xinh đẹp như bức tranh tố nữ và rất mực yêu quý Ronald Proudfoot, là một bà chủ tiệc nhỏ rất hấp dẫn đến mức toàn hảo. Ông Gooch đưa ra những

nhận xét thật khó nghe. Ông ta ăn uống ồn ào và thoải mái, chọc giận Proudfoot và cư xử với ông Spiller bằng một thái độ xấc xược ngấm ngầm, gây lúng túng và bất bình. Bà ta lại tự hỏi không biết lão ta đã từ đâu đến đây, và tại sao ông Spiller lại cho lão ta ở lại nhà mình. Bà biết rất ít về lão ta, ngoại trừ chuyện thỉnh thoảng lão ta trở lại thăm biệt thự “Hoan lạc” này. Thường thì lão ta sẽ ở lại đó khoảng một tháng và rõ ràng là được chu cấp đầy đủ tiền bạc. Bà chợt có ý nghĩ rằng lão ta có thể là một nhân viên mật vụ, dầu rằng bà đã không tài nào nhớ nổi bất kỳ một lời lẽ khác biệt nào chứng minh cho điều nghi hoặc này. Ông Spiller đã đến ở trong ngôi làng này cách nay ba năm, và bà vẫn luôn quý mến ông. Cho dù ông ta không phải là một người có học, thì xét theo ý nghĩa nào đi nữa ông ta vẫn là một con người tử tế, độ lượng và khiêm tốn, và sự tận tụy với Betty cũng bộc lộ một điều gì rất đáng quý mến về điều đó. Cái lão Gooch này đã xuất hiện khoảng một năm sau đó. Bà Digby tự nhủ thầm giả như mình được ở địa vị nắm quyền hành tại biệt thự “Hoan lạc” - và phải xử lý vấn đề trên - thì bà sẽ dùng quyền đó để gạt bỏ cái lão Gooch này đi.

Khi cà phê đã được pha, Ronald Proudfoot đưa ý kiến:

— Mình đánh bài bít nhé?

Bà Digby nghĩ, quả thật hay khi cà phê được một nam gia nhân bưng lên. Lão quản gia quả là một người thạo việc, mặc dù ông ta vẫn kiêm luôn cả việc quản gia lẫn công việc của tài xế. Người ta hẳn sẽ sống thoải mái ở ngôi biệt thự “Hoan lạc” này. Qua cửa sổ phòng ăn bà ta có thể thấy được cái ga ra thật ngăn nắp chứa chiếc Woseley ở tầng trệt, với một phòng dành riêng cho tài xế ở tầng trên, và nổi bật trên mái nhà là cái chong chóng gió được làm bằng loại tôn sơn nhũ vàng đang lấp lánh dưới những tia nắng cuối cùng của buổi chiều tà. Một anh đầu bếp giỏi, một cô hầu bàn lanh lợi và thế là mọi chuyện được thực hiện răm rắp theo ý muốn ngay - giả như bà lấy ông Spiller thì lần đầu tiên trong đời bà sẽ có thể đủ sức muốn một cô hầu

riêng. Vì nhà này quả là nhiều phòng, và dĩ nhiên là, khi Betty đi lấy chồng.

Bà nghĩ, Betty đã không được hài lòng lắm khi Ronald đề nghị chuyện đánh bài. Bài bạc đâu phải là một trò chơi tự thể hiện được tình cảm triu mến, và có lẽ hay hơn cả là Ronald nên rủ Betty ra ngồi bên dưới bờ dậu thủy tùng bên suối phun vào buổi hoàng hôn thơm ngát mùi tử đinh hương này. Bà Digby đôi khi cũng e ngại rằng Betty lại thích cái việc sau này hơn. Tuy nhiên, nếu Ronald lại cứ nằng nặc đòi đánh bài bít, thì dĩ nhiên, về phần mình bà Digby sẽ chẳng tham gia gì được ngoài việc im lặng ngồi xem thiên hạ chơi mà thôi. Ngoài ra, việc đánh bài này có cái tiện là sẽ gạt bỏ được cái lão Gooch này ra ngoài. Lão vẫn thường nói:

— Thôi đừng có đánh bài, không bao giờ có thời gian để học nữa là. Ở chỗ tôi được dạy dỗ, chúng tôi đâu có bài bạc gì đâu.

Bấy giờ ông ta lại lặp lại lời lưu ý này rồi sau đó quay về phía ông Spiller mà khịt khịt mũi một cách khinh thị.

Ông Spiller từ tốn nói:

— Cứ bắt đầu đi, có gì đâu mà trề.

Ông Gooch bảo:

— Tôi không đánh đâu! Tôi ra vườn đây. Ông quản gia đâu rồi nhỉ? Bảo ông ta mang whisky với soda xuống chỗ suối phun nhé. Nhớ cái ly cổ thon đấy - một ly thì chả nhằm nhò gì với tôi đâu.

Ông ta thọc một bàn tay thô dầy vào chiếc hộp ở trên bàn bên, bốc ra một nắm xì gà rồi thấy qua khung cửa sổ theo kiểu Pháp cho rơi trên mái bằng. Ông Spiller rung chuông ra lệnh mà không hề nói gì thêm, và bây giờ họ thấy viên quản gia đang bưng rượ whisky và soda trên một cái khay bước đi giữa các luống hồng và các bờ cỏ.

Bốn người còn lại đánh bài cho đến 10 giờ 30, khi cái người chỉ biết ngồi xem từ đầu chí cuối là bà Digby đứng lên và cho biết đã đến giờ bà phải về nhà. Ông chủ nhà đã lịch sự đề nghị

được đưa bà về tận nhà. Ông còn nói thêm, với một nụ cười bí ẩn:

— Có thể là hai cô cậu này cũng cần chăm sóc nhau một chút đấy.

— Thời bây giờ, bọn trẻ tự chăm sóc cho nhau còn tốt hơn những người già đấy chứ.

Bà cười bẽn lễn, và không tỏ thái độ phản đối khi ông Spiller khoác tay để cả hai cùng đi bộ trên quãng đường gần hai trăm mét về ngôi nhà riêng của bà. Bà đã lưỡng lự không biết có nên mời ông ta vào nhà hay không, nhưng cuối cùng đã quyết định rằng chỉ cần tỏ thái độ lịch sự một cách trù mền là thích hợp nhất với tư cách của mình. Bà giơ một bàn tay mềm mại cho ông ta qua cái cổng trắng nhỏ. Ông ta bịn rịn nắm lấy - với ý định sẽ hôn lên bàn tay ấy, ngấm ngấm như mùi hương táo gai đỏ trắng trong khu vườn vén khéo của bà ta, nhưng trước khi ông ta kịp thu hết can đảm, thì bà đã rút bàn tay ra khỏi cái xiết tay chặt chẽ của ông ta rồi quay vào nhà.

Ông Spiller vừa mở cửa trước nhà mình trong trạng thái lâng lâng đã chạm mặt ngay với viên quản gia của mình.

— Mọi người đâu cả rồi, ông quản?

— Ông Proudfoot đã ra về cách nay năm mươi phút rồi, thưa ông, còn cô Elizabeth đã đi ngủ.

— Ồ!

Ông Spiller hơi ngạc nhiên, ông buồn bã nghĩ thầm, quả là thế hệ trẻ không yêu nhau như những người lớn tuổi. Ông mong rằng không có điều gì sai sót trong chuyện này. Lại một ý nghĩ phiền toái khác xuất hiện trong tâm trí ông.

— Ông Gooch đã vào nhà chưa?

— Tôi không biết, thưa ông. Hay để tôi đi xem lại đã?

— Thôi, cứ mặc kệ ông ấy.

Nếu ông Gooch mà say bí tỉ với ba cái rượu whisky từ chiều đến giờ, thì lẽ ra chính ông quản gia phải ngăn cản ông ta lại mới đúng. Ông ta thật chả biết gì cả. Quản gia chính là một tên

ăn mày biết nói năng nhún nhường, nhưng cũng lại có thể biết tận dụng cơ hội đấy. Dù gì đi nữa, tốt hơn là không nên tin những tên gia nhân.

— Thôi ông nghỉ tay rồi đi ngủ đi. Để tôi khóa cửa cho.

— Thế thì hay lắm, thưa ông chủ.

— À, tiện thể ông xem thử suối phun đã tắt chưa?

— Dạ, rồi ạ. Thưa ông, khi thấy ông đang bận, nên chính tay tôi đã tắt lúc chín giờ rưỡi rồi ạ.

— Thế được rồi. Chúc ông ngủ ngon nhé.

— Dạ, thưa ông chủ, chúc ông ngủ ngon ạ.

Ông nghe tiếng người quản gia đi ra ngoài theo ngả cửa sau và đi băng qua khoảng sân lót đá để đến gara. Ông trầm ngâm đi đóng cả cửa trước lẫn cửa sau, rồi quay trở lại phòng đọc sách. Cái ly uống rượu whisky cổ thon không còn thấy ở chỗ cũ nữa - chắc hẳn là nó vẫn đang còn ở chỗ ông Gooch trong vườn - rồi ông cũng tự pha cho mình một ly nhỏ rượu brandy với sôđa, uống cạn. Ông cho là bây giờ mình sẽ phải lo làm cái công việc phát ngấy lên là làm sao để lôi cổ cái lão Gooch này đi ngủ cho được đây. Thế rồi ông bỗng nhận ra là cái chuyện phiền nhiễu đó sẽ xảy ra ngay tại đây chứ chẳng phải ở tận ngoài vườn. Gooch đang vào nhà qua ngả cửa sổ theo kiểu Pháp. Lão ta đã say bí tỉ, khiến ông Spiller chỉ đành ngồi ngó một cách rầu rĩ, chịu không biết làm sao nữa.

Gooch nói:

— Sao hử?

— Sao hử? - Ông Spiller nhại lại.

— Ê! Hẳn là thú vị với bà quả phụ tốt bụng lắm nhỉ? Kể ra cũng sướng thân rồi đấy chứ? Phải không, con chó săn già may mắn kia? Bóng xế tuổi già nên mềm lòng rồi chứ gì, hử?

Ông Spiller đáp:

— Đâu đó, cũng phải thế thôi.

Lão Gooch cười lên ùng ục.

— À, vậy sao? Tốt thật đấy. Giàu thật đấy. Cũng phải thế thôi

à? Cho thằng này là quản gia à, rồi cứ nói năng kiểu đó với thằng này à? Phải rồi, thằng này đâu phải quản gia, ta là ông chủ ở đây này. Chú mày cần nhớ kỹ điều đó đấy nhé. Ta đây mới là chủ nhân đây này, chú mày chả biết đêch gì về chuyện đó cả.

Ông Spiller đáp lại thật từ tốn:

— Được rồi, còn bây giờ thì lo mà cuốn xéo đi ngủ cho rồi đi, ông bạn vàng. Khuya rồi, tôi mệt quá đi mất.

— Chú mày sẽ còn mệt hơn trước khi tao làm việc với chú mày đấy.

Lão Gooch vừa đứng vừa thọc tay vào hai túi quần - khuôn mặt hăm hăm đầy vẻ đe dọa - trong tư thế sừng sộ như sẵn sàng tấn công. Hắn nói tiếp:

— Tao hết tiền rồi. Tuần này sao nó xui quá đi - tao sạch ráo cả tiền rồi. Đã đến lúc mày lo trả thêm chút nữa đi.

Ông Spiller đáp lại theo một ý nghĩ nào đó.

— Thật phi lý. Tao đã trả cho mày khoản trợ cấp như chúng ta đã thỏa thuận, và lại còn cho mày được đi đi về về chỗ này bất kỳ lúc nào mày muốn, và tao chỉ có được đến thế cho mày thôi.

— A, vậy sao? Chỉ có được một chút hơn cái bản mạng mày thôi, chứ gì, hả cái thằng chết tiệt 4132 kia?

— Suyt! - Ông Spiller vừa ra dấu vừa liếc nhìn thật nhanh ra chung quanh như thể đang sợ chuyện tai vách mạch rừng.

Gooch nhại lại:

— Suyt! Suyt! Mày đang ở địa vị ngon lành thì mới ra lệnh kiểu đó chứ, phải không 4132? Suyt! Mày sợ mấy thằng đầy tớ nghe được chứ gì! Rồi cả Betty! Cả thằng bố của con Betty nữa chứ. Hé! Cái thằng ấy - chắc nó sẽ rất ư hài lòng khi biết rằng bố của con bé là một thằng tù vượt ngục, phải không? Bất cứ lúc nào cũng có thể phải chịu phạt tù mười năm khổ sai về tội giả mạo? Còn tao, tao thiết tưởng. - Hắn bồi thêm - Là một thằng như tao đây, thì chỉ bị một thời gian ngắn thôi nếu chịu khó lao

động tốt, kỷ luật tốt. Và hiện tao đang trông chờ vào tấm lòng nhân đạo - Ha, ha! - của thằng bạn yêu quý 4132, trong khi nó lại đang ngợp mình trong của cải.

Ông Spiller chống chế.

— Tao có đâu mà ngập chìm trong của cải, hả Sam, mà mày thì quá rõ là tao làm đếch gì mà giàu sụ đến thế cơ chứ. Nhưng tao cũng không muốn gặp bất kỳ chuyện rắc rối nào cả. Tao sẽ cố gắng hết mình, nếu lần này mày hứa uy tín sẽ không đòi hỏi thêm bất kỳ món tiền lớn nào nữa, vì thu nhập của tao sẽ không tài nào gồng nổi đâu.

Gooch hỉ hả đồng ý.

— Ồi chà, được rồi, tao hứa. Mày đưa tao ngay năm ngàn đô đi.

Ông Spiller bật kêu lên một cách ảm ức.

— Năm ngàn đô? Mày nghĩ sao mà cho là tao có ngay một lúc năm ngàn đô được chứ? Đừng có ngốc vậy chứ Sam. Tao sẽ đưa cho mày một tấm séc năm trăm đô.

Gooch vẫn khẳng khẳng.

— Năm ngàn đô hay mày muốn ông mày nổi nóng lên.

Spiller vẫn thoái thác.

— Nhưng tao biết đào đâu ra bây giờ chứ?

Gooch vẫn khẳng khẳng.

— Rồi sau đó mày làm quái gì mà chẳng kiếm chác còn khảm hơn thế nữa đấy chứ.

— Thế mày cho là tao moi móc toàn bộ số bạc ấy bằng cách nào?

— Đó là chuyện của mày. Mày đâu có bắt buộc phải hoang đàng vì những cái quái quỷ như vậy đâu. Thay vì xài khâm tiền cho cái giếng phun và đồ đạc, lẽ ra mày phải chi cho tao số tiền đó mới phải đạo chứ. Bây giờ không thể giở trò phản phé được đâu, ngài 4132 kính mến ạ. Tao mới là xếp đây này, còn mày thì phải phục vụ cho cấp trên, nhóc ạ, nếu mày mà không lo lắng tử tế cho tao. Hãy liệu hồn đấy?

Ông Spiller quá rõ về điều này. Ông thấy, dĩ nhiên như đã từng thấy, là cái thằng bạn Gooch này đang bắt chẹt mình, ông lại phải phân trần một cách yếu ớt cho hắn thấy, còn Gooch chỉ đáp lại bằng một tiếng cười và một câu ám chỉ đến bà Digby một cách xác xược.

Ông Spiller không hề ý thức được là mình đã đánh một cú thật mạnh. Ông hầu như khó mà nhận ra là mình đã ra tay hạ thủ. Ông nghĩ rằng mình đã ra đòn và Gooch đã né tránh và bất ngờ bị vấp vào chân bàn. Tuy nhiên đầu óc ông vẫn còn hết sức mơ hồ về mọi chuyện đã xảy ra, ngoại trừ một điểm. Gooch đã chết.

Ông đã không đến nỗi phải ngất đi; không quá sững sờ. Hắn đã chết. Ất là do hắn đã bị va vào cái gờ bằng đồng ở cạnh bàn khi ngã xuống. Không thấy máu chảy, tuy nhiên ông Spiller vẫn bồn chồn dùng các ngón tay sờ soạng tìm kiếm trên cái đầu đã trở trở bất động, và đã tìm thấy một điểm trên thái dương mà phần xương chỗ đó do bị va đập mạnh đã bị lõm vào như một vỏ trứng bị nứt. Tiếng thân người bị té hắn là phải khủng khiếp như tiếng sấm vậy. Quỳ trên sàn phòng đọc sách, ông Spiller đang chờ đợi tiếng la hét và tiếng chân chạy rầm rầm từ trên lầu đổ xuống.

Vẫn không thấy chuyện gì xảy ra cả. Khó khăn lắm - vì đầu óc dường như chỉ còn hoạt động một cách thờ ơ và chậm chạp - ông mới nhớ ra rằng khoảng lầu bên trên thư viện chỉ là một phòng vẽ thật dài, còn chính xác ngay bên trên nó là một căn phòng bỏ trống và mấy cái phòng tắm. Không một phòng ngủ có người ở nào lại quay về mặt này của ngôi nhà cả.

Một tiếng động rào rào, chói tai, chậm chạp cất lên khiến ông sững sờ. Ông đảo mắt thật nhanh khắp phòng. Thì ra cái đồng hồ cổ lỗ từ thời ông bà để lại đã nghiêng rào rào khi cây búa điểm giờ đang gõ để điểm mười một giờ. Ông giơ tay quệt những giọt mồ hôi trước trán, đứng lên rồi đi rót cho mình một ly rượu brandy khác mạnh hơn nữa.

Rượu làm ông tỉnh táo hơn. Dường như nó đã nhả thẳng cho tâm trí ông hoạt động trở lại, làm tăng thêm năng lực cho những chiếc bánh xe. Đầu óc ông thật thông suốt thay vì hỗn độn như trước đó.

Ông đã giết Gooch. Ông đã không cố ý làm vậy, nhưng thực sự là ông đã làm điều đó. Đối với ông thì đó đâu phải là một vụ sát nhân, tuy nhiên sẽ không một mảy may nghi ngờ nào, dù cho là nhỏ nhất nhất đi nữa mà cảnh sát lại không nghĩ đến được cơ chứ. Và ngay lập tức ông sẽ bị rơi vào tay cảnh sát - ông Spiller bỗng rùng mình. Và hầu như chắc chắn trăm phần trăm là họ sẽ lấy dấu vân tay, và sẽ rất ngạc nhiên khi nhận ra cả một băng bạn cũ.

Viên quản gia đã nghe ông nói là đang đợi Gooch mà. Viên quản gia này biết rằng mọi người khác đã đi ngủ cả rồi. Chắc chắn là anh ta sẽ đoán biết được điều gì đó cũng nên. Nhưng thôi đi nào!

Liệu tay quản gia có chứng minh được là chính mình đã đi ngủ rồi chẳng? Được chứ, có lẽ anh ta có thể chứng minh được điều đó. Có ai đó sẽ nghe được tiếng bước chân của anh ta đi băng qua sân và nhìn thấy ngọn đèn được bật sáng ngoài gara. Người ta sẽ không thể nghi ngờ gì tay quản gia này được - ngoài ra, nhân vật này hầu như chẳng có lý do gì để làm chuyện đó cả. Tuy nhiên chỉ một ý nghĩ ấy thôi cũng khiến cho bộ não của Spiller bắt đầu nảy sinh ra một loạt những ý tưởng mới và đầy hấp dẫn.

Những gì ông ta muốn là một bằng chứng ngoại phạm. Giả như ông ta có thể đánh lộn được cảnh sát về thời gian mà Gooch đã chết. Giả như Gooch có thể được ngụy tạo như vẫn còn sống cho dù... là đã chết rồi...

Ông đã nhớ lại những ý tưởng này từ những câu chuyện xử lý về chính vấn đề này mà ông đã đọc vào những ngày nghỉ. Bạn sẽ mặc quần áo của người chết rồi giả làm hắn ta. Bạn sẽ gọi điện bằng cách tự xưng danh của hắn ta. Để cho viên quản gia

nghe được, bạn nói với người chết như thể hắn ta còn đang sống vậy. Bạn chỉ cần thu bằng tiếng nói của hắn ta rồi mở nó lên. Bạn giấu cái xác đi rồi sau đó gửi đến một lá thư mạo danh từ một nơi thật xa.

Ông ngừng lại một lúc. Giả mạo à - nhưng ông lại không muốn bắt đầu lại cái trò lừa bịp cũ. Ngoài ra toàn bộ những điều này lại quá công phu, vả lại cũng không thể áp dụng ngay trong đêm nay được.

Và sau đó ông mới chợt nhận ra là mình điên thật. Không được cho Gooch sống tiếp sau khi đã chết, mà phải cho hắn chết sớm hơn mới đúng. Nên cho hắn chết trước 10 giờ 30, lúc mà ông Spiller còn đang đánh bài, dưới mắt của ba nhân chứng.

Nói chung, cho đến lúc này thì ý tưởng đó nghe ra thật hợp lý và thậm chí còn là tất yếu nữa. Nhưng bây giờ mới là lúc cần đi vào chi tiết đây. Ông sẽ phải tạo dựng lại thời gian như thế nào? Liệu đã có bất kỳ điều gì đó xảy ra vào lúc 10 giờ 30 chẳng?

Ông tự pha cho mình một ly rượu khác, rồi thật bất ngờ, như thể được soi rọi bằng một chiếc đèn pha, ông nhìn thấy toàn bộ kế hoạch, thật sinh động, hoàn chỉnh, với mọi tình tiết chuyển đoạn và góc ngách cứ hiện ra mồn một trước mắt.

Ông liếc nhìn đồng hồ; các cây kim đang nằm ở vị trí mười một giờ hai mươi. Ông còn cả một đêm dài trước mặt.

Ông lấy chiếc đèn pin ở hành lang rồi mạnh dạn leo ra ngoài qua ngả cửa sổ theo kiểu Pháp. Áp sát tường ngay gần cửa sổ này là hai cái van khóa nước, một cái chạy đến một cái vòi nước dùng cho đường ống tưới cây, còn cái kia để điều khiển suối phun ở cuối vườn. Và sau đó ông ta mở van khóa nước của suối phun, để làm giảm tiếng bước chân của mình, rồi theo lối đi lát bằng những viên đá không đều nhau xuống đến bờ giậu tử đinh hương, và cái vòng tròn được tạo tác bằng những bụi cây bêri. Bầu trời rất đẹp lúc hoàng hôn thì đến lúc này đã tối đen như mực, khiến ông hầu như không thấy nổi cái cột nước cao lơ lơ ở bên trên đám bụi cây đen kịt, tuy nhiên ông vẫn nghe thấy

tiếng nước phun róc rách nghe thật sáng khoái tinh thần, và bước chân lên thám cổ bao quanh ông cảm nhận được những giọt nước phun bay lấm tấm trên mặt mình. Ánh đèn pin soi rõ cho ông thấy được cái chỗ ngồi trong vườn ở bên dưới rặng thủy tùng, rồi cái khay, như đã dự kiến từ trước đang đặt trên đó. Ly rượu Whisky cổ thon còn lại một nửa. Ông đổ phần lớn số rượu còn lại này vào bể chứa nước, cẩn thận bọc cổ ly rượu bằng chiếc khăn tay để tránh để lại dấu vân tay. Sau đó trở lại phía cụm tử đinh hương phía bên kia, ông cảm thấy hài lòng là từ phía vườn hay ngôi nhà đã không thể trông thấy được những dòng nước phun.

Phần việc kế tiếp mà ông không hề phải lo lắng nhiều. Thật nguy hiểm; có thể có ai đó nghe được; thực ra, ông muốn có ai đó nghe được nếu cần - tuy nhiên quả là cũng dễ rủi ro thật đấy. Ông liếm cặp môi khô của mình rồi cất tiếng gọi tên người đã chết:

— Gooch ơi! Gooch!

Không có tiếng trả lời, ngoài tiếng xì xèo của suối phun, cứ vọng đến tai ông rào rào đến độ dị thường trong bầu không khí tĩnh lặng. Ông liếc nhìn chung quanh, tưởng chừng như cái xác đang từ trong màn đêm sẫm sẫm tiến về phía ông trông thật khủng khiếp, cái đầu lủng lẳng cùng với cái miệng đen ngòm mở ngoác ra để lộ hai hàm răng trắng nhợt. Sau khi đã định thần lại, ông vội vã bước trở lại con đường và khi về đến nhà, ông lại nghe ngóng. Không một chút động tịnh gì, không một tiếng động nào ngoài tiếng tíc tắc của chiếc đồng hồ. Ông khẽ đóng cửa phòng đọc sách lại. Thế là tuyệt không còn nghe chút tiếng động nào nữa.

Có một đôi ủng cao su trong phòng chứa đồ ở gần cái tủ đựng chén đĩa. Ông mang đôi ủng vào rồi lại rón rén trèo ra ngoài lần nữa qua cái cửa sổ theo kiểu Pháp; sau đó đi men theo tường nhà ra sân nhỏ. Ông liếc nhìn về phía gara; không có ánh đèn ở tầng trên và ông thở phào nhẹ nhõm, vì đôi khi gã quản

lý cũng hay thao thức về đêm. Mò mẫm tìm đến một căn nhà ngoài, ông mở đèn pin lên. Vợ ông đã bị liệt vài năm trước khi qua đời, và ông đã mang theo chiếc xe lăn đến ngôi biệt thự “Hoan lạc” này, vì còn chút tình cảm quyến luyến vẫn cứ mơ hồ vương vấn trong tâm trí mà ông đã không đành lòng bán nó đi. Đến lúc này ông đã thâm cảm ơn về điều đó; và cũng thâm cảm ơn là bà ta đã mua nó từ một nhà sản xuất lành nghề khiến nó cứ thế chạy phom phom êm ả trên hai cái bánh bơm hơi. Ông tìm chiếc bơm xe đạp rồi bơm căng hai chiếc vỏ xe, cẩn thận hơn, ông còn tra chút dầu vào vài chỗ trên xe nữa. Sau đó hết sức cẩn thận, ông đẩy chiếc xe vòng đến bên cửa sổ của phòng đọc sách. Thật may là ông đã lót đá ở khắp nơi, nên không ai có thể trông thấy được vết bánh xe.

Công việc đem cái xác qua cửa sổ và đặt nó vào chiếc xe đẩy quả là vượt quá khả năng của ông ta. Gooch là người to béo, so với bản thân ông, một con người vốn chẳng siêng năng rèn luyện thân thể. Nhưng rồi cuối cùng mọi chuyện cũng xong. Để chống lại cái ý nghĩ cứ muốn ù chạy, ông đã cố đẩy xe cùng với cái xác thật nhẹ và thật đều theo con đường có lát đá. Mặc dù không trông rõ đường đi lắm, nhưng ông cũng ngại chuyện nhá đèn pin quá thường xuyên. Việc đẩy xe rời khỏi con đường lát đá để đi lên bờ có mới thật nguy hiểm; ông cố cẩn răng và chăm chăm nhìn phía trước mặt. Ông có cảm tưởng nếu như mình mà ngoái cổ nhìn về phía ngôi nhà thì sẽ thấy ngay những khuôn mặt trắng xóa đang chen chúc nhau trên những vuông cửa sổ ở tầng trên mà nhìn trùng trùng vào mình. Hầu như đã không chống lại được cái ý muốn phải quay đầu lại nhìn, tuy nhiên ông đã nhất quyết là sẽ không chịu làm vậy.

Hồi lâu sau ông mới đi đến khúc quanh được tạo tác bằng những cụm tử đinh hương mà qua khỏi đó ông sẽ không còn nhìn thấy ngôi nhà nữa. Mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt và rồi ông vẫn còn phải làm nốt phần việc gian nan nhất trong công việc này của mình. Nếu nản lòng thối chí, hẳn là ông đã chuyển

đại cái xác lên bãi cỏ rồi. Không được để lại dấu bánh xe hay dấu giày hoặc dấu kéo lê mà cảnh sát có thể phát hiện được. Ông phải cố gắng hết sức mình.

Mọi chuyện đã xong. Xác của Gooch nằm bên suối phun, vết dập trên thái dương được cẩn thận đặt cho khớp với bờ đá bên của hồ nước, một bàn tay thông xuống nước, chân tay được sắp xếp sao cho ở vị trí tự nhiên nhất, có vẻ như nạn nhân này đã bước đi loạng choạng rồi bị ngã. Từ đầu đến chân của cái xác nằm ngay bên dưới tầm của những giọt nước của suối phun đang run rẩy uốn cong theo ngọn gió đêm. Spiller ngắm nhìn công trình của mình và thấy rằng kể ra như vậy là đã được rồi. Chuyến trở về với chiếc xe nhẹ tênh qua thật dễ dàng. Khi đã trả chiếc xe vào căn nhà chứa đồ và lại trở vào nhà qua ngả cửa sổ lần cuối cùng, ông cảm thấy như thể gánh nặng của bao năm tháng đã được cất khỏi lưng của mình.

Cái lưng của mình! Ông đã nhớ cởi chiếc áo smoking ra trong khi cúi khom lưng dưới những giọt nước của suối phun, nên chỉ có chiếc áo sơ mi bị ướt thôi. Chiếc áo đó ông có thể bỏ vào giỏ đựng quần áo, tuy nhiên còn cái đũng quần ướt đã khiến ông phải khó chịu. Ông phải tự mình lau lấy bằng chiếc khăn tay. Sau đó ông mới thầm tính toán. Ông nghĩ, giả như ông cho suối phun trong khoảng một giờ thì sẽ đạt hiệu quả mong muốn. Để kìm chế sự bồn chồn đang nung nấu tâm can, ông ngồi xuống rồi tự pha cho mình một ly rượu brandy.

Vào lúc một giờ, ông đã đứng dậy đi tắt nước suối phun, đóng sập cửa sổ phòng đọc sách bằng một tiếng động và một lực kéo thật bình thường y như mọi ngày, rồi đi lên phòng ngủ bằng những bước chân thật vững vàng.

Trước sự vui thích của ông Spiller, ông thám tử Frampton quả là một nhân viên rất thông minh. Ông chọn lọc các manh mối được cung cấp cho mình với sự nhiệt tình của một nhân viên điều tra địa phương lành nghề. Người chết đã được viên quản gia trông thấy lần cuối cùng sau bữa ăn chiều vào đúng 8

giờ 30. Sau đó, số người còn lại đã cùng nhau đánh bài cho đến 10 giờ 30. Tiếp theo ông Spiller đã ra ngoài cùng với bà Digby. Ngay sau khi ông ta đi khỏi, viên quản lý đã tắt suối phun. Ông Proudfoot đã ra về lúc 10 giờ 40 và sau đó cô Spiller và các nữ gia nhân đã đi ngủ. Ông Spiller đã trở về nhà lúc 10 giờ 45 hay 10 giờ 50, và đã hỏi về ông Gooch. Sau việc hỏi thăm này, viên quản gia đã đi về phía gara và để cho ông Spiller khóa cửa nhà. Kế đó ông Spiller đã đi xuống vườn để tìm ông Gooch. Ông đã không đi quá bờ giậu tử đinh hương, và đã đứng đó gọi ông Gooch nhưng không nghe thấy tiếng trả lời, nên đã cho rằng ông khách của mình đã vào nhà và đi ngủ rồi. Cô hầu gái cho rằng mình đã nghe thấy tiếng ông chủ gọi tên ông Gooch. Cô cho là việc này đã xảy ra vào khoảng mười một giờ rưỡi - chắc hẳn là không muộn hơn. Sau đó ông Spiller đã ngồi đọc sách cho đến một giờ, rồi đi đóng cửa sổ và đi ngủ.

Cái xác khi được người làm vườn phát hiện vào lúc 6 giờ 30 sáng vẫn còn đang ướt vì nước, của suối phun, và cả đám cỏ bên dưới cũng còn ướt sũng. Vì suối phun đã được tắt từ 10 giờ 30, nên điều này có nghĩa là ông Gooch ắt là đã nằm đó một thời gian khá lâu trước khi suối phun được tắt. Xem xét lượng lớn rượu whisky mà ông ta đã uống, có lẽ dường như ông đã bị một cơn đau tim, hoặc là đã loạn choạng trong cơn say và bị ngã, đập đầu vào cạnh hồ. Toàn bộ những khía cạnh này đã xác định thời gian xảy ra cái chết là từ 9 giờ 30 đến 10 giờ - một ý kiến mà vị bác sĩ đã đồng ý, mặc dầu riêng ông lại có khuynh hướng cho là cái chết đã xảy ra trong khoảng một tiếng, và nhân viên điều tra về những cái chết bất thường đã ký vào án văn cho rằng đây là một cái chết vì tai nạn.

Chỉ có người nào đã từng là nạn nhân, đã phải bất lực cam chịu sự hăm dọa bao năm trường mới có thể hiểu thấu được tâm trạng của ông Spiller. Không hề có sự hối hận ăn năn ở đây - mà chỉ có cảm giác hết sức lâng lâng nhẹ nhõm. Loại bỏ được những phiền nhiễu hằng ngày do sự hiện diện của Gooch, do

nhu cầu tiền bạc không giới hạn, do sự đe dọa triển miên từ cái ác ôn của tật nghiện rượu của lão ta - thì những ân huệ này kể ra cũng xứng đáng để được trả giá bằng một vụ sát nhân đấy chứ. Và khi ngồi trầm ngâm trên chiếc ghế ngồi mộc mạc bên suối phun, ông Spiller vẫn khẳng khẳng tự cho rằng thực ra đó không phải là một vụ sát nhân. Ông nhất quyết sẽ ghé nhà bà Digby ngay chiều hôm đó. Ông có thể xin cưới bà ta ngay bây giờ mà không còn nỗi lo sợ về tương lai vẫn luôn ám ảnh như trước đây nữa. Mùi tử đinh hương đang làm ông say đắm.

Viên quản lý mở lời:

— Xin lỗi, thưa ông.

Đang đắm chiêu nhìn cột nước phun, ông Spiller đã phải quay lại nhìn người quản gia đang cung kính đứng cạnh với ánh mắt dò hỏi.

— Thưa ông, nếu ông không phiền, thì tôi xin được đổi phòng ngủ ạ. Tôi muốn được ngủ ở trong nhà ạ.

Ông Spiller ngạc nhiên hỏi:

— Ồ? Sao thế, ông quản?

— Thưa ông, tôi bị khó ngủ từ thời chiến tranh đến giờ, vả lại cái chong chóng gió cứ quay kéo kệt làm tôi càng thêm khó ngủ.

— Thế nó kêu à?

— Dạ đúng vậy, thưa ông. Vào cái đêm ông Gooch gặp tai nạn bất hạnh đó, thưa ông, gió đã đổi chiều vào lúc mười một giờ mười lăm. Thưa ông, tiếng cọt kẹt đã khiến tôi phải thức giấc và nó đã làm phiền tôi ghê gớm lắm.

Một cảm giác lạnh lẽo bỗng làm bao tử ông nhói mạnh một cái. Cặp mắt của gã gia nhân vào lúc ấy bỗng gợi cho ông nhớ đến Gooch. Gã này từ trước đến giờ chưa từng bao giờ báo cho ông một điều gì tương tự như vậy.

— Thưa ông, thật kỳ quặc, tôi xin mạn phép nói rằng, với việc gió đổi chiều vào lúc 11 giờ 15, thì cái xác của ông Gooch bị suối phun tưới ướt sũng là đúng rồi. Trước

11 giờ 15 thì ngọn nước phun lại đang ngả về phía khác, thưa ông. Còn hiện trường lại cho thấy như thể cái xác đã được đặt ở vị trí đó sau 11 giờ 15, thưa ông, còn suối phun thì lại được mở cho chạy thêm một lần nữa.

Ông Spiller đáp:

— Lạ thật đấy chứ.

Ở bên kia bờ giậu tử đinh hương, ông nghe thấy tiếng của Betty và Ronald Proudfoot đang vừa nói chuyện vừa đi đi lại lại giữa các bờ cỏ. Dường như họ đang hạnh phúc khi được ở bên nhau. Lúc này đây khi Gooch đã ra đi, cả nhà bỗng như vui vẻ hẳn lên.

— Thưa ông, đương nhiên là lạ thật đấy chứ. Tôi xin được phép nói thêm rằng, sau khi nghe nhận xét của ông thám tử xong, tôi đã cẩn thận sấy khô cái quần dự tiệc của ông để trong tủ quần áo ở nhà tắm rồi ạ.

Ông Spiller đáp:

—Ồ, thế thì được rồi.

— Thưa ông, dĩ nhiên tôi sẽ không hề nói gì về chuyện thay đổi hướng gió với nhà chức trách đâu ạ, và bây giờ cuộc điều tra đã xong rồi, có thể là sẽ chẳng còn ai bị điều tra xét hỏi gì nữa đâu ạ, trừ khi họ vẫn còn quan tâm đến nó. Thưa ông, tôi thiện nghĩ rằng, trong khi mọi chuyện còn đang được xem xét, ông có thấy là tôi đáng được giữ lại để mãi mãi phục vụ cho ông được không ạ - liệu là chúng ta có nên bắt đầu bằng cách nói về chuyện tăng gấp đôi số lương của tôi không nhỉ?

Ông Spiller mở miệng định nói: “Đồ chó má”. Nhưng không tài nào thốt ra được lời nào cả. Ông gật đầu.

Gã quản lý nói:

— Xin đội ơn ông ạ. - Rồi lặng lẽ quay gót.

Ông Spiller lặng ngắm cái suối phun, với cột nước cao ngất đang đu đưa, ngả ngón theo chiều gió.

Ông bất giác lầm bầm:

— Tài thật, và quả thực nó chạy được mà chả phải tốn kém gì

cả. Chỉ có từng ấy nước thôi, mà cứ xài đi xài lại mãi.

CON SỐ 3 MAY MẮN

Margery Allingham

Vào lúc năm giờ một buổi chiều tháng chín, Ronald Torbay đang chuẩn bị vụ sát nhân thứ ba của y. Y rất cảnh giác, tự ép mình phải tiến hành mọi việc thật chậm chạp vì y là một con người hoàn toàn bình thường và ý thức rất rõ những nguy hiểm của sự bất cẩn.

Chuyện sát nhân mà một kẻ luôn đeo đuổi thì đầy rẫy những rủi ro bất trắc. Mẫu thông tin đó luôn hằn lên trong tâm trí của y như một hiện thực ngay khi y đọc được nó trong một bài viết trên một tạp chí trên đường trở về nhà trước cuộc hôn nhân đầu tiên của y.

Y cũng nhận thức được rằng chuyện thành công hay không còn phải tùy vào đầu óc của con người, do đó y thủ rất kỹ. Y dám chắc rằng mình cực kỳ khôn lanh hơn phần lớn đám bàn dân thiên hạ nhưng y đã không chỉ trụ lại ở mức độ đó và ngay khi cảm thấy niềm hứng khởi xưa cũ về năng lực đang trào dâng trong tâm trí của mình, y đã phải cương quyết dẹp bỏ ngay.

Y ngừng lại một lúc, dựa người trên mép bồn tắm, trầm ngâm ngắm hình ảnh mình trên tấm kiếng dùng để cạo râu trong phòng tắm của ngôi biệt thự mà y mới thuê gần đây.

Khuôn mặt mà y đang ngắm nhìn kia đang ở độ tuổi trung niên, trông gầy guộc và xanh xao. Mái tóc xạm màu thưa thớt nằm bên trên cái trán cao hẹp còn đôi mắt mang màu xanh lục với hình dáng thanh tú nổi bật trên khuôn mặt. Chỉ có cái miệng quả thực là bất thường. Cái miệng gần như một đường thẳng, mỏng lét gần như không có môi vậy, và bất giác, y nhếch môi như thể đang mỉm cười. Ngay cả chính y cũng không ưa nổi cái miệng của mình nữa là.

Một tiếng động ở nhà bếp nằm ở tầng dưới khiến y giật mình và vội nhồm thẳng lưng lên. Nếu Edyth đã ủ đồ xong thì cô ả sẽ chạy lên đây để thực hiện cái việc tắm bồn thật lâu lắc như đã bàn tính trước khi y kịp chuẩn bị cho ả và thế là ý đồ sẽ chẳng bao giờ thực hiện được nữa. Y nín thở chờ đợi, nhưng không sao cả: cô ả đã ra khỏi nhà bằng ngả cửa sau rồi. Y đến bên cửa sổ để vừa kịp thấy cô nàng mới biến mất ở sau nhà để đi vào cái sân nhỏ vuông vức giống hệt như tất cả mọi cái sân vuông khác trong cái đường phố ngoại ô dài dặc này. Y biết là cô ả đang đi hóng gió cho mớ quần áo vừa mới ủ xong và dẫu rằng chuyện này đã giúp y có thêm được thời gian cần thiết, nhưng sao y vẫn cảm thấy khó chịu làm sao đâu.

Cho đến bây giờ trong số ba người phụ nữ trung niên chân chất mà y trước hết đã thuyết phục họ lấy mình rồi sau đó là viết di chúc để lại cho y cái mớ tài sản khiêm nhường của họ, thì cái ả Edyth này có vẻ là dễ gây ra những phiền toái nhất. Trong khoảng thời gian sáu tuần của cuộc hôn nhân này, thế mà y đã phải nhắc chừng ả không được vào cái sân đó quá lâu đến cả chục lần rồi. Tính tình cô ả hay e thẹn và giữ kẽ thế mà bây giờ lại có cái đám người mới dọn đến ở nhà kế bên kia mang theo mối hiểm họa về một con mụ đàn bà quá ư thân mật nào đó đang bắt đầu làm quen với cô ả và lần này quả là hết chịu nổi về mối quan hệ này rồi.

Mỗi người vợ trước đây của y cũng đều hay cả thẹn. Y đã phải kén chọn đúng cái tốp người như vậy và cảm thấy là thành công của mình phần lớn đều dựa vào yếu tố này. Mary, cô vợ đầu tiên của y, đã bị một “tai nạn” chết người khá bất ngờ trong ngôi nhà gỗ một tầng cất trên một lô đất thổ cư giống y như căn nhà hiện tại mà y đã chọn này, chỉ có điều là nó ở miền bắc chứ không phải ở miền nam nước Anh như căn nhà sau này. Vào lúc tai nạn xảy ra, nhân viên điều tra cái chết bất thường đã được vội vã phái tới, cảnh sát rất dễ mến nhưng lại bận rộn còn hàng xóm lại ít khi chõ mũi vào chuyện người khác ngoại trừ

chuyện có liên quan đến mình mà thôi, thì lúc ấy một tay phóng viên xoàng xĩnh của một tờ báo địa phương đã viết một bài thật màu mè về cái bi kịch kề cận với niềm vui đó. Bài báo đã được đăng kèm với một tấm hình đám cưới được bấm vội và được chạy hàng tít theo phong cách ngắn gọn của miền nam “Tai Nạn Tuần Trăng Mật”.

Chuyến tham quan ngắn ngủi và rút đi cũng thật lẹ ra khỏi cuộc đời y của Dorothy và chính cô nàng này cũng gây chút ít phiền nhiễu cho y nhưng chẳng đáng kể gì. Cô nàng đã lừa gạt y khi bảo rằng mình hoàn toàn đơn thân một mình trên cõi đời này và sau đó thẳng em kỳ đà của cô nàng đã bôi tung mọi chuyện lên sau đám tang để vụng về tra hỏi về cái khoản tài sản nhỏ nhoi của cô nàng. Lẽ ra chuyện này đã gây rắc rối lớn cho y nếu y đã không tỏ thái độ cứng rắn với hấn. Sau đó là một vụ kiện ngắn ngủi mà Ronald đã thắng một cách ngon xơi và món tiền bảo hiểm đã được chi trả vào tay y mà không hề nghe ì xèo gì nữa.

Toàn bộ những chuyện này đã xảy ra cách nay bốn năm. Giờ đây, với một cái tên mới, một lý lịch vừa được sáng tác tinh khôi cùng với mảnh đất dụng võ mà hấn chưa hề bước chân đến bao giờ, y cảm thấy thật hết sức an toàn.

Ngay từ phút đầu mới nhìn thấy Edyth, đang ngồi cô đơn tại một cái bàn nhỏ bên dưới cửa sổ phòng khách của một khách sạn ven biển, y đã biết cô nàng sẽ là đối tượng kế tiếp của mình. Lúc nào y cũng nghĩ những cô vợ của mình chỉ là “những đối tượng” mà thôi. Y đưa họ vào những kế hoạch sắc mùi nguy khoa học mà y lấy làm tự đắc lắm.

Edyth ngồi đó với dáng vẻ dờ dẩn, khép nép mà lại vừa mang chút gì đó nghiêm chỉnh, nhưng khuôn mặt lại có vẻ rụt rè đầy bí ẩn, cặp mắt cận thị lộ vẻ bất mãn, một điều gì đó nửa như hoảng sợ và có lúc, khi anh chàng phục vụ nói đùa một câu gì đó khiến cô nàng phái bối rối đỏ bừng mặt và cứ ngượng ngập mãi vì chuyện đó. Cô nàng còn đeo một chiếc trâm với mặt

bằng kim cương thứ thiệt. Ronald đã nhận ra nó ngay khi vừa đi vào phòng. Y rất sành về đá quý mà.

Tối đó trong phòng đợi của khách sạn y đã nói với cô nàng, đã vượt qua được cái vẻ lạnh nhạt ban đầu, cố gắng tấn công thêm chút nữa và cuối cùng cũng khiến cho cô nàng phải mở miệng nói chuyện. Sau đó mối quan hệ đã phát triển dần lên đúng hệt như điều y đã dự kiến. Y đã tán tỉnh cô nàng theo những “e” cổ điển và rất ư là lãng mạn, thế là chỉ trong vòng một tuần thôi, cô nàng đã say mê y như điên đảo.

Theo quan điểm của Ronald thì lý lịch của cô nàng quả là ngon lành, còn hơn cả mong ước của hắn. Sau khi dạy học cho một trường nội trú nữ trong suốt những năm hai mươi của mình cô đã được gọi về nhà để hy sinh cả một đời chăm sóc cho ông bố bệnh tật kinh niên. Giờ đây ở tuổi bốn ba cô đành chịu cảnh cô đơn, tương đối khá giả và cuộc đời cứ trôi lênh đênh như con thuyền không bến.

Ronald đã cưng chiều cô nàng như thể đang nâng trứng húng hoa. Y hết lòng chăm sóc cho cô nàng và chính xác là năm ngày sau kể từ ngày gặp gỡ nhau lần đầu, y đã cưới nàng ngay tại phòng hộ tịch của thành phố mà cả hai đều là những kẻ từ xa mới đến. Cũng ngay chiều hôm đó mỗi người đã làm di chúc để lại gia sản cho người kia rồi dọn về ngôi biệt thự mà có thể y đã mượn với giá rẻ mạt vì đang ở cuối mùa lễ nghỉ.

Đó chính là cuộc chinh phục ngon xơi nhất mà y từng đạt được từ trước đến giờ. Mary hay buồn rầu ủ rũ và mắc chứng tâm cuồng, Dorothy thì hay ghen lại đa nghi trong khi Edyth lại tỏ ra vui vẻ đến bất ngờ, và vì ngốc nghếch mà không nhận ra rằng một gã đàn ông thật khó mà yêu được nàng bằng tình yêu lãng mạn ngay từ phút đầu gặp gỡ, nhưng vì cô nàng thuộc vào tốp người đa cảm. Ronald đã hiu hiu tự đắc cho rằng bất kỳ thằng đàn ông nào cũng có thể mắc phải cái sai lầm chết người là ngoảnh mặt làm ngơ trước cô nàng, nhưng y nhủ thầm, mình mới là “cao tay” hơn hết, và rồi đã bắt đầu lập kế hoạch

cho những gì y đã mô tả thật dứt khoát trong tâm trí mình là “tương lai của nàng”.

Có hai điều đã góp phần vào việc khai tử sớm hơn cho cô ả so với ý đồ ban đầu của y. Một là sự giữ kẽ đến độ bướng bỉnh về những chuyện tiền bạc của ả, còn chuyện kia là việc hay chõ mũi đầy phiền nhiễu của ả vào công việc của y.

Trên hôn thú Ronald đã tự khai là một nhà kinh doanh và đã kể cho cô nàng rằng y là một đối tác đàn em của một hãng mỹ phẩm gồm nhiều nhà sản xuất đã cho hần được hưởng một kỳ nghỉ rất ư hậu hĩnh. Edyth tin ngay lời hần nói mà không hề thắc mắc gì cả, nhưng gần như ngay tức thời cô nàng đã bắt đầu dự tính đi tham quan văn phòng và phân xưởng của y, và cứ lải nhải mãi về những bộ trang phục mới mà cô nàng bắt buộc phải mua để đừng làm y “mất mặt”. Đồng thời cô nàng cứ khư khư khóa chặt các giấy tờ làm ăn của mình trong một túi đựng giấy tờ đã cũ và nhất định không hé môi về những thứ này cho dù y đã thận trọng nêu vấn đề này ra với cô nàng. Ronald đã không thêm nổi dóa với cô nàng nữa mà quyết định phải ra tay.

Y rời cửa sổ quay lại chỗ bồn tắm, cẩn thận cởi áo vét ra rồi bắt đầu cho mở nước bồn tắm. Tim y cứ đập thành thịch, khiến y phải nhú mày. Y không muốn chuyện này xảy ra. Y cần phải giữ cho tâm trí thật bình tĩnh.

Phòng tắm đã được sơn lại. Chính Ronald đã tự sơn lấy ngay sau khi họ dọn đến và đã gắn thêm một cái kệ nhỏ bên trên bồn tắm để làm chỗ cất giữ một hũ muối dùng để tắm mà y đã mua cùng với một bếp điện hai số kiểu cũ, rẻ tiền nhưng có màu trắng tiếp với màu tường để đừng gây sự chú ý. Bây giờ y mới chồm người tới rồi bật công tắc và đứng nhìn cho tới khi cả hai thanh ruột bếp nóng đỏ lên. Sau đó y đi ra ngoài đến chỗ đầu cầu thang, cứ mặc cho cái bếp cháy đỏ.

Hộp cầu chì khổng lồ chế toàn bộ hệ thống điện trong nhà được giấu ở dưới đáy của tủ quần áo đặt ngay trên đầu cầu thang.

Ronald cẩn thận mở cửa và để tránh lưu lại dấu vân tay y đã dùng khăn tay để tắt cầu dao chính. Bên trong phòng tắm ánh sáng đỏ rực của cái bếp điện tắt dần; hai thanh ruột bếp hầu như đã tối đen trở lại khi y vừa trở lại phòng tắm. Y nhìn chăm chăm vào cái vỏ mảnh mai của cái bếp với vẻ hài lòng rồi vẫn dùng khăn tay để nhấc cả cái bếp ra khỏi kệ và hạ nó từ từ xuống nước, bố trí cho nó nằm nghiêng với cái phích trống không xài sát với chân bếp đặc kín, hướng lên trên. Sợi dây điện mềm màu trắng được dẫn vòng qua thành sứ của bồn tắm, chạy dọc theo đường chỉ gỗ ốp chân tường, luồn dưới cửa ra vào rồi đi vào ổ cắm trên tường, ngay bên ngoài chỗ đầu cầu thang.

Mới đầu khi y vừa chạy xong đường dây cho cái bếp điện thì Edyth đã phản đối chuyện thiết trí đường dây điện lòng thông lộm thuộm này, nhưng lúc đó y đã giải thích rằng Hội đồng thành phố thật ngốc nghếch và cứ hay làm om sòm về chuyện các ổ cắm trên tường trong phòng tắm vì cho rằng nước sẽ dẫn điện thì cô nàng mới chịu nhượng bộ bằng cách để cho y chạy ngầm đường dây dẫn mềm bên dưới tấm nhựa lót sàn.

Lúc cái bếp điện nằm sờ sờ trong bồn tắm. Thì chắc chắn trông nó như thể đã ngẫu nhiên bị rớt xuống trong tư thế bất thường đó rồi, nhưng sẽ không có ma nào lại vô tâm đến mức cứ khờ khờ bước vào bồn tắm mà không trông thấy nó cả. Ronald ngừng tay, cặp mắt y tối sầm lại, cái miệng xấu xí lại càng mím chặt mỏng dính hơn bao giờ hết. Sự đơn giản đến tuyệt vời của kế hoạch chính này, thật chắc ăn, đưa đến cái chết thật nhanh và nhất là, tuyệt nhiên an toàn không hề dính dáng gì đến y khiến y khoái chí đến run cả người giống y những cảm giác từ bấy lâu nay của y. Y tắt nước bồn tắm rồi chờ đợi, nghe ngóng. Edyth đang trở về nhà. Y có thể nghe thấy tiếng cô nàng đang di chuyển một cái gì đó trên con đường đổ bê-tông bên ngoài cửa sau của ngôi nhà. Y dựa lưng vào chỗ đã treo cái áo vét rồi móc ra một cái bao nylông từ túi trong của nó. Đang đọc lại những lời hướng dẫn sử dụng ở mặt sau cái bao nylông,

bỗng nhiên một tiếng động nhẹ khiến y phải quay đầu nhìn lại và phát hoảng lên khi trông thấy chính cô ả chỉ còn cách mình khoảng mét rưỡi. Cái đầu tằm gọn của cô nàng bỗng nhiên lù lù hiện ra bên trên cái mái bằng của phòng rửa chén, bên ngoài khung cửa sổ của nhà tắm. Cô nàng đang moi những chiếc lá khô ra khỏi đường cống xả và y đoán chừng cô nàng đứng trên những bậc thang ngay bên trong cửa sau của ngôi nhà.

Y quả là hạng người gan lì chẳng biết sợ hãi là gì. Vẫn đang cầm gói nylông trên tay y nhẹ bước ra xen giữa cô nàng và cái bồn tắm rồi nói khẽ.

— Em đang làm quái gì ở đây thế cưng?

Edyth quá sửng sờ khi nghe thấy tiếng nói của y đến nỗi cô suýt trượt chân khỏi các bậc thang và đôi má gầy guộc của cô bỗng đỏ bừng lên.

— Ái dà, anh làm em giật cả mình! Em chỉ định khơi cống một chút thôi, kéo trời mà mưa ấy à, cống ngập tràn cả lên mấy bậc thang ở đằng sau nữa đấy.

— Cưng ý tứ thật đấy. - Y nói với cái giọng khá chua chát mà y biết là có thể đã xúc phạm một cách thô bạo nhất lòng tự trọng của cô nàng.

— Tuy nhiên sẽ chả có gì là ghê gớm khi em biết anh đã phải lên đây để chuẩn bị cho em tắm làm đẹp, chứ gì?

Việc nhấn mạnh vào chữ “làm đẹp” của y cũng không làm cô nàng nguôi giận. Y thấy cô nàng vẫn cứ xụ mặt.

Cô nàng nói mà không thèm nhìn y:

— Có lẽ không phải vậy đâu. Thôi anh làm ơn dẹp giùm em ba cái thứ này đi, Ronald.

Y bật nói bằng với giọng cả quyết thật mạnh bạo của cánh đàn ông.

— Không được. Tối nay anh sẽ đưa em đi chơi và muốn em trông phải thật đẹp, thật đẹp hết sức cơ. Nhanh lên, ngoan nào. Bọt nước tắm không phải cứ giữ mãi như thế được đâu với lại nó là loại mỹ phẩm xịn nên đắt tiền lắm đấy nhé. Vào phòng

ngủ mà cởi đồ, xong khoác áo ngủ rồi đi tắm ngay đi em.

— Được rồi, anh yêu.

Cô bắt đầu xuống thang ngay, trong khi y mở nước vào bồn rồi lắc cho hết gói mỹ phẩm vào bồn nước. Những hạt tinh thể trong như thủy tinh có màu lê và sức nức mùi hoa hồng bập bềnh trên sóng nước và sau đó khi y đột ngột xả cho vòi nước chạy hết mức, thì chúng tan ra thành hàng ngàn bọt nước túa ra. Trong phút chốc y e ngại là số bọt nước sẽ không đủ lấp kín mặt bồn nước, thế là y cúi xuống dùng tay để đập nước, tuy nhiên y đã quá cả lo. Đám bọt nước cứ ngày một ùn dần lên thành một khối bọt xốp thơm lừng không những đã khóa lấp hết đáy bồn tắm và bọc kín tất cả những gì chứa đựng bên trong bồn, mà còn trào ra ngoài cạnh bằng sứ của bồn, khoa lấp sợi dây điện màu trắng rồi đùn lên vách tường và tắm nhựa trái sần. Tuyệt hảo quá đi chứ.

Y lấy chiếc áo vét rồi mở cửa.

— Edyth ơi, nhanh lên đi em!

Vừa định cất tiếng gọi thì y đã thấy có nàng vừa chờ tới như thể đoán trước được lời kêu gọi của y vậy. Cô nàng đang khúm núm trong cái váy ngủ màu xanh dương bó lấy thân hình gầy nhom, còn mái tóc được bó kín trong cái nón tắm không lấy gì làm vừa vặn lắm.

Cô vừa nói vừa nhìn trừng trừng vào cái cảnh khủng khiếp đang bày ra trước mắt.

— Ôi dào, Ronald ơi! Sao mà bữa bọn khiếp thế? Eo ơi! Tràn hết cả ra sàn rồi!

Sự chần chừ của cô nàng làm y nổi đóa lên.

Y nói với giọng cáu kỉnh:

— Có gì đâu. Em cần phải vào bồn khi bọt xốp vẫn còn trong đó. Lẹ lên. Trong khi anh cũng phải đi thay đồ nữa chứ. Anh để cho em năm phút đấy. Bước vào nằm trong bồn đi. Nó sẽ làm bớt màu tái xám của da em cho mà xem.

Y đi ra ngoài rồi dừng lại nghe ngóng. Cô ả đã khóa cửa

phòng lại đúng như điều y đã dự kiến. Thói quen cả đời đó đâu dễ gì thay đổi trong phút chốc vì chuyện hôn nhân được. Y nghe thấy tiếng then cửa trượt ở phía bên trong và rón rén bước chậm chậm về phía hành lang. Y cho cô ả sáu mươi giây. Ba mươi giây để cởi quần áo còn ba mươi giây nữa để mà đồng đánh bước vào khối bọt xốp sục mùi hoa hồng đỏ.

Y đứng ngay chỗ tủ quần áo ở lối cửa vào phòng tắm la lớn:

— Em thấy sao?

Cô ả không trả lời ngay khiến y vã cả mồ hôi trán. Sau đó y mới nghe ả lên tiếng.

— Em cũng chưa biết sao nữa. Em chỉ mới vào bồn thôi. Thơm quá đi mất!

Không đợi cô ả nói dứt tiếng cuối cùng, bàn tay bọc trong chiếc khăn tay của y đã lại chạm vào cái nút bật cầu dao chính.

— Một, hai... ba.

Y đếm với giọng lạnh lùng đến ghê người rồi bật nút hạ cầu dao xuống.

Từ ổ cắm trên tường sau lưng y bỗng phát ra một tia lửa kêu đánh xoẹt một cái khi cầu chì được nối rồi im hẳn.

Bầu không khí chung quanh Ronald tĩnh lặng đến độ y có thể nghe thấy tiếng nhịp tim đang đập trong cơ thể mình, tiếng tíc tắc văng vẳng của chiếc đồng hồ treo ở bên dưới cầu thang, tiếng rè rè buồn thảm của con ruồi bị giam trong ô kính cửa sổ, tiếng o o của chiếc máy cắt cỏ khi gã đàn ông to lớn với khuôn mặt tươi tỉnh mới dọn tới đang làm công việc xén cỏ hàng tuần cho cái bồn cỏ trong vườn nhà mình. Nhưng trong phòng tắm y tuyệt không nghe tiếng động nào cả.

Một lúc sau y rón rén đi dọc hành lang để trở lại phòng tắm rồi đập cửa.

— Edyth à?

Không. Không có tiếng trả lời, không một tiếng động, không có gì cả.

Y lại gọi thêm lần nữa.

— Edyth à?

Vẫn hoàn toàn im lặng và, một phút sau, y đứng thẳng người lên rồi thở ra một hơi thật dài và thật sâu.

Hầu như ngay lập tức, y lại bị căng thẳng đầu óc khi chuẩn bị cho bước thứ hai. Vì y biết rất rõ rằng đã đến lúc phải giở trò lừa bịp rồi đây. Việc khám phá ra cái xác hẳn là phải được thực hiện nhưng không được quá sớm. Y đã phạm sai sót trong “tai nạn” của Dorothy và quả thực đã bị viên thám tử địa phương tra vấn là tại sao y biết mà báo về tai nạn sớm như vậy, tuy nhiên y đã cố trấn tĩnh và đã thoát được cái giây phút hiểm nghèo đó trong đường tơ kẽ tóc. Lần này y đã nhất quyết là sẽ chỉ thực hiện việc đó sau một nửa tiếng nữa trước khi bắt đầu dùng búa phá cửa, rồi la lớn cho một người hàng xóm đến giúp và cuối cùng mới phá ổ khóa. Y dự tính sẽ đi lang thang ra ngoài mua một tờ báo chiều trong khoảng thời gian nửa tiếng chuyển tiếp này, kêu lớn tiếng cho Edyth biết ý định của mình tại bậc tam cấp trước nhà cho bất kỳ khách bộ hành nào cũng có thể nghe được, tuy nhiên khi đi trở lại đầu cầu thang y mới biết là cũng sẽ chẳng có thêm điều gì khác nếu làm như vậy.

Cái túi da đựng giấy tờ của Edyth mà trong đó cô đựng toàn bộ giấy tờ cá nhân được để ở dưới đáy của hộp đựng nón bằng vải bố của cô. Y mỉa mai nghĩ thầm cô ả cứ chắc mẫm rằng y đã không hề biết đến sự hiện diện của nó. Nó đã được khóa kỹ vào cái lần sau cùng mà y đã phát hiện ra chỗ cô ả giấu nó, và lúc đó y đã không dám bầy cái khóa ra vì sợ cô ả sẽ biết mà đề phòng, còn giờ đây sẽ chả còn ma nào có thể cản trở được y nữa.

Y bước nhẹ vào phòng ngủ rồi mở tủ đựng quần áo. Cái túi da vẫn nằm yên vị ở cái chỗ mà y đã thấy lần sau cùng, căng phồng và đầy hứa hẹn, và đôi bàn tay y chạm vào nó một cách trìu mến. Cái ổ khóa khó mở hơn là y tưởng, tuy nhiên loay hoay một lúc cuối cùng rồi y cũng mở được và những thứ xếp đặt thứ tự trong chiếc túi da này đã hiện ra trước mắt y. Thoạt đầu trông nó thật đáng măn nguyện, vượt hẳn những gì mà y

dự kiến. Trong đó có chứa những sấp phiếu gửi tiền tiết kiệm, một hai bao thư đầy cộm mà trên đó có các con dấu đỏ của phòng luật sư, một quyển sổ xanh quen thuộc mà bưu điện cấp cho các thân chủ gửi tiền tiết kiệm vào ngân hàng của mình.

Y mở quyển sổ tiết kiệm bằng những ngón tay run rẩy và người y cũng run lên khi lần dở từng trang. Hai ngàn bảng Anh. Số tiền đã khiến y phải buột miệng huýt lên một tiếng. Hai ngàn tám trăm năm mươi bảng. Hẳn là cô ả được trả một khoản lời cũng khảm lăm đây. Hai ngàn chín trăm bảng. Sau đó số tiền đã bị giảm vì cô ả đã rút ra một trăm bảng để sắm đồ đạc đem về nhà chồng. Hai ngàn tám trăm. Y nghĩ đó sẽ là con số sau cùng nhưng khi dở sang trang tiếp theo mới thấy rằng vẫn còn một vụ giao dịch khác nữa được ghi lại. Nó chỉ xảy ra chưa được một tuần nay. Y đã nhớ ra là quyển sổ đã được trả lại qua đường bưu điện và cô ả đã chắc mẩm rằng mình đã thật khôn lanh khi giấu được cái bao thư này. Trước hết y liếc nhìn ngay tuồng chữ và con số được viết thật cầu thả, nhưng sau đó y nhìn trùng trùng vào chúng và tim y bỗng thất lại trong nỗi kinh hoàng, cặp mắt y trở ra rồi mờ dần hẳn đi. ả đã rút hầu như toàn bộ số tiền rồi còn gì. Điều đó chẳng đã hiện ra sờ sờ bằng giấy trắng mực đen đây sao:

Ngày Bốn Tháng Chín Rút Hai Ngàn Bảy Trăm Chín Mười Tám Bảng.

Y bỗng nghĩ ngay ra rằng số tiền ắt phải còn đó chứ đi đâu, nó phải gồm các tờ một trăm bảng có lẽ được giấu ở một trong những bao thư này cũng nên. Trong lúc bộp chộp quên cả thận trọng, y vội vã xé toạc các bao thư ra. Nào là giấy tờ, thư từ, rồi các phiếu gửi tiền bị quăng bừa bãi ở trên sàn.

Một phong thư, đề gửi cho y, làm y sượng lại. Phong thư còn mới vừa được thấm khô mực, tên người nhận được viết bằng nét chữ thật rắn rỏi đến bất ngờ của Edyth. Kính gửi ông Ronald Torbay.

Y rút mạnh lá thư ra rồi vuốt lại trang thư đọc nhất này. Y

thật hết sức ngạc nhiên khi ngày tháng của bức thư lại chỉ cách nay có hai ngày.

Ronald thân mến,

Một khi nhận được bức thư này, tôi e rằng nó sẽ gây một cú sốc rất khủng khiếp cho anh. Từ lâu nay tôi vẫn mong rằng sẽ không nhất thiết phải viết lá thư này nhưng nay thái độ của anh đã bắt buộc tôi phải đối diện với một số lựa chọn không lấy gì làm dễ chịu cho lắm.

Ronald! Tôi e rằng về một vài phương diện anh còn cổ điển lắm đấy. Phải chăng anh đã không tình cờ biết rằng bất kỳ một phụ nữ trung niên chân chất nào khi được rước đi trong một đám cưới thật vội vã với một người xa lạ thì sẽ phải, trừ khi cô ta hoàn toàn ngốc nghếch, có một chút nghi ngờ và dễ bị đụng chạm về chuyện tắm rửa ư?

Chắc là anh đã quên hẳn câu chuyện về bậc tiền bối của anh là James Joseph Smith và cô dâu của ông ta rồi chứ gì.

Nói thẳng ra, tôi đã không ngờ vực gì anh cả. Từ lâu nay tôi nghĩ là tôi đã yêu anh, nhưng khi anh thuyết phục tôi làm di chúc cho anh vào ngày cưới của chúng ta tôi đã không thể không tự thắc mắc, và sau đó ngay khi anh bắt đầu làm om sòm lên về chuyện cái phòng tắm trong ngôi nhà này, thì tôi nghĩ tốt hơn cả là tôi phải làm một điều gì đó về chuyện này cho thật nhanh. Tôi cũng là một con người cổ điển đấy chứ, vì vậy tôi đã đi báo cảnh sát.

Liệu anh có thấy là những người mới dọn tới căn nhà kế bên đã chưa hề bao giờ thử nói chuyện với anh hay không? Chúng tôi cho rằng tốt nhất tôi chỉ nên nói chuyện với chị phụ nữ ở khu vườn bên kia mà thôi, và chính chị ta đã chỉ cho tôi thấy hai mẫu báo cắt từ các tờ báo cũ của tỉnh mà mỗi bài báo đều viết về những người phụ nữ đã gặp những tai nạn chết người trong bồn tắm nổi bọt ngay sau khi họ lấy chồng. Trong mỗi trường hợp đều có một tấm hình chụp vội người chồng trong đám tang trên báo. Những tấm hình chụp này không được rõ

lắm nhưng ngay khi trông thấy chúng tôi mới nhận thức được rằng chính tôi phải có bốn phận đồng ý làm theo tiến trình mà viên thám tử đã đề nghị tôi thực hiện. Ông ta đang đi tìm người đàn ông được mô tả trong hình từ ba năm nay, kể từ khi chúng được người em trai của bà vợ thứ hai của anh đem đến để cảnh báo cho ông ta.

Những gì mà tôi đang cố nói cho anh biết là: trường hợp anh bị vượt mặt tôi trong phòng tắm, thì Ronald à, ý tôi muốn nói là anh phải biết là tôi đã vượt ra ngoài bằng ngả mái nhà và tôi hiện đang mặc áo ngủ ngồi trong nhà bếp nhà kế bên. Tôi thực đã điên rồ khi lấy anh nhưng không điên rồ quá mức như anh tưởng đâu. Phụ nữ khờ khạo thật đấy nhưng không phải lúc nào cũng ngốc nghếch như vậy mãi đâu. Kể ra chúng tôi cũng sáng ý lắm đấy chứ, Ronald nhỉ.

Mến chào, Edyth

Tái bút: Khi đọc lại lá thư này tôi mới thấy rằng trong lúc bốn chồn tôi đã quên không cho anh biết là những người mới dọn đến căn nhà kế bên không phải là vợ chồng đâu đấy, mà chính là thám tử Batsford của Cục Điều tra Hình sự và người phụ tá của anh ta, nữ cảnh sát Richards. Cảnh sát đã cam đoan với tôi rằng có thể sẽ không đủ bằng cứ để buộc tội anh nếu anh không cố ý phạm tội một lần nữa. Đó là lý do tại sao tôi phải tự ép buộc bản thân mình phải dũng cảm lên để thủ diễn vai trò của mình, vì tôi rất lấy làm tiếc cho những người vợ bạc phước kia của anh đấy, Ronald ạ. Hẳn là họ cũng cảm thấy là anh cũng thật hấp dẫn như tôi vậy.

Ronald Torbay rời đôi mắt thất thần ra khỏi lá thư trong khi cái miệng mỏng dính của y đang dúm dó lại thành một hình chữ “O” méo mó trông thật khủng khiếp.

Căn nhà im lặng như tờ ngay cả khi tiếng rè rè của chiếc máy cắt cỏ trong khu vườn nhà bên cạnh đã ngừng chạy. Trong bầu không khí tĩnh lặng đó y bỗng nghe cách một tiếng khi cánh cửa sau nhà bật mở và những tiếng bước chân thành thịch đang

chạy qua hành lang rồi tiến lên cầu thang về phía y.

TAY BUÔN THUỐC VỀ HỒI HỮU

Sir Arthur Conan Doyle

Buổi sáng hôm đó Sherlock Holmes đang ở trong một tâm trạng vừa u sầu lại vừa trầm tĩnh. Chính bản tính thực tế linh lợi của ông đã đưa đến những phản ứng như vậy.

Ông hỏi:

— Ông có thấy ông ta không nhỉ?

— Ông muốn nói ông già vừa mới đi ra chứ gì?

— Đúng vậy.

— Có, tôi đã gặp ông ta ngoài cửa.

— Ông nghĩ sao về ông ta?

— Một con người suy sụp, thảm hại, vô phương chống đỡ.

— Chính xác đấy, ông Watson. Bị thảm và vô phương chống đỡ. Nhưng đâu phải suốt đời cứ mãi vậy đâu? Chẳng phải rằng câu chuyện của ông ta là một thế giới vi mô nằm trong cái tổng thể đó sao? Chúng ta tiến tới. Chúng ta nắm bắt. Rồi cuối cùng trong tay ta còn lại gì nào? Một cái bóng. Hay còn tệ hơn một cái bóng - sự thảm hại.

— Ông ta có phải là một thân chủ của ông không đấy?

— Phải, cứ cho là vậy đi. Bên Scotland Yard chuyển ông ta qua đây đấy. Y như chuyện mấy ông y sĩ đôi khi lại chuyển mấy bệnh nhân hết thuốc chữa của họ cho mấy tay lang băm vậy thôi. Họ biện luận rằng khi họ đã bó tay rồi, thì dù bệnh nhân có bị gì đi nữa thì cũng không thể tệ hơn tình trạng hiện thời của họ.

— Mà ông ta bị chuyện gì mới được chứ?

Holmes cầm một tấm danh thiếp lăm lem ở trên bàn lên.

— Josiah Amberly. Ông ta bảo mình là người hợp tác kinh doanh với hãng Brickfall và Amberly, là những hãng chuyên sản xuất nguyên liệu mỹ thuật. Ông có thể thấy được tên của họ

trên mấy thùng sơn. Ông ta đã kiếm được một khoản tiền, về hưu vào lúc sáu mốt tuổi, mua một căn nhà ở Lewisham, rồi cứ an cư ở đó trong phần đời còn lại sau khi đã quần quật làm việc gần trọn một đời. Người ta sẽ cho rằng tương lai của ông,ta kể ra cũng khá bảo đảm đấy chứ.

— Ừ, dĩ nhiên là vậy rồi.

Holmes liếc qua những dòng ghi chú mà ông viết nguệch ngoạc ở mặt sau một bao thư.

— Watson, về hưu năm 1896. Đầu năm 1897 cưới một phụ nữ trẻ hơn ông ta đến hai mươi tuổi - lại là một phụ nữ xinh xắn, nếu tấm hình chụp trung thực. Một món hời, một cô vợ, cuộc sống nhàn tản - dường như một con đường thênh thang rộng mở trước mặt ông ta. Thế mà chỉ trong vòng hai năm thôi, như anh thấy đấy, ông ta đã trở nên một kẻ tàn mạt và thảm hại với cuộc sống lầy lắt trên cỏi đời này.

— Nhưng đã xảy ra chuyện gì vậy?

— Cũng chỉ là câu chuyện xưa như trái đất ấy thôi mà ông Watson. Một tên bạn đểu cáng và một cô vợ thay lòng đổi dạ. Chuyện như vậy, Amberly chỉ có một sở thích duy nhất trên đời là đánh cờ. Ở gần nhà ông ta tại Lewisham, có một tay bác sĩ trẻ cũng là một tay mê cờ. Tôi đã ghi lại tên ông bác sĩ này là Ray Ernest. Ernest thường xuyên ở trong nhà ông ta và mối thân tình giữa ông ta và bà Amberly là chuyện đương nhiên phải xảy ra thôi, vì ông sẽ phải công nhận rằng ông thân chủ bất hạnh của chúng ta không có được cái bề ngoài hào hoa phong nhã, cho dù ông ta có thể có những đức tính tốt đẹp về tinh thần. Cặp tình nhân này đã cùng nhau bỏ đi vào tuần rồi - đến nay vẫn chưa biết đi về đâu. Ngoài ra, đôi gian phu dâm phụ còn mang theo cái hộp đựng giấy tờ của ông già làm hành trang với những tài sản mà ông ta đã dành dụm được trong gần cả một đời người. Liệu chúng ta có thể kiếm được người đàn bà này chẳng? Liệu chúng ta có thể thu hồi lại được số tiền đó chẳng? Cho đến giờ phải chăng đó chỉ là một vấn đề mới được triển

khai trên sổ tay, tuy nhiên nó lại là vấn đề sinh tử đối với Josiah Amberly.

— Vậy ông sẽ làm gì để xử lý chuyện này chứ?

— Đúng là câu hỏi phải giải quyết trước mắt đây, ông bạn Watson thân mến ạ, ông sẽ làm gì nhỉ? Nếu ông làm giúp tôi việc này thì hay biết mấy. Ông biết đấy, tôi còn đang bù đầu với vụ hai vị tộc trưởng Coptic mà hôm nay mới đến hồi gay cấn đây. Quả thực tôi không có thời gian để đi Lewisham đâu, trong khi chúng có tại hiện trường lại có giá trị đặc biệt lắm đấy. Ông lão lại cứ khẳng khẳng đòi tôi phải đi đến đó cho được, nhưng tôi đã phải giải thích những khó khăn của mình cho ta rõ. Ông ta sẽ chuẩn bị tiếp một vị đại diện của tôi đây.

Tôi trả lời: “Đương nhiên là vậy rồi”. Nhưng thú thực là tôi thấy mình không có nhiều khả năng để thực hiện công tác này, nhưng tôi sẽ cố hết sức. Và thế là vào một buổi trưa hè tôi đã lên đường đến Lewisham, với chút mơ mộng là trong vòng một tuần cái vụ án mà tôi tham gia này sẽ được bàn tán sôi nổi trên khắp nước Anh.

Mãi đến chiều tối hôm đó tôi mới trở về phố Baker để báo cáo lại công tác của mình. Holmes nằm ườn ra trên chiếc ghế bành của mình với thân hình phờ phạc, chiếc ống vó của ông chậm chậm nhả từng vòng khói thuốc khét lẹt, trong khi đôi hàng mi khép hờ hững trên đôi mắt đờ đẫn như thể ông ta đang ngủ vậy. Tuy nhiên cứ mỗi lần câu chuyện của tôi ngừng lại hay có đoạn không rõ thì cặp mi mắt của ông ta lại khẽ nhướng lên, và cặp mắt xám bỗng sáng lên và sắc xảo như lưỡi kiếm, bỗng như xuyên thấu cả người tôi với cái nhìn dò hỏi.

Tôi kể lại:

— Haven là tên ngôi nhà của ông Josiah Amberly. Tôi cho là ông sẽ phải quan tâm đến nó đấy ông Holmes ạ. Nó giống như một kẻ thuộc dòng dõi quý tộc nay phải chìm xuống đám người thuộc tầng lớp hạ cấp vậy. Ông biết không, cái khu phố đặc biệt đó, thuộc loại đường phố toàn gạch trông mới chán

làm sao, còn đường xá ngoại ô trông phát nản luôn. Ngay giữa khu phố đó, tức một cái đảo nhỏ với nền văn hóa và tiện nghi thật cổ lỗ, là cái nhà cũ kỹ này đây, được vây quanh bằng bức tường cao xây bằng loại gạch non, địa y chẳng chịt, còn đầu tường thì toàn râu bám, cái loại tường.

Holmes cương quyết chặn lời ông ta lại.

— Thôi tốp cái chuyện thơ thần của ông đi, Watson à. Tôi chỉ cần biết đó là một bức tường gạch cao là đủ rồi.

— Đúng vậy. Lẽ ra tôi đã chẳng biết đâu là ngôi nhà Haven của ông ta nếu không biết đường hỏi một kẻ đang đứng thơ thần bên đường. Sở dĩ tôi đề cập đến con người này là có lý do của nó. Hẳn ta là một người cao ráo, nước da đen, có hàng râu mép rậm, trông vóc dáng như con nhà lính vậy. Hẳn chỉ trả lời câu hỏi của tôi bằng một cái gật đầu rồi nhìn tôi bằng ánh mắt dò hỏi lạ lẫm, mà sau đó một lúc tôi mới chợt nhớ lại.

— Tôi đã không đi vào lối cổng nhà ông Amberly cho đến khi gặp ông ta đang đi theo con đường dành để đánh xe vào nhà. Sáng nay tôi chỉ thoáng thấy ông ta mà thôi, thế mà tôi đã có ấn tượng ông ta là một con người lạ lùng rồi, nhưng đến khi nhìn kỹ lại tôi mới thấy là thậm chí ông ta còn dị thường hơn nữa.

— Dĩ nhiên tôi cũng đã nghiên cứu điều đó rồi, tuy nhiên tôi cũng cần quan tâm đến cảm tưởng của ông nữa đây.

— Đối với tôi ông ta có vẻ giống như một người bị gục xuống vì lo lắng đúng theo nghĩa đen đấy. Lưng ông ta còng xuống như thể đang vác một gánh nặng dữ lắm vậy. Tuy nhiên ông ta không mềm yếu như tôi tưởng lúc đầu đâu nhé, vì vai và ngực của ông ta thuộc loại tầm cỡ của một người to con đấy, mặc dù cặp chân thì teo đét.

— Chiếc giày bên trái thì nhăn nhúm trong khi chiếc bên phải lại phẳng phiu.

— Tôi không nhận thấy được điều đó.

— Ừ, ông sẽ không nhận ra được đâu. Tôi đã phát hiện được

chiếc chân giả của ông ta. Nhưng ông cứ nói tiếp đi đã.

— Tôi đã chú ý ngay đến những lọn tóc hoa râm gợn sóng thò ra bên dưới chiếc nón rơm cũ kỹ, và khuôn mặt lộ vẻ hùng hổ, dữ dằn với những nếp nhăn hằn sâu trên khuôn mặt của ông ta.

— Hay lắm, ông Watson. Thế ông ta đã nói gì nào?

— Ông ta bắt đầu than vãn liên tục bất tận về câu chuyện của mình. Chúng tôi cùng đi trên con đường dành để đánh xe vào nhà, và dĩ nhiên tôi đã có dịp nhìn ngó khắp nơi. Tôi thật chưa thấy nơi nào được bảo quản tồi tệ hơn nơi đó. Toàn bộ khu vườn đang được gieo hạt, khiến tôi có cảm tưởng nó đã bị bỏ hoang để cho cây cỏ mọc tình sinh sôi nảy nở như trong thiên nhiên chứ không theo một kiểu cách nghệ thuật nào cả. Tôi không hiểu làm thế nào mà một người phụ nữ tử tế đáng hoàng lại có thể chịu nổi cảnh hoang tàn như vậy được. Cả ngôi nhà cũng thế, nó luộm thuộm phải nói là hết chỗ nói, tuy nhiên người đàn ông khốn khổ kia dường như cũng tự biết được điều đó và đang cố gắng sửa chữa cho nó, vì một thùng sơn xanh to đã được đặt ngay giữa hành lang còn ông ta đang cầm một cái cọ sơn dây bên tay trái. Ông ta đang làm công việc của thợ mộc.

— Ông ta đã dẫn tôi vào căn phòng riêng nhếch nhác của mình và chúng tôi đã nói chuyện với nhau rất lâu. Dĩ nhiên là ông ta đã thất vọng rằng không phải đích thân ông đến nhà ông ta. Ông ta nói, “Tôi cũng không trông mong gì nhiều, vì một kẻ hèn mọn như tôi đây, nhất là sau vụ bị mất cả một tài sản lớn, thì mong gì được sự quan tâm hết mình của một người nổi tiếng như ông Sherlock Holmes được chứ”.

— Tôi cam đoan rằng không phải vì vấn đề tài chánh đâu.

Ông ta đáp lời:

— Dĩ nhiên là không phải rồi, ông ta chỉ vì nghệ thuật thôi mà, nhưng dù cho là về mặt nghệ thuật của tội phạm đi nữa thì ông ta cũng có thể nghiên cứu được điều gì ở đây chứ. Và về bản chất con người, bác sĩ Watson ạ - thì đây đúng là sự vô ơn bạc

nghĩa đến độ táng tận lương tâm! Có khi nào tôi lại từ chối một đòi hỏi nào của cô ấy đâu chứ? Có người đàn bà nào lại được cưng chiều như thế không? Còn cái tên thanh niên kia - nó chỉ đáng tuổi con tôi thôi. Nó đã ngang nhiên xem nhà tôi như nhà nó vậy. Rồi ông thấy đấy bọn họ đã đối xử với tôi không biết sao mà nói nữa! Ôi dào ôi, bác sĩ Watson ạ, sao cuộc đời này nó lại khủng khiếp thế cơ chứ!

— Thế rồi những bài ca cảm về nỗi lòng của ông ta cứ thế mà tuôn ra ầm ầm có đến một hai tiếng đồng hồ vậy. Dường như ông ta đã không chút nghi ngờ gì về cái âm mưu đó. Chỉ có hai người sống chung với nhau trong ngôi nhà ngoại trừ có một phụ nữ đến giúp việc vào ban ngày rồi lại ra đi vào lúc sáu giờ mỗi buổi chiều. Vào buổi tối đặc biệt hôm đó ông già Amberly vì muốn đãi vợ một chầu xem hát, đã mua hai vé thượng hạng tại rạp hát Haymarket. Vào phút cuối cô ta than nhức đầu rồi không chịu đi. Thế là ông ta đành phải đi xem hát một mình. Việc này chắc là thực vì ông ta có cho tôi xem cái vé còn nguyên chưa xé mà ông ta đã mua cho cô vợ của mình.

Holmes nói, khi thấy vụ án có vé bắt đầu gay cấn.

— Điều đó mới đáng lưu ý - đáng lưu ý nhất đấy. Xin mời kể tiếp nữa đi nào, ông Watson. Tôi thấy câu chuyện ông kể thú vị lắm rồi đấy. Thế ông có đích thân xem xét cái vé ấy không? Có lẽ ông đâu có xem số vé làm gì nhỉ?

— Bỗng dưng tôi lại đọc kỹ số vé mới lạ chứ. Tôi đã đáp lại với một chút tự đắc. Số vé ngẫu nhiên lại y chang mã số sinh viên hồi còn đi học của tôi mới chết chứ lý, số ba mươi một, thế là nó cứ ghim mãi trong đầu tôi thôi.

— Tuyệt quá đi chứ, Watson! Thế thì số vé của ông ta phải là ba mươi hay ba hai gì đó.

— Đúng vậy. - Tôi đáp với một chút bí ẩn.

— Và ở trên dây B.

— Thế là được quá rồi còn gì nữa. Ông ta còn nói gì thêm với ông nữa không?

— Ông ta đã chỉ cho tôi thấy cái phòng mà ông ta gọi là căn phòng bọc sắt của mình. Nó quả là một phòng bọc sắt thật đấy chứ - giống như trong ngân hàng vậy - cũng cửa cánh và cửa lùa bằng sắt - mà ông ta cho là để ngăn trộm. Thế nhưng, dường như người đàn bà đó đã có chiếc chìa khóa thứ hai, và bọn họ đã cuỗm mất của ông ta số tiền mặt và chứng khoán trị giá khoảng bảy ngàn bảng Anh.

— Chứng khoán à! Làm sao mà họ có thể tùy ý sử dụng được những tờ chứng khoán đó được chứ?

— Ông ta bảo là đã cung cấp cho cảnh sát một bản liệt kê các chứng khoán của mình và hy vọng là bọn họ sẽ chẳng bán chác gì được đâu. Ông ta đã từ nhà hát về đến nhà vào khoảng nửa đêm, và đã phát hiện ra là căn phòng đã bị đánh cắp, cửa ra vào và cửa sổ mở toang còn hai kẻ bỏ trốn đã mất tăm rồi. Từ đó đến giờ, không thấy thư từ hay lời nhắn gửi gì, và ông ta cũng không nghe thấy lời tiếng gì về bọn họ cả.

Holmes cúi đầu suy nghĩ trong vài phút.

— Ông nói là ông ta đang sơn à. Mà ông ta đang sơn gì vậy?

— À, ông ta đang sơn cái hanh lang. Tuy nhiên ông ta đã sơn xong cái cửa ra vào và đồ mộc của căn phòng riêng mà tôi vừa nói.

— Ông có lấy làm lạ về hành động đó trong tình cảnh như vậy không?

— Người ta cần phải làm gì đó để bớt đau khổ chứ.

Đó là lời giải thích của ông ta. Thật lập dị, chắc chắn, ông ta rõ ràng là con người lập dị rồi. Ông ta đã xé một tấm hình của cô vợ ngay trước mặt tôi - đã hung hăng xé nát tấm hình trong cơn cuồng nộ. Ông ta đã tru tréo lên:

— Tôi không bao giờ còn muốn nhìn thấy cái mặt khốn kiếp của ả nữa.

— Thế còn gì nữa không, ông Watson?

— Còn chứ, còn một điều mà nó làm tôi ngạc nhiên hơn bất kỳ điều gì khác. Tôi đón xe đến ga Blackheath để đáp xe lửa trở

về, khi xe vừa bắt đầu chạy tôi đã thấy một người đàn ông đang phóng thật nhanh vào chiếc xe ngựa kế bên chiếc xe của mình. Như ông biết đấy ông Holmes, tôi có biệt tài nhận xét mặt người khỏi chê vào đâu được. Chắc chắn đó chính là cái gã đàn ông dong dong, da đen mà tôi đã hỏi thăm đường đây mà. Tôi lại thấy hắn một lần nữa tại cầu Luân Đôn, rồi sau đó hắn biến mất vào đám đông. Nhưng tôi tin là hắn ta đang theo dõi tôi.

Holmes vội nói:

— Chắc chắn! Chắc chắn là vậy rồi! Một người đàn ông cao ráo, da đen, với hàng râu mép rậm, ông bảo vậy chứ gì, còn đeo kính râm màu xám nữa chứ?

— Holmes à, ông đúng là phù thủy cao tay đấy. Tôi đâu có nói vậy, nhưng hắn có đeo kính râm màu xám thật đấy.

— Và một cái kẹp cà vạt Masonic nữa chứ?

— Ôi trời, Holmes!

— Có gì đâu, ông bạn Watson à. Nhưng ta hãy nói chuyện thực tế trước đã. Tôi phải công nhận với ông là vụ này, dường như đối với tôi nó cực kỳ đơn giản đến nỗi không đáng cho tôi phải lưu ý nữa là, thì bây giờ nó lại mau chóng trở nên đặc biệt rồi đây. Mặc dù thực ra trong nhiệm vụ của mình ông đã bỏ qua mọi thứ quan trọng, tuy nhiên ngay cả những thứ đã lôi cuốn sự chú ý của ông cũng gợi được những ý tưởng thật nghiêm chỉnh đấy.

— Thế tôi đã bỏ qua những gì nào?

— Đừng có tự ái, ông bạn ạ. Ông biết là tôi công tâm lắm. Không ai khác làm tốt hơn được như ông đâu. Một số người có thể đã không làm được vậy nữa là. Thế nhưng, rõ ràng là ông đã bỏ qua một số điểm cốt lõi. Ý kiến của hàng xóm láng giềng về cái ông Amberly này và bà vợ của ông ta là gì? Chắc chắn là điều đó rất quan trọng, về tên bác sĩ Ernest thì sao? Liệu người ta có thể ngờ rằng hắn là tên sở khanh Lothario chẳng? Watson này, ông có nhiều ưu thế tự nhiên để được mọi phụ nữ giúp đỡ và tiếp tay cho ông đấy. Còn cô nhân viên bưu điện, hay vợ của

chủ tiệm rau quả để làm gì? Tôi có thể hình dung là ông đang rù rì những chuyện tầm phào với cô nương ở câu lạc bộ “Mỏ Neo Xanh”, và đổi lại sẽ nhận được một tin gì đó thật hiếm hoi chẳng hạn.

— Điều đó thì bây giờ vẫn có thể làm được đấy chứ.

— Vẫn được thôi. Nhờ điện thoại và sự trợ giúp của Scotland Yard mà dù cứ an vị ở căn phòng này, thế mà tôi vẫn nhận được những tin tức cốt yếu cho mình. Thực ra, thông tin mà tôi nhận được đã khẳng định câu chuyện của ông này. Ở địa phương ông ta nổi tiếng là một gã keo kiệt cũng như là một ông chồng khát khe và tính toán chi li từng chút một. Chắc chắn là ông ta có một số tiền kếp sù ở trong căn phòng bọc sắt đó thật. Và cả chuyện anh chàng bác sĩ trẻ Ernest chưa vợ cũng thế, vẫn đánh cờ với Amberly, và có lẽ kiêm luôn cái chuyện tò tí với cô vợ của ông ta nữa. Và toàn bộ điều này dường như cũng là những diễn biến đương nhiên mà người ta cũng sẽ không nói được gì khác hơn nữa - và tuy nhiên - tuy nhiên là...

— Khó khăn ở đâu nào?

— Có lẽ theo tôi nghĩ thì, à, mà thôi tạm gác lại chuyện này ở đây đi, ông Watson à. Ta hãy nhờ âm nhạc mà tạm lánh cái cuộc đời thường nhật bất hảo này đi đã. Tối nay Carina sẽ hát tại sảnh đường Albert, và anh em mình cũng vẫn còn đủ thời gian để diện đồ, ăn uống và vui thú đấy chứ.

Sáng ra tôi dậy khá sớm, tuy nhiên những vụn bánh mì và hai cái vỏ trứng rỗng không đã cho tôi biết là ông bạn của mình lại còn dậy sớm hơn nữa. Tôi bỗng thấy một mảnh giấy với những hàng chữ viết tháu ở trên bàn.

Watson mến,

Có một hai điểm quan hệ mà tôi muốn làm rõ về ông Amberly. Khi thực hiện xong ta mới có thể quyết định sẽ bác vụ này - hay không. Tôi sẽ chỉ yêu cầu ông sẵn sàng gặp tôi vào khoảng ba giờ, khi tôi cảm thấy cần.

S.H.

Cả ngày trời tôi không hề thấy tăm hơi của Holmes, tuy nhiên đúng ngay vào cái giờ mà ông ta đã hẹn thì ông ta lại trở về, với dáng vẻ nghiêm trọng, bận rộn và xa vắng. Vào những lúc thế này ông ta rất dễ bị bỏ cô đơn một mình.

— Amberly chưa đến đây à?

— Chưa.

— À! Tôi đang mong ông ta đây.

Ông ta đã không phải thất vọng lâu, vì lúc này ông già đã đến với vẻ lo râu bối rối hiện rõ trên khuôn mặt khắc khổ.

— Tôi nhận được một bức điện tín, ông Holmes à. Tôi không biết phải làm sao đây.

Ông ta trao bức điện, và Holmes đọc to.

Đến ngay không được trì hoãn. Có thể cho ông biết thông tin về món tiền ông mới bị mất. - Elman. Nhà xứ.

Holmes nói:

— Chuyển đi từ Little Purlington lúc hai giờ mười. Little Purlington ở Essex, tôi chắc là nó không xa Frinton lắm. À, dĩ nhiên là ông phải đi ngay đây. Rõ ràng là bức điện này là của một người có trách nhiệm đây, ông cha xứ ở đó mà. Quyển danh mục giáo sĩ Crockford ở đâu nhỉ? Đây rồi. J.C. Elman, M.A., trông coi Mossoor kiêm cả Little Purlington. Tra tìm lịch trình xe lửa đi nào, ông Watson.

— Có một chuyến lúc năm giờ hai mươi tại đường Liverpool.

Hay lắm. Tốt nhất là ông đi với ông ta đi, Watson ạ. Ông ta có thể cần giúp đỡ hay góp ý điều gì chẳng. Rõ ràng là chúng ta đã bị khủng hoảng vì chuyện này rồi đây.

Tuy nhiên ông khách của chúng tôi hoàn toàn không có vẻ gì là hăng hái muốn lên đường cả.

Ông ta nói:

— Thật hết sức vô lý, ông Holmes ạ. Cái ông này thì biết gì về những chuyện đã xảy ra chứ? Chỉ tổ phí thời gian tiền bạc mà thôi.

— Nếu không biết gì cả thì ông ta đâu có đánh điện cho ông

làm gì. Cứ đánh điện cho ông ta biết là ông đang đi đến chỗ ông ta.

— Chắc tôi không đi đâu.

Holmes đành phải khích động lòng nhiệt tình của ông ta.

— Ông Amberley ạ, nếu khi có một manh mối rõ ràng như vậy mà ông lại từ chối không chịu bám sát nó thì tôi e là điều đó có thể gây bất ngờ cho cả cảnh sát và tôi đây. Chúng tôi sẽ có cảm giác là ông không thực tình sốt sắng trong vụ điều tra này.

Ông khách của chúng tôi có vẻ phát hoảng lên vì sự gợi ý này.

Ông ta đáp:

— Tại sao à, nếu ông đã nói đến nước này thì dĩ nhiên tôi đành phải đi thôi. Chỉ cần nhìn sơ thôi, cũng thấy thật vô lý khi cho rằng ông cha xứ này lại biết được bất kỳ điều gì về vụ này, nhưng mà thôi ông đã nghĩ thế thì.

— Tôi nghĩ thế đấy.

Holmes nhấn mạnh, và thế là chúng tôi phải lên đường. Trước khi rời khỏi phòng, Holmes tách riêng tôi ra và nhấn nhủ rằng ông ta cho rằng đây là vấn đề quan trọng lắm đấy. Ông ta nói:

— Dù gì đi nữa thì ông cũng phải xem cho rõ là ông ta có thực sự đi không đấy. Nếu ông ta kiếm cơ thoái thác hay quay về thì ông hãy đến một tổng đài điện thoại gần nhất và chỉ cần chuyển một từ duy nhất là “Chuồn rồi”. Còn ở đây tôi sẽ bố trí để làm sao tôi có thể nhận được tin dù đang ở bất cứ nơi đâu.

Little Purlington không phải là nơi dễ đến được đâu, vì nó nằm trên một phân nhánh của tuyến hỏa xa. Kỷ niệm về chuyến đi này thật ra chẳng thú vị gì lắm, vì trời thì nóng, xe lửa chạy chậm rì, còn ông bạn đồng hành thì cứ rầu rĩ và ngậm câm, hầu như không hé môi chút nào cả, họa hoằn lắm mới tỏ một dấu hiệu khinh thị về sự tầm phào của công việc mà chúng tôi đang tiến hành. Cuối cùng khi xuống một ga xép, thì chúng tôi vẫn còn phải đón xe đi hai dặm nữa mới đến được nhà xứ, đó

là nơi ở của một vị linh mục to béo, nghiêm chỉnh, khá tự đắc đã tiếp chúng tôi trong phòng làm việc của ông ta. Bức điện tín được đặt trước mặt ông ta.

Ông ta hỏi:

— Thế quý ông cần gì ạ?

Tôi phải giải thích:

— Chúng tôi đến đây theo bức điện mà cha đã gửi đây ạ.

— Bức điện của tôi! Mà tôi có gửi bức điện nào đâu cơ chứ.

— Tôi muốn nói là bức điện mà cha đã gửi cho ông Josiah Amberly về chuyện bà vợ và chuyện tiền bạc của ông ta đấy.

Vị linh mục bỗng nổi cáu:

— Có phải chuyện đùa không đấy, quý ông, chuyện này đáng ngờ quá đấy. Tôi chưa hề nghe tên của quý ông mà ông vừa mới nêu lên bao giờ cả, và tôi cũng không gửi một bức điện cho bất kỳ ai hết.

Vị thân chủ và tôi cùng trở mắt nhìn nhau.

Tôi đáp:

— Có lẽ là một sự lầm lẫn chẳng; có lẽ có đến hai giáo xứ chẳng? Bức điện tín đây này, ký tên Elman đảng hoàng, còn đề ngày gửi của nhà xứ nữa đây.

— Chỉ có một giáo xứ ở đây thôi, quý ông ạ, và cũng chỉ có một cha xứ mà thôi, và bức điện này là thứ giả mạo đáng ghê tởm thật đấy, chắc chắn phải cho cảnh sát điều tra nguồn gốc của nó mới được. Trong khi đó, tôi thấy nếu cứ hỏi tới hỏi lui về chuyện này thì cũng chả đi đến đâu cả.

Thế là ông Amberly và tôi lại đành phải vác xác ra vệ đường của cái nơi phải gọi là một ngôi làng cổ sơ nhất Anh quốc. Chúng tôi đến nhà dây thép, nhưng nó đã đóng cửa rồi. Tuy nhiên tại ga xép “Railway Arms” lại có một cái điện thoại, và nhờ đó mà tôi đã liên lạc được với Holmes. Ông ta cũng ngạc nhiên như chúng tôi về kết quả của chuyên đi.

Tiếng của ông ta vọng lại từ xa.

— Độc thật đấy! Đáng phải lưu ý nhất đấy! Ông bạn Watson

à, tôi e rằng tối nay không có tàu về đâu. Tôi không cố tình bắt ông phải kinh hoàng lên về quán trọ nhà quê đâu đấy nhé. Tuy nhiên, lúc nào cũng vẫn còn có thiên nhiên mà, ông Watson ạ - thiên nhiên và ông Josiah Amberly - ông có thể ở trong cái xã biệt lập đó với cả hai đấy.

Sau đó tôi đã nghe thấy tiếng cười khúc khích khi ông ta bỏ đi.

Chỉ vài phút sau tôi mới thấy rằng cái tiếng tăm về chuyện keo kiệt bủn xỉn của ông bạn đồng hành của tôi quả vẫn chưa xúng. Ông ta luôn miệng cần nhả về phí tổn của chuyến đi, đã nằng nặc chỉ đi toa hạng ba mà thôi, còn bây giờ lại om sòm không chịu nhận phần thanh toán hóa đơn khách sạn. Sáng hôm sau, khi đã về đến Luân Đôn, thật khó mà nói được trong hai người chúng tôi ai thảm hại hơn ai.

— Hay nhất là ông hãy tạt vào đường Barker khi ta đi ngang đó đi. Có thể là ông Holmes có những chỉ dẫn sốt dẻo gì cũng nên.

Amberly đáp với giọng câu kính cay cú:

— Nếu chúng cũng chẳng giá trị gì hơn ba cái cái chuyện chỉ giáo vừa rồi thì cũng coi như vứt đi mà thôi.

Thế nhưng ông ta cũng vẫn đi theo tôi. Tôi đã báo cho Holmes biết về giờ ghé thăm nhà ông bằng điện tín, tuy nhiên chúng tôi chỉ thấy một tờ giấy nhắn tin đang nằm chờ cho biết ông ta đang ở tại Lewisham, và mong sẽ gặp chúng tôi ở đó. Thật ngạc nhiên quá đỗi, nhưng lại còn đáng ngạc nhiên hơn nữa khi thấy ông ta đang ở trong phòng khách của nhà ông thân chủ của chúng tôi mà không phải chỉ một mình. Một người đàn ông trông khắc khổ, điềm nhiên đang ngồi cạnh ông ta, người đàn ông da đen với cặp kính râm màu xám và một cái kẹp Masonic to đùng nổi bật trên chiếc cà vạt của ông ta.

Holmes giới thiệu:

— Đây là ông bạn của tôi. Chính ông ta cũng đang quan tâm đến vụ này của ông đấy, ông Josiah Amberly ạ, mặc dù chúng

tôi đều đang làm việc độc lập với nhau. Tuy nhiên cả hai chúng tôi đều có cùng một câu hỏi muốn hỏi ông đây!

Ông Amberly ngồi phịch xuống ghế. Ông ta cảm thấy một mối hiểm nguy đang chờ đợi mình. Tôi biết được điều đó qua đôi mắt căng thẳng và khuôn mặt cứ nhăn nhó liên hồi của ông ta.

— Câu hỏi gì chứ, ông Holmes?

— Thế này: Ông đã làm gì với mấy cái xác rồi?

Ông ta bỗng đứng bật dậy cùng với một tiếng hét khản đặc. Ông ta quào cầu trong khoảng không trước mặt bằng đôi bàn tay xương xẩu. Miệng ông ta há hốc và trong khoảnh khắc ấy trông ông ta hết như một con chim đang kinh hoàng vì trúng đạn. Chỉ trong chớp mắt chúng tôi chợt nhận ra chân tướng của Josiah Amberly, một con quỷ biến thái với một linh hồn cũng đang quằn quại như thân xác ông ta lúc bấy giờ. Khi ngã phịch trở lại chiếc ghế ông ta cứ bụm một bàn tay trên miệng như thể đang chặn lại một cơn ho. Holmes bỗng vồ mạnh vào cuống họng của ông ta như một con cọp đang vồ mồi, rồi bẻ mạnh cho mặt ông ta hướng xuống đất. Một viên thuốc màu trắng rớt ra từ đôi môi đang há hốc của ông ta.

— Đâu có tắt ngang như vậy được, ông Josiah Amberly. Mọi chuyện cần phải được giải quyết một cách đàng hoàng và tuân tự chứ. Còn chuyện đó thì sao, Baker?

Lúc này ông bạn lăm lì ít nói của chúng tôi mới chịu mở miệng.

— Tôi có thuê một chiếc xe ngựa đậu ngoài cửa đó.

— Chỉ vài trăm mét là tới bót rồi. Chúng ta sẽ cùng đi chứ. Ông ở lại đây, nhé Watson. Chỉ trong vòng nửa tiếng là tôi quay về liền.

Tay buôn thuốc màu về già này đúng là có một sức mạnh như một con mãnh sư ở bên trong cái thân hình vạm vỡ của mình, tuy nhiên ông ta cũng đành thúc thủ trong tay của hai chuyên gia bắt người lão luyện này. Ông ta cứ vùng vẫy trong

khi bị lôi ra chiếc xe ngựa đang chờ, còn tôi đành phải ở lại một mình canh giữ trong ngôi nhà mang điềm gở này. Tuy nhiên chưa đến giờ đã định thì Holmes đã quay trở lại cùng với một viên thám tử cảnh sát trẻ tuổi lanh lợi.

Holmes nói:

— Tôi đã để cho Barker lo mọi thủ tục rồi. Trước đây ông chưa từng được gặp Barker đâu, Watson nhỉ. Hẳn là địch thủ của tôi trong vụ bờ biển Surrey đấy chứ. Khi ông vừa nói đến một người da đen cao cao là tôi đoán ra ngay đó là ai rồi. Hẳn cũng đảm nhận một vài vụ khá lắm, phải không ông thám tử?

Viên thám tử trả lời một cách dè dặt.

— Chắc là ông ấy cũng có tham gia một vài lần thì phải.

— Chắc chắn phương pháp làm việc của hẳn cũng không phải chính quy như của tôi vậy. Ông biết đấy, đôi khi những cái bất quy tắc cũng hữu dụng đấy chứ. Thí dụ như anh chỉ biết răm rắp theo lệnh là phải cảnh báo bất kỳ những gì ông ta cho là đang được sử dụng để chống lại ông ta, thì có thể anh sẽ chẳng bao giờ lừa cho ông ta khai ra sự thực được đâu.

— Có lẽ là không, thật đấy. Tuy nhiên chúng tôi cũng đạt đến cái đích ấy y chang như vậy mà, ông Holmes. Đừng nghĩ là chúng tôi đã không có quan điểm riêng về vụ này và không nhúng tay gì vào công việc của người của chúng tôi đâu đấy. Ông miễn thứ cho việc chúng tôi lấy làm phiền khi ông nhẩy bổ vào bằng những phương pháp mà chúng tôi không thể sử dụng được, và giành hết công lao của chúng tôi.

— Sẽ không có chuyện cướp công thế đâu ông MacKinnon ạ. Tôi cam đoan với ông rằng từ bây giờ tôi sẽ lánh mặt, còn ông Barker cũng sẽ không làm gì để lưu lại dấu vết về những gì tôi đã nói đâu.

Viên thám tử có vẻ đã khá yên lòng.

— Thế là ông xử đẹp lắm đấy, ông Holmes à. Ông thì đâu có màng gì chuyện khen chê, nhưng với chúng tôi thì lại là chuyện khác đấy, khi mà đám báo chí bắt đầu chất vấn thì biết

sao được cơ chứ.

— Hẳn vậy rồi. Nhưng bảo đảm họ sẽ nêu ra bất kỳ câu hỏi nào đấy, vì vậy tốt hơn là phải chuẩn bị sẵn những câu trả lời đã. Chẳng hạn như, ông sẽ trả lời sao khi một phóng viên thông minh và táo bạo hỏi ông về những điểm chính xác đã đưa đến sự nghi ngờ của ông, rồi cuối cùng lại đưa ra cho ông một lý lẽ buộc tội nào đó theo các sự kiện thực tế?

Viên thám tử có vẻ bối rối.

— Tuy nhiên dường như chúng tôi chưa nắm được bất kỳ sự kiện thực tế nào cả, ông Holmes à. Ông bảo rằng tội phạm, trước sự chứng kiến của ba nhân chứng, thực sự đã thú nhận, qua hành vi cố gắng tự sát, rằng ông ta đã ám sát vợ mình và tình nhân của bà ta chứ gì. Vậy ông còn sự kiện nào khác nữa không?

— Thế các ông có tổ chức việc khám xét chưa?

— Có ba nhân viên cảnh sát đang thi hành nhiệm vụ rồi.

— Rồi ông sẽ có được sự kiện rõ rệt nhất cho mà xem. Mấy cái xác chẳng ở đâu xa đâu. Thử lục soát trong hầm rượu và trong vườn xem sao. Việc đào bới những nơi như thế chẳng tốn nhiều thời gian lắm đâu. Ngôi nhà đó còn lâu đời hơn cả hệ thống cấp nước nữa, nên ắt là phải có một cái giếng đã bỏ, không còn sử dụng nữa, ở đâu đó. Mấy ông cứ kiếm cầu may xem sao.

— Nhưng làm sao mà ông biết chuyện đó chứ, rồi biết phải làm như thế nào đây?

— Trước hết tôi sẽ chỉ cho ông thấy phải thực hiện như thế nào, rồi sau đó tôi sẽ giải thích là tại sao ông lại phải làm vậy nhé, và còn phải giải thích nhiều hơn nữa cho ông bạn của tôi đây cứ phải chịu trận ở đây, mà chả làm nên cơm cháo gì từ đầu chí cuối trong việc này. Nhưng trước hết tôi sẽ cho ông biết rõ tâm lý người đàn ông này. Ông ta là người rất dị thường - đến nỗi tôi cho là phải đưa ông ta đến trại tâm thần Broadmoor dành cho tù nhân chứ không phải là lên dàn máy chém nữa. Đầu óc ông ta phải nói là cực kỳ giống với một người mang bản

chất của dân Ý thời trung cổ chứ chẳng phải là của một người dân Anh hiện đại. Ông ta là một kẻ keo kiệt đến thảm hại khiến cô vợ của ông ta phải chịu khốn khổ vì cách sống bủn xỉn của mình đến nỗi đã trở thành mối ngon cho bất kỳ một kẻ bịp bợm nào. Một tay bịp bợm như vậy đã xuất hiện trong vở kịch dưới vai một tay bác sĩ mê cờ. Amberly rất xuất sắc về môn cờ - một điểm đáng lưu ý về một đầu óc mưu mẹo tính toán đầy, ông Watson ạ. Cũng như bao kẻ keo kiệt bủn xỉn khác, ông ta cũng là một người đàn ông có máu ghen, và tật ghen tuông của ông ta đã biến thành chứng hoang tưởng. Dù đúng hay sai, thì ông ta vẫn nghi ngờ là đang có một chuyện dâm dúi tàng tịu giữa hai người. Ông ta ráp tâm trả thù, và đã lập kế hoạch bằng đầu óc gian ngoan hiểm độc của mình. Hãy lại đây xem này!

Holmes dẫn chúng tôi đi theo hành lang của ngôi nhà, thông thuộc như một người đã từng sống ở đó, và sau đó đã ngừng lại tại cánh cửa đang mở rộng của ngôi nhà bọc sắt.

Viên thám tử bỗng kêu lên:

— Ừi dào! Mùi sơn sao mà khủng khiếp thế không biết!

Holmes giải thích:

— Đó chính là manh mối đầu tiên của tôi đấy. Ông có thể cảm ơn nhận xét của bác sĩ Watson về chuyện đó, mặc dù ông ta đã không suy diễn ra được điều gì từ manh mối này. Tôi đã lần theo dấu vết này đấy. Tại sao đang ở trong một tình cảnh như thế mà người đàn ông này lại còn làm cho cả nhà mình ngập ngụa những mùi vị nồng nặc như thế được nhỉ? Đương nhiên là để khóa lấp một mùi vị khác mà ông ta muốn che giấu - một mùi vị liên quan đến tội ác sẽ dẫn đến sự nghi ngờ. Sau đó một ý nghĩ ngờ vực khác sẽ chọt đến về một căn phòng như các ông thấy ở đây với cửa cái và cửa lùa hoàn toàn bằng sắt - một căn phòng hoàn toàn kín mít. Hãy kết hợp hai sự kiện này lại, để xem chúng dẫn đến đâu? Tôi chỉ có thể xác định được điều đó bằng cách đích thân mình xem xét nó mà thôi. Tôi đã chắc chắn đây là một vụ án nghiêm trọng, là vì tôi đã xem xét sơ đồ

sắp chỗ của phòng vé ở nhà hát Haymarket - một hồng tâm khác nữa của ông Watson đây - và đoán chắc rằng cả số ghế ba mươi lần số ghế ba hai trên dãy ghế thượng hạng đều bị bỏ trống vào tối hôm đó. Tức là, Amberly đã không đi xem hát nên tình trạng ngoại phạm của ông ta là không có cơ sở. Ông ta đã mắc phải sơ suất thật tệ hại khi để cho ông bạn tinh ranh của tôi ghi nhận được số ghế dành cho vợ ông ta. Bây giờ mới đến lượt vấn đề là làm thế nào để có thể kiểm tra ngôi nhà đây. Tôi đã phái một nhân viên đến một ngôi làng thuộc loại khỉ ho cò gáy nhất mà tôi có thể nghĩ ra được, rồi cho mời thân chủ của mình đến đó vào cái giờ mà ông ta không tài nào quay trở về được. Để chắc ăn, bác sĩ Watson đã phải cùng đi với ông ta. Cái tên tuổi đảng hoàng chính đáng của vị linh mục chính xứ đó dĩ nhiên là tôi đã moi móc từ quyển danh mục tu sĩ Crockford của tôi chứ đâu. Tôi trình bày thể liệu quý vị đã tỏ tường chưa đây?

Viên thám tử suyt soa.

— Quả là bậc thầy có khác.

— Một khi không còn sợ bị trở ngại công việc, thế là tôi tiến hành đột nhập ngôi nhà. Ăn trộm vẫn luôn là một nghề lập dị đấy chứ nếu như tôi muốn hành nghề, và để chắc ăn thì tôi không nên vào nhà bằng lối cửa trước thì hơn. Quan sát kỹ những gì mình khám phá được. Các ông có thấy đường ống ga chạy dọc theo đường chỉ gỗ ốp chân tường ở đây đấy chứ. Rất tốt. Nó chạy xéo lên men theo vách tường, và ở đây có một khóa van ở góc nhà. Như các ông thấy đấy, đường ống chạy vào căn phòng bọc sắt, và tận cùng bằng cái gương sen được trét kín bằng vữa ở ngay giữa trần, với các họa tiết trang trí nguy trang cho nó. Đầu mút của ống loe rộng ra. Vào bất kỳ lúc nào chỉ cần mở khóa van bên ngoài thì căn phòng sẽ bị tràn ngập hơi ga. Với cánh cửa đóng kín và mở khóa ga hết cỡ thì chưa đầy hai phút bất kỳ người nào bị nhốt bên trong căn phòng nhỏ này cũng phải mất hết cảm giác. Tôi không rõ ông ta đã dụ dỗ họ vào đó bằng cái công cụ quỷ quái nào nữa, nhưng một khi đã

vào bên trong cánh cửa ấy rồi thì số phận của họ chỉ còn biết phó mặc trong tay ông ta mà thôi.

Viên thám tử quan sát đường ống thật kỹ, rồi nói:

— Một nhân viên của chúng tôi cũng có nói đến mùi ga, nhưng dĩ nhiên sau đó cửa cái và cửa sổ đã mở, và đã phảng phất sẵn mùi sơn - hay đại loại một mùi gì đó như sơn rồi. Theo lời kể của ông ta thì ông ta đã bắt đầu việc sơn phết này từ ngày hôm trước rồi. Thế tiếp theo đó là chuyện gì vậy, ông Holmes?

— À, sau đó bỗng xảy ra một tình tiết khá bất ngờ với tôi. Sáng sớm khi tôi đang chui qua cửa sổ phòng chứa thức ăn để ra ngoài tôi cảm thấy có một bàn tay thò vào cổ áo tôi, rồi một giọng nói vang lên: “Này, thằng khốn kia, mày đang làm gì ở trong đó hả?” Khi ráng ngoái cổ nhìn lại tôi trông thấy ngay cặp kính màu của ông bạn mà đồng thời cũng là đối thủ của mình, tức ông Baker. Đúng là cuộc hội ngộ kỳ cục, nó khiến cả hai cùng cười xòa. Hình như ông ta đã nhận điều tra cho gia đình ông bác sĩ Ernest và cũng có cùng kết luận như tôi về màn kịch độc địa này. Ông ta đã theo dõi ngôi nhà này vài ngày nay rồi, và bỗng phát hiện bác sĩ Watson là một trong những nhân vật rõ ràng là đáng ngờ đã từng ghé đây. Ông ta khó thể bắt giữ được Watson, nhưng khi thấy đúng là có người đang trèo ra khỏi cửa sổ phòng chứa thức ăn thì quả thực ông ta hết chịu đựng nổi chuyện đó. Dĩ nhiên tôi đã cho ông ta biết rõ mọi vấn đề và chúng tôi cùng tiếp tục tiến hành vụ án với nhau.

— Tại sao lại là ông ta? Mà không phải là chúng tôi chứ?

— Vì tôi còn nhất định phải làm một cuộc trắc nghiệm nhỏ, thế mà nó đã được giải đáp thật hết ý như vậy. Tôi e rằng các ông sẽ không dám đi quá xa đến vậy đâu.

Viên thám tử mỉm cười.

— Đúng là, không dám đâu. Tôi hiểu ý ông chứ, ông Holmes, bây giờ ông sẽ rút chân ra khỏi vụ án rồi nhường toàn bộ kết quả cho chúng tôi chứ gì.

— Chắc chắn là vậy rồi, đó là thói quen của tôi đấy chứ.

— Thế thì, nhân danh lực lượng Cảnh sát tôi xin cảm tạ ông. Đây có vẻ như một vụ án quá rõ như ông đã vạch cho, còn chuyện mấy cái xác thì chả có gì là gay go nữa cả.

Holmes tiếp lời:

— Tôi sẽ chỉ cho ông một chứng cứ nhỏ thôi nhưng lại rất nặng ký, và tôi dám bảo đảm trăm phần trăm rằng chính Amberly cũng không tài nào nhận ra được. Ông thám tử này, dứt khoát ông sẽ đạt được kết quả bằng cách luôn luôn đặt mình vào trường hợp người khác, rồi nghĩ xem mình sẽ phải làm gì. Cần phải chịu khó tưởng tượng một chút, nhưng kết quả gặt hái được thật bỏ công lắm đấy. Thế này nhé, chúng ta sẽ giả sử rằng ông đang bị nhốt trong căn phòng nhỏ này, chỉ còn được sống trong hai phút phù du nữa thôi, nhưng lại muốn ăn miếng trả miếng kẻ thù của mình có lẽ lúc ấy đang chế nhạo mình ở bên kia cánh cửa. Vậy ông sẽ làm gì nào?

— Viết một lời nhắn để lại.

— Đúng đấy. Ông sẽ cho mọi người biết mình đã chết như thế nào. Nếu viết trên giấy cũng chỉ hoài công thôi. Nó sẽ bị phát hiện ngay. Nếu ông viết trên tường thì cũng có cặp mắt nào đó chăm chăm nhìn thấy. Bây giờ, hãy nhìn này! Ngay trên chỉ gỗ ốp chân tường có hàng chữ được viết nguệch ngoạc bằng loại viết chì không xóa được, màu tím hồng: “Chúng tôi bị...” Chỉ có thế thôi.

— Thế ông suy ra được điều gì từ hàng chữ đó vậy?

— Thế này nhé, nó chỉ cách mặt đất ba tấc. Con người bất hạnh đó đang nằm trên sàn nhà và đang hấp hối khi viết hàng chữ đó. Anh ta đã mất tri giác trước khi kịp viết hết câu.

— Anh ta đang viết câu, “Chúng tôi bị giết”.

— Đó là cách mà tôi đọc ra câu đó. Giả như ông mà kiểm tra được cây viết chì không xóa được trên cái xác...

— Chúng tôi sẽ tìm ra mà, ông cứ tin đi. Nhưng còn số chứng khoán thì sao? Rõ ràng là đã không có vụ trộm cắp nào cả. Như thế là ông ta

vẫn đang sở hữu những tờ chứng khoán đó. Chúng tôi đã xác minh rồi.

— Ông có thể tin chắc rằng ông ta đã giấu chúng ở một nơi an toàn rồi. Khi toàn bộ vụ án bỏ nhà theo trai này đã chìm vào quá khứ rồi thì ông ta sẽ bất thành linh tìm ra chúng, rồi hô lên rằng đôi gian phu dâm phụ đã ăn năn hối lỗi mà trả lại của ăn cắp hay đã làm rớt nó trên đường bỏ trốn chẳng hạn.

Viên thám tử nói:

— Chắc là ông ta sẽ bị kẹt cứng rồi đấy. Dĩ nhiên ông ta phải đến gặp chúng tôi là lẽ đương nhiên, nhưng tại sao ông ta lại đến với ông thì tôi không tài nào hiểu nổi đấy.

Holmes đáp ngay:

— Chỉ vì muốn khoe khoang chứ có gì đâu! Ông ta cảm thấy mình quá khôn khéo và chắc ăn đến nỗi cho rằng chẳng có ma nào có thể đụng vào mình được. Ông ta có thể nói với bất kỳ tay hàng xóm nào có ý ngờ vực rằng, “để xem nào, tôi đã làm đủ cách rồi. Tôi không những đã nhờ cảnh sát rồi nhé, mà thậm chí còn nhờ đến cả ông Sherlock Holmes nữa chứ chẳng chơi đâu”.

Viên thám tử bật cười.

— Chúng tôi đành phải tha cho ông về cái từ “thậm chí” của ông đấy nhé, ông Holmes. Đó quả là một sự dụng công mà tôi cần ghi nhớ đấy.

Hai ngày sau ông bạn tôi ném cho tôi tờ bán nguyệt san Người quan sát North Surrey . Dưới một loạt những hàng tít thật sôi nổi, bắt đầu bằng “Nỗi Kinh Hoàng Ở Ngôi Nhà Haven” và kết thúc với “Cuộc Điều Tra Xuất Sắc Của Cảnh Sát”, là một cột báo tường thuật những diễn tiến ban đầu của vụ án. Phần kết luận tóm lược toàn bộ vụ án như sau:

Sự nhay bén xuất sắc của thám tử MacKinnon đã suy diễn ra mùi ga bị khóa lấp bằng mùi sơn; sự suy diễn táo bạo cho rằng căn phòng bọc sắt có thể biến thành căn buồng của thần chết, và cuộc điều tra sau đó đã dẫn đến sự phát hiện ra hai cái xác

chết trong một cái giếng không còn sử dụng nữa, được che giấu bằng một cái củi chó, sẽ sống mãi trong lịch sử hình sự như một điển hình lừng lẫy về trí thông minh của các thám tử chuyên nghiệp.

Holmes nói, với một nụ cười nhẵn nhụi:

— Đúng, đúng MacKinnon là tay giỏi nghề quá đi chứ. Ông cứ lưu bản tin này vào hồ sơ lưu trữ của chúng ta đi, Watson à. Rồi cũng có ngày người ta sẽ biết được sự thực cho mà xem.

ĐƯỢC CẢ ĐÔI

Patricia Highsmith

Sự cố trong gara là cái tai họa có thể xảy ra lần thứ ba trong căn hộ của Amory, và một ý nghĩ khủng khiếp chợt hiện ra trong tâm trí của Loren Amory: cô vợ cứng Olivia của anh đang kiếm cách tự sát.

Loren đã kéo một sợi dây phơi quần áo bằng plastic treo lơ lửng từ trên một cái kệ cao trong gara - anh định thu vén và cuốn lại sợi dây phơi cho gọn gàng - và chỉ một cái giật đầu tiên thì ôi thôi một dòng thác với biết bao là va li, một máy cắt cỏ cũ và một chiếc máy may có trời mà biết nặng bao nhiêu đã tuôn ào ào xuống ngay chỗ anh đứng nếu không kịp nhảy tránh.

Loren chậm rãi trở vào nhà, tìm anh cú đập thành thịch khi phát hiện ra cái điều khủng khiếp này. Anh đi vào nhà bếp rồi lên lầu. Olivia đang ở trên giường, ngồi dựa vào một cái gối, một quyển tạp chí đặt trên lòng.

— Tiếng gì mà khủng khiếp thế, mình?

Loren hắng giọng rồi chỉnh lại gọng kính đen lên phía trên sống mũi. Anh giải thích chuyện đã xảy ra trong gara.

— Đồ đạc trong gara sao mà nhiều quá. Anh chỉ mới kéo sợi dây phơi thôi mà.

Cô chỉ âm thầm chớp nhẹ mắt như bảo rằng:

— À, vậy sao? Rồi xảy ra cơ sự như vậy chứ gì.

— Gần đây em có đến chỗ kệ đó làm gì không nhỉ?

— Tại sao vậy, không đâu. Mà tại sao vậy?

— Vì - à phải rồi, mọi thứ trên đó chỉ chực rơi xuống đấy, cưng ạ.

Cô nhỏ giọng hỏi:

— Anh trách em đấy à?

— Ừ, trách chuyện bất cẩn của em đấy. Anh đã xếp mấy cái

va li trên đó và không hề để chúng theo cái kiểu cứ chạm vào một cái là rơi xuống liền. Rồi anh cũng không để cái máy may nằm chót vót trên đồng va li ấy đâu. Bây giờ này, anh mới nói.

— Trách chuyện em bất cẩn chứ gì. - Cô nhắc lại, đón đầu trước mọi chuyện.

Anh vội quỳ xuống sát bên giường.

— Cukup à, thôi đừng giấu mọi chuyện nữa đi. Tuần rồi có một cái máy quét thảm nằm trên cầu thang đi xuống hầm rượu. Và chính cái cầu thang đó! Em đã dùng để trèo lên để đập cái tổ ong bắp cày! Cukup ơi, anh hiểu là em đang muốn phải có một điều gì đó xảy ra với em, cho dù là em có ý thức về chuyện đó hay không. Em cần phải cẩn thận hơn, Olivia nhé - Ồi trời, xin em đừng khóc mà. Anh đang cố giúp em chứ đâu phải chê trách gì em đâu.

— Em biết chứ, Loren. Anh tốt lắm. Nhưng cuộc đời em - em cho là chẳng đáng sống chút nào cả. Em không có ý cố gắng kết liễu cuộc đời mình đâu, nhưng...

— Em vẫn còn đang nghĩ - đến Stephen chứ gì? - Loren ghét cay ghét đắng cái tên đó và cả việc nhắc đến nó nữa.

Cô bỏ tay ra khỏi cặp mắt đang đỏ lên của mình.

— Anh đã bắt em phải hứa không được nghĩ đến anh ấy nữa, thì em đã làm theo lời anh rồi còn gì. Em thế đó, Loren à.

Anh nắm đôi bàn tay cô ta trong tay mình.

— Hay lắm, thế mới là cục cưng của anh chứ! Em mau cho biết ý em về chuyến du lịch biển xem nào? Có lẽ vào tháng hai nhé? Myers từ miền duyên hải trở về có thể chở mình đi một vòng trong hai tuần. Vậy mình chọn Haiti hay Bermuda nào?

Có vẻ như trong khoảnh khắc cô đã nghĩ đến chuyến du lịch này, nhưng cuối cùng đã lắc đầu và bảo cô biết rằng anh chỉ làm chuyện đó vì cô mà thôi, chứ không phải vì anh thực lòng muốn đi. Loren chỉ phản đối lấy lệ, rồi đành chịu thua cô nàng. Nếu ngay tức thời Olivia đã không chấp nhận một ý kiến nào rồi, thì đừng hòng bao giờ cô ta sẽ chấp nhận nó nữa. Anh đã

đạt được một thắng lợi - đã thuyết phục được cô không gặp lại Stephen Castle trong thời gian ba tháng.

Olivia đã gặp Stephen Castle trong buổi tiệc của một đồng nghiệp cùng kinh doanh chứng khoán của Loren. Stephen mới ba mươi lăm tuổi, trẻ hơn Loren đến mười tuổi và hơn Olivia một tuổi, và anh ta là một diễn viên. Loren không hề biết gì về việc Toohey, chủ nhân của buổi tiệc, đã gặp gỡ anh ta như thế nào hay lý do tại sao đã mời anh ta đến dự một bữa tiệc mà mọi khách mời khác đều đang kinh doanh trong ngành ngân hàng hay chứng khoán; thế mà anh ta lại hiện diện ở đó, như một linh hồn lạc loài đến là tội nghiệp, và anh ta đã luôn chú tâm đến Olivia trong suốt buổi tiệc, còn nàng đã đáp lại bằng những nụ cười quyến rũ đã từng hấp hồn Loren chỉ trong một buổi tối cách nay tám năm.

Sau đó khi lái xe trở lại Old Greenwich, Olivia đã nói, “Thật thú vị khi được nói chuyện với một người nào đó không thuộc giới kinh doanh chứng khoán để thay đổi không khí! Anh ấy đã bảo em là anh ấy hiện đang diễn tập vở kịch Vị Khách Mời Thường Xuyên. Mình phải đi xem nó, nhé Loren”.

Họ đã đi xem vở kịch đó. Stephen Castle diễn xuất trong khoảng năm phút ở màn đầu. Họ đã vào thăm Stephen ở hậu trường, và Olivia đã mời anh ta đến dự buổi tiệc cocktail mà họ khoản đãi vào cuối tuần sau. Anh ta đã đến, và đã qua đêm trong căn phòng dành cho khách. Những tuần sau Olivia đã lái xe về New York mỗi tuần hai lần để đi mua sắm, tuy nhiên cô cũng không giấu diếm gì chuyện cô đã đến gặp Stephen để đi dùng cơm trưa vào những ngày này và đôi khi còn đi dự tiệc cocktail nữa. Cuối cùng cô đã cho Loren biết là cô đã yêu Stephen và muốn ly dị.

Thoạt đầu Loren không nói gì cả, thậm chí còn có ý định cho cô ta được ly dị theo cái kiểu anh hùng mã thượng nữa; tuy nhiên bốn tám giờ sau khi cô thông báo chuyện ly dị anh mới lấy lại được những gì mà anh cho là đầu óc minh mẫn của

mình. Đến lúc đó anh đã tự đánh giá mình so với đối thủ - không những về thể chất (Loren không được trội lắm về khoản này, đã không cao gì hơn Olivia mà tóc lại đang bị hói dần, lại thêm cái bụng khá phệ nữa) nhưng còn về đạo đức và tài chánh thì anh đều ăn đứt Stephen Castle, và anh đã thật nhún nhường vạch rõ cho Olivia thấy rõ điều này.

Cô vận lại:

— Em không hề lấy chồng vì tiền bao giờ cả.

— Anh không có ý nói em lấy anh vì tiền đâu. Anh chỉ mới chợt có ý nghĩ đó thôi. Thế còn Stephen sẽ có được những gì nào? Có nhiều nhồi gì đâu từ cái chuyện diễn xuất ấy chứ. Từ trước đến giờ chẳng phải là em vẫn có tiền nhiều hơn là những khoản mà anh ta có thể cung phụng cho em được đấy thôi. Vả lại em cũng chỉ mới quen anh ta có sáu tuần thôi. Làm thế nào mà em dám chắc được rằng tình yêu của anh ta dành cho em sẽ kéo dài đến mãi đời được?

Cái ý tưởng sau cùng này đã khiến Olivia phải sững lại. Cô bảo rằng để cô gặp lại anh ta chỉ một lần nữa thôi - “để nói chuyện cho dứt khoát”. Thế là một buổi sáng nọ, cô đã lái xe đi New York mãi cho đến nửa đêm mới trở về nhà. Hôm đó nhằm ngày chủ nhật, Stephen không phải đi diễn. Loren đã ngồi chờ cô. Olivia đã vừa khóc vừa cho Loren biết rằng cô và Stephen đã đi đến chỗ thông cảm nhau rất nhiều. Họ sẽ không gặp nhau trong một tháng, và nếu vào cuối kỳ hạn đó họ không còn cảm thấy những tình cảm dành cho nhau như lúc ban đầu nữa, thì họ sẽ đồng ý quên hết mọi chuyện.

Loren nói:

— Dĩ nhiên là em cũng vẫn còn giữ nguyên tình cảm đó chứ. Nghĩa lý gì một tháng trong cả một đời người? Phải chi em cố chịu thử thách trong ba tháng.

Cô nhìn anh qua làn nước mắt.

— Ba tháng à?

— So với tám năm chúng ta đã lấy nhau? Như thế liệu có bất

công chẳng? Cuộc hôn nhân của chúng ta tối thiểu lại không đáng được hưởng một cơ hội thử thách trong ba tháng hay sao?

— Thôi được, cứ thỏa thuận vậy đi. Ba tháng. Ngày mai em sẽ gọi điện cho Stephen để báo cho anh ấy biết. Bọn em sẽ không gặp hay gọi điện cho nhau trong ba tháng.

Từ ngày đó trở đi Olivia cứ suy sụp dần. Cô không còn thiết tha gì đến việc làm vườn, chẳng đoái hoài gì đến câu lạc bộ đánh cờ và ngay cả quần áo trang phục nữa. Cô chẳng màng gì chuyện ăn uống, mặc dù vậy trông cô vẫn không có vẻ gì giảm ký, có lẽ do tình trạng ù lì bất động kéo dài cũng nên. Họ không hề mượn người giúp việc. Olivia vẫn hay tự hào mình là một cô gái đảm đang hay làm, một nhân viên bán quà tặng cho một cửa hàng lớn ở Manhattan, khi Loren gặp cô. Cô thích nói về chuyện cô biết tự làm lấy mọi chuyện. Ngôi nhà rộng lớn ở Old Greenwich đủ để cho bất kỳ phụ nữ nào cũng phải bận rộn luôn tay, dầu rằng Loren đã mua đủ mọi thứ công cụ hỗ trợ cần thiết. Họ còn có một phòng cấp đông mà người ta có thể đi được vào bên trong, bằng cả một phòng chứa đồ lớn, ở dưới tầng hầm, giúp họ ít phải đi chợ thường xuyên hơn và dù trong trường hợp nào cũng luôn luôn sẵn sàng có được đủ loại thức ăn. Đến lúc này thì dường như Olivia đã mất sức dần, Loren đưa ý kiến mượn người giúp việc nhưng Olivia không chịu.

Bảy tuần lễ trôi qua và Olivia vẫn giữ được lời hứa không gặp mặt Stephen. Tuy nhiên, rõ ràng là cô đã quá suy sụp, chỉ chực bật khóc, đến nỗi Loren cũng luôn ở trong tâm trạng sẵn sàng xuống nước để nói với cô rằng nếu quá yêu Stephen nàng có quyền gặp lại anh ta. Loren nghĩ có lẽ Stephen Castle cũng đang cảm thấy bức xúc như vậy, cũng đếm dần từng tuần lễ một cho đến khi anh ta có thể được gặp lại Olivia. Nếu vậy, Loren kể như đã thua cuộc rồi.

Nhưng Loren thật khó lòng tin rằng Stephen lại có được tình cảm về bất kỳ điều gì. Hẳn là một gã cao lêu têu, trông khá ngờ nghệch với mái tóc vàng như râu bắp, và Loren chưa bao giờ

thấy hần mà không thấy nụ cười góm ghieéc trên môi - như thể hần là một tấm bảng yết thị mặt người, luôn luôn phô bày những gì mà hần cảm thấy tự đắc nhất.

Loren, một người đã sống độc thân cho đến ba mươi bảy tuổi mới lấy Olivia làm vợ, thường thở dài ngao ngán về những cách xử sự của đàn bà. Chẳng hạn như trong trường hợp Olivia: giả như anh say đắm một người phụ nữ khác, thì anh đã bắt đầu ngay việc thoát khỏi cuộc hôn nhân này với cô ta rồi. Nhưng trong trường hợp này Olivia lại đang còn tùy thuộc vào nó, theo một cách nào đó. Anh tự hỏi không biết cô ta còn mong mỗi gì ở nó cơ chứ. Phải chăng cô ta nghĩ hay hy vọng rằng tình cảm đắm đuối của mình đối với Stephen rồi sẽ có thể tan biến ư? Hoặc giả trong vô thức cô ta mơ hồ biết rằng tình cảm của mình đối với Stephen Castle chỉ là chuyện viễn vông, và sự suy sụp hiện thời của cô ta thể hiện cho cô ta và Loren thấy rằng đó chính là khoảng thời gian để khóc thương cho một tình yêu mà cô ta không đủ can đảm để vươn tới và đón nhận?

Tuy nhiên cái ngày thứ bảy xảy ra sự cố trong gara đã khiến Loren ngờ rằng Olivia vẫn còn đang nuôi ảo mộng. Anh không muốn thừa nhận rằng Olivia đang cố kết liễu cuộc đời mình, nhưng lý trí vẫn luôn ép buộc anh phải luôn chấp nhận. Anh đã từng đọc sách báo về những người như vậy. Họ khác với những người thường hay gặp tai nạn, vẫn có thể sống cho đến khi chết một cách tự nhiên cho dù cái chết đó thuộc loại nào đi nữa. Còn những người khác thuộc loại người có khuynh hướng tự sát, và chắc chắn Olivia thuộc vào loại này.

Một điển hình là chuyện cái thang. Olivia đang đứng trên nấc thang thứ tư hay thứ năm gì đó khi Loren nhận thấy vết nứt ở bên trái của cái thang, và cô ta hầu như không quan tâm, cho dù khi đó anh đã chỉ cho cô ta thấy. Phải chăng vì lúc đó cô đang nói là cô bỗng cảm thấy hơi choáng váng khi nhìn lên tổ ong bắp cày và còn nói thêm rằng anh đừng bao giờ làm những chuyện vặt trong nhà nữa, và vì vậy mà cô đã không nhìn thấy

vết nứt trên cái thang.

Loren đọc báo thấy vở kịch của Stephen đã được công diễn xong, và anh cảm thấy rằng Olivia lại càng u sầu thêm. Lúc này bên dưới đôi mắt cô đã xuất hiện các quầng thâm. Cô kêu rằng mình đã không tài nào ngủ được trước khi trời sáng.

Cuối cùng Loren cũng đành phải lên tiếng.

— Cứ gọi điện cho anh ta đi, nếu em muốn. Cứ gặp anh ta một lần nữa đi rồi giải quyết mọi chuyện đi nếu cả hai người.

— Không đâu, em đã hứa với anh rồi. Ba tháng mà, Loren. Em phải giữ lời chứ, cô nói với cặp môi run run.

Loren quay trở ra, cảm thấy khổ sở và tự giận mình.

Olivia ngày càng yếu hơn. Mỗi lần mò xuống nhà dưới cô đều phải vịn thành cầu thang mà lần từng bước.

Loren đã phải nhắc cô nhiều lần nên đi khám bác sĩ, nhưng cô vẫn nằng nặc không chịu.

Cô nói với nụ cười buồn hiu hắt:

— Gần hết ba tháng rồi, mình ạ. Em phải sống đến ngày đó chứ.

Mà đúng vậy. Chỉ còn hai tuần nữa thôi là đến ngày 15 tháng Ba, ngày cuối cùng của kỳ hạn ba tháng. Loren bỗng nhớ ra đó chính là ngày Julius Caesar đã bị ám sát. Một sự trùng hợp mang đầy điềm gở.

Vào trưa chủ nhật, khi đang nghiên cứu một số báo cáo trong công việc của mình anh bỗng nghe một tiếng hét thật dài, tiếp theo là tiếng đổ vỡ loảng xoảng. Chỉ trong chớp mắt anh đã bật dậy và bỏ chạy. Anh nghĩ, tiếng hét phát ra từ tầng hầm chứa thức ăn, và nếu vậy thì anh đã biết chuyện gì xảy ra rồi. Lại cái máy quét thảm chết tiệt chứ còn gì nữa!

— Olivia hả?

Anh nghe tiếng rên rỉ phát ra từ hầm chứa thức ăn tối đen như mực. Loren lao xuống các bậc thang. Có tiếng bánh xe quay vù vù nho nhỏ, đôi bàn chân của anh bay lên trước mặt mình, và chỉ trong vài giây phù du trước khi đầu anh đập mạnh

xuống nên xi măng anh đã hiểu ra tất cả mọi chuyện: Olivia đã không bị té xuống những bậc thang của tầng hầm, cô ả chỉ muốn dụ cho anh đến đây mà thôi; quả là lần này thì cô ả đang cố giết anh, Loren Amory - và chung quy cũng chỉ vì Stephen Castle.

Olivia đã báo cho cảnh sát, trong khi đôi bàn tay run rẩy của cô đang túm chặt chiếc áo váy cho sát người.

— Tôi đang ở trên lầu đọc sách thì bỗng nghe một tiếng một vật gì rơi thật khủng khiếp thế là tôi chạy xuống.

Rồi cô ra dấu chỉ về phía cái xác của Loren một cách thiếu não.

Cảnh sát vừa ghi chép những gì cô kể vừa ái ngại cho cô. Họ bảo người ta cần phải hết sức cẩn thận với những thứ như mấy cái máy quét thảm trên những cầu thang tối. Ngày nào ở Mỹ cũng có người chết vì những tai nạn như vậy. Sau đó cái xác đã được mang đi và Loren Amory đã được chôn cất vào ngày thứ ba.

Olivia gọi điện cho Stephen vào thứ tư. Cô vẫn gọi điện cho anh ta hàng ngày chỉ trừ thứ bảy và chủ nhật, nhưng cô đã ngừng gọi cho anh ta từ thứ sáu tuần trước. Họ đã thỏa thuận rằng bất kỳ ngày cuối tuần nào mà cô không gọi đến căn hộ riêng của anh ta lúc 11 giờ trưa thì đó sẽ là một tín hiệu cho biết sứ mạng của họ đã được hoàn thành. Và mẫu tin cáo phó của Loren Amory cũng dành một diện tích khá lớn trên trang cáo phó thứ hai trên báo. Anh đã để lại cho cô vợ góa của mình gần một triệu đô và một vài căn nhà ở Florida, Connecticut và Maine.

— Em yêu! Trông cưng mệt mỏi quá!

Là câu đầu tiên mà anh ta dành cho cô khi họ gặp nhau trong một quán bar khuất nẻo ở New York vào ngày thứ tư.

Olivia vui vẻ nói:

— Bậy nào! Chỉ toàn giả trang không đấy!

Rồi cô bật cười:

— Còn anh đúng là diễn viên xịn mà! Anh biết đấy, em phải tỏ ra cho hàng xóm biết là mình cũng rầu rĩ cho phải đạo chứ. Vả lại em cũng không biết chắc là lúc nào mình gặp người quen ở New York nữa.

Stephen sốt ruột nhìn quanh chỗ mình, rồi nói với nụ cười quen thuộc.

— Olivia yêu, chừng nào mình mới sớm được ở bên nhau đây?

Cô đáp ngay:

— Liên bây giờ thôi. Dĩ nhiên là đâu cần gì phải về đến nhà, thế anh còn nhớ chuyện mình đã bàn về một chuyến du lịch biển không đấy? Có thể là Trinidad chẳng? Em có mang theo tiền đây. Em muốn là anh đi mua vé đi.

Họ ở hai phòng riêng trên tàu, và tờ báo địa phương Connecticut không chút nghi ngờ đã loan tin rằng chuyến du lịch của bà Amory chỉ vì lý do sức khỏe mà thôi.

Trở về Mỹ vào tháng tư, trông rầm nảng và khỏe hần ra Olivia đã thú thực với bạn bè rằng mình đã gặp người mà mình “quan tâm”. Bạn bè đã cam đoan rằng trông cô đã trở lại bình thường rồi, và khuyên cô không nên cứ ở vậy một mình cả đời. Có điều lạ là khi Olivia mời Stephen đến dự bữa tiệc tối tại nhà mình, thì không người bạn nào của cô nhớ ra anh ta, dẫu rằng anh ta đã vài lần đến dự tiệc cocktail tại ngôi nhà này vài tháng trước đây. Bây giờ đây Stephen mới cảm thấy tự tin hơn về mình, và Olivia nghĩ rằng anh ta đã ứng xử tuyệt vời như một thiên thần.

Họ đã lấy nhau vào tháng tám. Stephen vẫn cứ đeo bám theo công việc của mình, nhưng vẫn không gạt hái được gì nhiều về mặt vật chất. Olivia vẫn khuyên anh đừng lo lắng gì cả, chỉ sau mùa hè thì mọi chuyện sẽ hanh thông. Trông Stephen chẳng có gì là lo lắng thái quá, mặc dù anh ta có phản đối chuyện vẫn phải đi làm, và nói nếu cần anh sẽ thử tham gia vài chương trình truyền hình xem sao. Anh ta ngày càng thích thú với

công việc làm vườn, đã trồng được một số cây vân sam, và thường xuyên khiến khu vườn lại trở nên sinh động như xưa.

Olivia rất mừng là Stephen đã ưa thích ngôi nhà, vì chính cô cũng ưa thích nó. Không ai trong hai người nhắc đến cái cầu thang ở dưới hầm chứa thức ăn cả, tuy nhiên họ đã cho gắn một công tắc đèn ngay đầu cầu thang, để tránh cho một tai nạn tương tự đừng xảy ra. Cả cái máy quét thảm cũng được cất giữ ở một nơi thích hợp, trong phòng nhỏ chứa chổi ở nhà bếp.

Olivia và Stephen đã cùng nhau giải trí cho thỏa thích hơn bao giờ hết. Stephen có nhiều bạn bè ở New York và Olivia cảm thấy bọn họ sao mà vui thế. Tuy nhiên Olivia cho rằng Stephen đã sa đà vào nhậu nhẹt khá nhiều. Trong một bữa tiệc, khi tất cả mọi người đều ở bên ngoài sân thượng, Stephen suýt chút nữa đã té nhào người qua lan can. Khiến hai vị khách đã phải giữ anh ta lại.

Parker Barnes, một diễn viên bạn của Stephen nói:

— Cần thận giữ mình đấy Steve. Ngôi nhà này xúi quẩy lắm đấy.

Stephen hỏi lại:

— Cậu muốn nói dzì dzậy? Tôi chả thêm tin chút nào về chuyện đó đâu. Có thể tôi là diễn viên đấy, nhưng tôi không mê tín chút nào hết.

— À, thì ra ông là một diễn viên đấy hả, ông Castle!

Một giọng nói của đàn bà vang lên từ trong bóng tối.

Sau khi khách khứa đã ra về, Stephen bảo Olivia ra ngoài sân thượng lần nữa.

Stephen vừa cười vừa nói:

— Có lẽ khí trời sẽ làm anh tỉnh táo. Xin lỗi là tối nay anh say quá đi mất. Có thằng bạn cũ Orion của anh nữa đấy. Em có thấy nó không?

Anh ta quàng tay qua người Olivia rồi kéo cô lại gần.

— Chòm sao sáng nhất trên trời đấy em ạ.

— Anh làm em đau mà, Stephen! Đừng làm thế chứ.

Rồi cô hét lên và vùng vẫy trườn người ra, để cứu lấy mạng sống mình.

Cô trườn người lách khỏi anh ta rồi chạy lại đứng gần cánh cửa phòng ngủ, đối diện với anh ta.

— Anh định đẩy tôi xuống à.

— Mẹ kiếp! - Stephen há hốc miệng, ngạc nhiên vì sức mạnh của cô ta.

— Đâu có! Trời ơi, Olivia! - Anh bị mất thăng bằng đấy thôi mà. Anh tưởng là anh bị té nhào người ra ngoài rồi chứ!

— Được thế đã may, sao lại còn níu kéo rồi lôi theo cả người khác nữa làm gì.

— Anh đâu có biết. Anh đang xin mà. Cho anh xin lỗi nhé.

Đêm đó họ vẫn ngủ chung một giường như bình thường, tuy nhiên cả hai đều chỉ ngủ vờ mà thôi. Cho đến giờ thì ít ra thật đúng với Olivia, như cô đã thường hay nói với Loren, là chỉ đến sáng ra cô mới chợp mắt được.

Ngày hôm sau, mỗi người đều đặc biệt và ngấm ngấm dò xét thật kỹ khắp ngôi nhà từ gác mái đến hầm chứa thức ăn - Olivia phải cảnh giác để tránh những cái bẫy chết người có thể đang giăng ra cho mình, còn Stephen thì cố tìm cách giăng bẫy. Anh ta đã quyết định rằng các bậc thang đi xuống hầm chứa thức ăn đem lại nhiều cơ hội nhất để thực hiện ý đồ của mình, cho dù đây chính là bản sao của vụ mưu sát trước đi nữa, nhưng vì anh nghĩ rằng không ai có thể ngờ được rằng có kẻ nào - nếu như đã có ý đồ giết người - lại dám cả gan sử dụng cùng một cách mưu sát đến hai lần.

Thật ngẫu nhiên, Olivia cũng có cùng ý đồ như vậy.

Trước đây các bậc thang dẫn xuống tầng hầm chưa bao giờ được dọn cho thoáng chỗ hay được đốt đèn cho thật sáng. Không người nào dám khởi xướng việc mở đèn ban đêm. Ngoài mặt mỗi người vẫn bộc lộ tình yêu và lòng trung thành đối với người kia.

Cô vừa ôm anh vừa thở thê:

— Em xin lỗi là đã nói vậy với anh, Stephen ạ. Chỉ tại đêm đó trên sân thượng em sợ quá, chứ chẳng có gì đâu. Lúc đó anh đã chả nói là “Mẹ kiếp” em đấy thôi.

— Anh biết mà, người đẹp của anh. Anh đâu có ý làm em thương tổn đâu. Anh chỉ nói “Mẹ kiếp” chỉ vì thấy em ở đó thôi, và anh nghĩ là anh đang lôi kéo em đấy chứ.

Họ lại bàn về một chuyến du lịch biển khác. Mùa xuân tới họ định đi Âu châu. Nhưng khi ăn cơm bao giờ họ cũng thận trọng nếm từng món ăn một trước khi ăn.

Stephen thầm nghĩ, tao thì làm quái gì được với mấy cái món ăn, vì có bao giờ mày rời khỏi bếp trong khi đang nấu ăn cơ chứ.

Tâm trạng hụt hẫng vì mất người yêu của cô được che giấu bằng một nỗi oán giận thật đen tối. Cô chợt nhận ra là mình đang bị lừa gạt. Một chút hấp dẫn cuối cùng của Stephen đã tan biến. Tuy nhiên giờ đây Olivia lại cho rằng đây là lúc hấn đang diễn xuất tài tình nhất trong cuộc đời của hấn - và đó là công việc diễn xuất suốt hai mươi bốn giờ một ngày của hấn. Cô lấy làm mừng là điều đó đã không khiến mình phải phát điên lên, và cô đang cân nhắc một kế hoạch đối phó, ý thức rằng “tai nạn” này thậm chí phải thuyết phục hơn cả cái tai nạn đã giúp cô thoát khỏi tay Loren.

Stephen nhận thấy là mình đang ở trong một tư thế rất lúng túng. Mọi người đã biết Olivia và anh ta, dù chỉ là chút ít thôi, đều cho rằng anh ta đã yêu quý Olivia hết mực. Một tai nạn cũng sẽ được xem chỉ là một tai nạn thôi, nếu như anh đã nói vậy. Hiện nay anh ta đang đùa bỡn với cái ý nghĩ về cái phòng cấp đông to bằng cái phòng chứa đồ ở dưới tầng hầm. Cửa phòng cấp đông không có tay nắm ở bên trong, và cũng có lúc Olivia phải đi vào góc phòng sâu nhất để lấy thịt bíp tết hay măng đông lạnh. Nhưng liệu cô ả có còn dám đi vào đó nữa không, trong khi bây giờ cô ả đang bắt đầu ngờ vực, còn ngộ nhỡ anh lại cũng đang ở trong đó vào đúng lúc đó thì sao? Anh

rất nghi ngại về mưu đồ này.

Một buổi sáng nọ khi Olivia đang dùng điểm tâm trên giường - cô vẫn được phục vụ bữa điểm tâm tận giường như trước đây, và bây giờ Stephen đã thay Loren để làm việc này - Stephen đã có dịp để thử cánh cửa của phòng cấp đông. Anh ta đã khám phá ra rằng, nếu nó bị chạm mạnh vào một vật cứng trong khi đang mở ra, thì nó chắc chắn sẽ bị bật đóng vào một cách chậm chạp. Hiện giờ không có một vật cứng nào ở gần cửa cả, nên ngược lại cửa có khuynh hướng mở bật ra hết cỡ, để cho cái then ở bên ngoài cửa gài vào bộ kẹp gán ở trên tường, và giữ cho cửa luôn luôn mở. Anh ta đã lưu ý thấy Olivia luôn luôn mở rộng cửa khi cô đi vào phòng cấp đông, và cánh cửa sẽ tự động được chốt vào tường. Tuy nhiên nếu như anh ta đặt một vật gì chặn cửa lại ngay cả bằng cái góc của thùng đựng củi ngo nhúm lửa đi nữa, thì cánh cửa sẽ đập vào đó rồi đóng bật trở lại, trước khi Olivia có thời gian nhận biết được chuyện gì đã xảy ra.

Tuy nhiên thời điểm đặc biệt đó dường như chưa phải là lúc để đặt cái thùng đựng củi ngo vào chỗ đó, vì vậy Stephen đã không thực hiện cái bẫy của mình. Olivia đã nói về chuyện đi ăn nhà hàng tối nay. Nên hôm nay cô đã không lấy bất kỳ món gì ra khỏi phòng để chờ tan băng cả.

Lúc ba giờ chiều họ đi tản bộ - trong khu rừng nhỏ ở sau nhà, rồi lại trở về - và họ gần như bắt đầu nắm tay nhau, bằng tình cảm giả vờ mà thực chất là đang ngấm ngấm ghê tởm và lảng nhục nhau; tuy nhiên các ngón tay họ chỉ khẽ chạm rồi tách rời nhau.

Olivia lên tiếng:

— Một tách trà chắc là ngon đấy, mình nhỉ?

Anh ta chỉ mỉm cười, “Ừ hử”. Đầu độc bằng trà chứ gì? Chất độc trong bánh bích qui chẳng? Chả là ả đã chuẩn bị sẵn sàng nay rồi còn gì.

Anh ta nhớ lại cách họ đã mưu tính về cái chết buồn thảm

của Loren - những lời rù rì thật tỉ mỉ của cô ả về mưu đồ sát nhân trong suốt buổi tiệc trưa, sự kiên trì vô hạn của ả khi từng tuần lễ trôi qua và hết kế hoạch này đến kế hoạch khác theo nhau đổ vỡ. Chính anh ta đã bày ra chuyên cái máy quét thảm đặt trên các bậc thang dẫn xuống tầng hầm và chuyện dẫn dụ bằng tiếng hét của ả. Cái đầu óc ngu xuẩn của ả có bao giờ mà mưu tính được chuyện gì cơ chứ?

Ngay sau khi dùng trà xong - mọi chuyện có vẻ tốt đẹp - Stephen lững thững ra khỏi phòng khách như thể không có mục đích gì đặc biệt. Anh ta cảm thấy bắt buộc phải thử đặt cái thùng đựng gỗ ngo lại lần nữa xem thử có tin cậy được không. Anh ta cũng cảm thấy hứng khởi muốn đi giảng bây giờ này cho xong rồi để đó chờ. Đèn ở đầu cầu thang dẫn xuống hầm được bật sáng. Anh ta thận trọng bước xuống từng bậc thang một.

Anh ta lắng nghe một lúc xem có thấy Olivia đi theo mình không. Sau đó anh ta kéo cái thùng đựng củi ngo vào chỗ đã dự tính, dĩ nhiên là không còn song song với mặt trước của phòng cấp đông nữa mà hơi lệch qua một bên, như thể có ai đó đã kéo nó ra khỏi chỗ khuất để nhìn cho rõ hơn rồi cứ để nguyên như vậy. Anh ta mở cánh cửa phòng cấp đông với tốc độ và lực kéo thật giống như Olivia vẫn thường mở, bật nó ra khi bước một chân vào, tay phải của anh ta vươn ra để đón lấy cánh khi nó bật trở lại. Tuy nhiên bàn chân mang cả sức nặng của thân người anh ta đã bị trượt về phía trước gần cả tắc ngay khi cánh cửa đập mạnh vào thùng đựng củi ngo.

Stephen quy xuống trên đầu gối phải, còn chân trái duỗi thẳng ra phía trước, và thế là cánh cửa đóng ập lại sau lưng. Anh ta gượng đứng dậy ngay tức thì rồi chỉ kịp quay lại để trở mắt ra nhìn cánh cửa đã khép kín. Trong tử tối đen như mực, anh ta mò mẫm tìm công tắc phụ phía bên trái cánh cửa để mở đèn ở cuối phòng cấp đông.

Chuyện đã xảy ra thế nào nhỉ? Tại cái lớp băng đóng chết tiệt

trên sàn kia ư! Tuy nhiên, anh ta thấy rõ không chỉ tại lớp băng đầu. Cái vật đã khiến anh ta bị trượt chân chính là một miếng mỡ nhỏ mà bây giờ anh ta mới thấy rõ đang nằm ở giữa sàn của căn phòng, ở cuối cái vệt mỡ do cú trượt dài của anh ta đã tạo ra.

Trong khoảnh khắc, anh ta ngậy người nhìn miếng mỡ như kẻ mất hồn rồi quay lại để đối phó với cánh cửa lần nữa, đẩy mạnh vào nó, và cảm thấy được tiếng kêu răng rắc của lớp doong cao su cứng. Dĩ nhiên anh ta có thể gọi Olivia được chứ. Thế nào rồi cô cũng phải nghe thấy tiếng kêu của anh ta hay ít ra cũng nhớ đến anh ta, trước khi anh ta bị đông cứng. Cô sẽ đi xuống phòng chứa thức ăn, và có thể nghe thấy tiếng anh ta ở đó nếu như không nghe thấy tiếng anh ta ở trong phòng khách. Sau đó, dĩ nhiên là cô sẽ mở cánh cửa này ra chứ còn gì nữa.

Anh ta gượng gạo mỉm cười và cố tự thuyết phục rằng thế nào rồi cô ta cũng sẽ mở cửa thôi.

— Olivia hả? Olivia à! Anh đang ở trong hầm đựng thức ăn đây này!

Đến gần một nửa tiếng đồng hồ sau, Olivia gọi Stephen để hỏi xem anh ta thích đi ăn nhà hàng nào, để cô còn liệu mà chọn trang phục cho phù hợp. Cô tìm kiếm anh ta trong phòng ngủ, phòng đọc sách, trên sân thượng và cuối cùng gọi vọng ra phía cửa trước vì cho rằng anh ta đang quanh quất đâu đó ở bốn chỗ cũng nên.

Cuối cùng cô đã đi thử xuống tầng hầm để thức ăn xem sao.

Đến lúc này, co rúm người trong chiếc áo vét bằng vải tuyết với hai tay ôm chéo trước ngực, Stephen cứ đi đi lại lại trong căn phòng cấp đông, cứ ba mươi giây lại kêu cứu và tận dụng tất cả hơi thở còn lại để thổi vào chiếc áo sơ mi của mình nhằm cứu ấm cho cơ thể. Định dậm bước rời khỏi tầng hầm chứa thức ăn, Olivia bỗng nghe thấy tiếng gọi tên mình thật nhỏ.

— Stephen hả? Stephen, anh ở đâu vậy?

Anh gào thật to hết sức bình sinh.

— Trong hầm thức ăn đây này!

Olivia nhìn phòng cấp đông với một nụ cười hoài nghi.

Giọng nói bị nghẽn đặc của anh ta vọng lại

— Mở cửa đi, được không em? Anh đang ở trong phòng cấp đông đây này!

Olivia quay đầu nhìn lại rồi phá lên cười, chẳng màng gì chuyện Stephen có thể nghe thấy tiếng cười của mình. Sau đó vẫn tiếp tục vừa cười sảng sặc đến độ phải gấp cả người lại, cô vừa bước lên những bậc thang dần ra khỏi tầng hầm.

Cái điều đã làm cô khoái trá chính ở chỗ cô đã nghĩ đến việc dùng cái phòng cấp đông này làm nơi tuyệt vời nhất để trừ khử Stephen, nhưng cô đã không tài nào nghĩ ra cách để đưa hắn vào trong đó. Cô bỗng nhận ra rằng, nhờ một tai nạn nực cười nào đó mà bây giờ hắn đã chui tọt vào trong đó rồi - có lẽ hắn đang cố giảng bày mình cũng nên. Thật khôi hài hết sức. Và cũng thật may mắn làm sao đâu!

Cô thầm nghĩ, có lẽ ngay cả bây giờ đây ý đồ của hắn vẫn là lừa cho cô mở cánh cửa phòng cấp đông đó ra, kéo mạnh cô vào bên trong rồi đóng ập cửa để nhốt cô lại cũng nên. Chắc chắn là cô đâu có dại mà để xảy ra chuyện đó được!

Olivia đi lấy xe hơi rồi lái xe đi gần hai mươi dặm về hướng bắc, dùng một cái bánh sandwich tại một quán cà phê ở ven đường, rồi đi xem xi nê. Khi về đến nhà vào nửa đêm cô mới cảm thấy là mình đã không có can đảm ghé xuống xem “Stephen” ở dưới phòng cấp đông hoặc ngay cả việc đi xuống tầng hầm nữa. Cho đến bây giờ cô không dám chắc là hắn đã chết chưa nữa, và cho dù hắn có im lặng đi nữa thì cũng có thể là hắn chỉ đang giả vờ chết hay bất tỉnh mà thôi.

Nhưng qua hôm sau thì cô đã chắc như đinh đóng cột rằng hắn đã chết thật rồi. Chỉ nội cái chuyện thiếu không khí thôi chắc chắn cũng đủ cho hắn tiêu đời vào ngay lúc đó rồi còn gì.

Cô đi ngủ và để bảo đảm có thể chớp mắt được cô đã phải dùng một viên thuốc an thần nhẹ. Ngày mai cô sẽ phải trải qua

một ngày căng thẳng đây. Cô nghĩ câu chuyện của cô sẽ rất thuyết phục: một vụ đôi co nho nhỏ với Stephen - về chuyện đi ăn nhà hàng nào, chỉ có thể thôi - rồi anh ta ào ào ra khỏi phòng khách để đi bách bộ.

Mười giờ sáng hôm sau, sau khi đã dùng nước cam vắt và cà phê, Olivia cảm thấy mình đã sẵn sàng vào vai người quả phụ đang thống khổ kinh hoàng. Sau cùng, cô tự nhủ thầm, mình đã từng thủ diễn vai tuồng này rồi còn gì nữa - đây sẽ là lần thứ hai cô sắm lại vai diễn này. Cô quyết định cũng sẽ đối mặt với cảnh sát trong chiếc áo váy của mình như trước đây.

Để cho toàn bộ sự việc diễn ra thật tự nhiên, cô đi xuống tầng hầm để “phát hiện” ra sự việc trước khi báo cảnh sát.

Cô kêu to với giọng đầy tự tin:

— Stephen ơi? Stephen à?

Không có tiếng trả lời.

Cô e sợ mở cửa phòng cấp đông, thở hỗn hển khi chợt thấy cái dáng người co quắp đã bị phủ một lớp băng đang nằm trên sàn, sau đó cô bước vài bước lại gần anh ta - thầm hiểu rằng những dấu chân của mình lộ rõ trên sàn sẽ chứng thực cho lời khai của cô là cô đã vào phòng và cố cứu sống Stephen.

Rầm - cạch, cánh cửa bỗng bị đóng ập vào - như thể có ai đó đang đứng bên ngoài mà xô một cú thật mạnh vậy.

Lúc này đây, Olivia bỗng thở hỗn hển, và miệng cô cứ vậy mà há hốc ra. Cô nhảy bổ vào cánh cửa to lớn đó. Nó đã tự động gài chốt vào bức tường ở bên ngoài rồi.

— Bớ người ta! Có ai ở ngoài đó không? Làm ơn mở cửa giùm đi! Mở gấp giùm đi!

Tuy nhiên cô biết là chẳng có ai ở ngoài đó cả. Đúng là một tai nạn quý quái mà. Có lẽ đây là cái tai nạn mà Stephen đã sắp xếp cũng nên.

Cô nhìn vào mặt hắn. Đôi mắt hắn vẫn mở trừng trừng và trên đôi môi trắng bệch là cái nụ cười mím chỉ quen thuộc, có vẻ đắc thắng và cực kỳ hiểm độc làm sao. Olivia không nhìn

hắn nữa. Cô túm chặt chiếc áo váy cho thật sát vào thân thể rồi bắt đầu hét lên.

— Cứu tôi với! Bớ người ta! Bớ cảnh sát!

Cô cứ hét mãi như thế có lẽ trong nhiều giờ đồng hồ, cho đến khi giọng cô khản đặc đi và cho đến khi thực sự không cảm thấy lạnh lẽo gì nữa, mà chỉ còn thấy thiu thiu buồn ngủ.

★ ★ ♠ ★ ★

Mục lục

Cô Hầu Cận	2
Một Vụ Bào Chữa	26
Một Tương Lai Rạng Rỡ	31
Phát Đạn Súng Săn	43
Ngọn Suối Phun	52
Con Số 3 May Mắn	72
Tay Buôn Thuốc Vẽ Hồi Hưu	86
Được Cả Đôi	108